



CHÁNH PHÁP

SỐ 166 - 09.2025 HOÀNG PHÁP – GIÁO DỤC – VĂN HỌC PHẬT GIÁO – TIN TỨC PHẬT SỰ

Email: baivochanhphap@gmail.com | Website: chanhphap.us / chanhphap.org / chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Siêu**
 Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**
 Chủ bút: **Vĩnh Hào**
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và
 văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh
 Pháp.
 Trình bày: **Tâm Quang**
 Hình bìa: **Gab-Rysia (Pixabay.com)**

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

- Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:



- THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Điều Âm lược dịch), trang 4
- THÔNGIỆP VU LAN 2025 (Hội Đồng Giáo Phẩm), trang 6
- NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÁU-MỸ, t.t. (HT. Thích Trí Chơn), trang 7
- GIÁO DỤC HIẾU THẢO VỚI MẸ CHA (Nguyên Siêu), trang 9
- VU LAN BÁO HIẾU (thơ Thích Chúc Hiền), trang 13
- NGƯỜI XUẤT GIA & VẤN ĐỀ LỄ LẠY CHA MẸ (Chúc Phú), trang 14
- VU LAN NHỚ MẸ HIỀN (thơ Tuệ Uyển Nhi), trang 19
- THÔNG BÁO AN CƯ KIẾT ĐÔNG (GHPGVNTNKH), trang 20
- PHẬT GIÁO VÀ DI DÂN (Nguyên Giác), trang 21
- ĐỊNH LỰC, THIÊN SỬ (thơ Hoàng Xuân Sơn), trang 23
- BỐ CỤC TỬ NIỆM XỨ (Thích Tâm Hạnh), trang 24
- TỬ CÚ LỤC BÁT "VU LAN THÁNG BẢY" (thơ Vĩnh Hữu Tâm Không), trang 29
- TRI HÀNH HỢP NHẤT (Nhóm Áo Lam), trang 30
- THƯ CUNG THỈNH VÀ THƯ MỜI LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ – NGÀY VỀ NGUỒN LẦN 14 (HT. Thích Thông Hải), trang 31
- TÌNH MẪU TỬ (Shundo Aoyama – Hoàng Phong dịch), trang 32
- THƯƠNG LÂM QUÊ NHÀ, Ở ĐÓ... (thơ Nguyễn An Bình), trang 34
- ĐÊM QUA, MẸ NÀM MƠ (Vĩnh Hữu Tâm Không), trang 35
- TRÒ VUI GIẢ DỐI (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 39
- KHOẢNH KHẮC VU LAN (Tiểu Lục Thần Phong), trang 40
- TRỞ VỀ BẰNG SỰ RA ĐI... (thơ Huệ Trân), trang 42
- MÃ ƠI (Thanh Nguyễn), trang 43
- VAI TRÒ, Ý NGHĨA CỦA NHẬN THỨC VỀ VÔ THƯỜNG TRÊN CON ĐƯỜNG TU TẬP GIẢI THOÁT (Tuệ Huy Tô Đăng Khoa), trang 45
- CON VỀ THĂM MÁ CHIỀU NAY (thơ Thanh Nguyễn), trang 46
- MƯA RƠI THÁNG BẢY (thơ TN Giới Định), trang 47
- TRUYỆN CỰC NGẮN (Steven N), trang 48
- TA LÀ AI? (thơ Diệu Viên), trang 49
- THÁNG BẢY MƯA VỀ NHỚ MẸ CHA... (thơ Minh Đạo), trang 51
- NGÔN NGỮ VÀ GIẢI THOÁT: Mỹ học và Sứ mệnh Văn học Phật giáo (Huệ Đan), trang 52
- BÔNG HỒNG TRẮNG MÙA VU LAN (thơ Nhật Quang), trang 55
- CỎ TRẮNG, TA VẪN KHÔNG QUÊN ĐỀN (Tuệ Uyển Nhi), trang 58
- KHÚC NGUYỆN CẦU, TÂM SEN CỦA PHẬT... (thơ Tôn Nữ Mỹ Hạnh), trang 59
- TƯƠNG QUAN THẦY THUỐC, BỆNH NHÂN (BS. Nguyễn Ý Đức), trang 60
- KÍNH GỬI MẸ CHA (thơ Trần Toán), trang 62
- SINH NHẬT, NÊN NGHĨ TỚI CÔNG ƠN MẸ, CHA (TL Đào Mạnh Xuân), trang 63
- CÂU CHUYỆN PHẬT NHẬN CON (Truyện cổ Phật Giáo), trang 66
- CỜ TRỜI tập 2 – chương 18 (truyện dài Vĩnh Hào), trang 67

Báo Chánh Pháp số 166, tháng 09 năm 2025, do Chùa Quang Thiện (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

ĐẠI BI

Đại bi, lòng thương rộng lớn, là nền tảng của hạnh bồ-tát, của tâm bồ-đề. Không có đại bi thì không có Bồ-tát, không có Phật. Tất cả dụng hạnh của Bồ-tát đều khởi đi từ đại bi; bởi vì đại bi là bản thể của phương tiện (1).

Từ nơi bản thể đại bi mà mở bày phương tiện thiện xảo (2), cứu độ chúng sanh. Nhưng phương tiện thiện xảo, nếu không cùng khởi xuất từ trí bất-nhị thì chỉ là những xảo thuật của tự ngã, tôn vinh lợi ích hay danh dự cá nhân bằng phương châm lợi tha.

Trí bất-nhị là tuệ giác, là trí tuệ vượt khỏi những ý niệm về hữu-vô, sinh-diệt. Vì vậy, khi bồ-tát vận dụng phương tiện thiện xảo từ lòng đại bi, thì đồng lúc thi triển trí bất-nhị: tất cả các pháp đều huyễn hóa không thật, giống như hoa đốm giữa hư không; không thấy sự khác biệt giữa ta và người, giữa cái khổ tự thân và thống khổ của chúng sanh, giữa hiện hữu hay không hiện hữu, giữa sinh tử và niết-bàn:

*"Thế gian ly sanh-diệt
Do như hư không hoa
Trí bất đắc hữu-vô
Nhi hưng đại bi tâm." (3)*

Thuật ngữ thông thường gọi là Trí tuệ và Từ bi; còn nói bằng ngôn ngữ giản dị, gần gũi như Thiền sư Nhất Hạnh, là Hiểu và Thương. Đây là ngôn ngữ tiếp cận xã hội, ai cũng có thể hiểu và thực hành. Nhưng để Hiểu và Thương một cách thâm sâu như Đại Trí và Đại Bi, cần triển khai đến thượng tầng tri hành của người tầm cầu giải thoát giác ngộ chứ không phải chỉ quẩn quanh với tình cảm và hành động thường tục. Có nghĩa là phải miên mật tu tập, thường xuyên quán chiếu Bốn Tâm Vô Lượng (Từ, Bi, Hỷ, Xả), hoặc trải qua các giai đoạn luyện tâm, phát tâm bồ-đề, mới có thể phát triển được đại bi, lòng thương rộng lớn.

Lòng thương, dù mở rộng và quy hướng đến quả vị Phật đi nữa, cũng bắt đầu từ tình thương nền tảng là thương Mẹ. Từ thương Mẹ, nhớ đến ơn sâu của Mẹ, Cha, thân thích, bằng hữu. Từ nhớ ơn, nghĩ đến báo ơn. Từ báo ơn, khởi lòng từ mong muốn lợi lạc hạnh phúc đến Cha, Mẹ, người thân. Từ niệm thương yêu (từ tâm), khởi lòng đại bi, muốn cứu khổ Cha, Mẹ, quyến thuộc, người thân, kẻ oán, và tất cả chúng sanh. Từ đại bi tâm như thế, canh cánh trong lòng ý nguyện cứu khổ ban vui cho chúng sanh, xem như là trách nhiệm phải thực hiện trong đời sống hiện thực (chứ không phải chỉ trong thiền quán). Từ hoài bão cứu độ chúng sanh, phát khởi tâm bồ-đề dững mãi, chỉ một lòng hướng về quả vị vô thượng chánh giác. (4)

Mọi người đều có sẵn lòng đại bi, và cũng có sẵn những phiền não tham, sân, si...; cho nên, lòng đại bi cần phải được nuôi dưỡng và phát triển qua thiền quán và qua thực nghiệm (bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự) (5). Đại bi lớn mạnh thì phiền não mới được chuyển hóa, triệt tiêu.

Đại bi không phải là tình cảm suông. Đại bi là nguồn động lực vô hình nhưng có thể chuyển động và hóa giải tất cả sức nặng của thống khổ trần gian. Không biết bố thí thì không có đại bi. Không biết nói lời chân thật, hòa nhã, thương yêu thì không có đại bi. Không biết làm việc lợi ích cho người, cho xã hội thì không có đại bi. Không biết sống hòa với cộng sự và người chung quanh thì không có đại bi.

Đại bi là mẹ của Phật. Đại bi là mẹ của chúng sanh. Không có mẹ thì không có Phật. Không có mẹ thì không có chúng sanh.

Mẹ biểu tượng, hay mẹ thực tế, đều là căn bản, là chất liệu để khai sinh một đời mới. Một hữu tình chúng sinh, hay một bồ-tát hướng về vô thượng bồ-đề.

Đó là lý do kinh Phật thường ví mẹ như Phật ở nhà; và cũng là lý do mà hình ảnh mẹ, bài ca về mẹ, luôn có mặt trong tất cả các lễ Vu Lan hàng năm.

-
- (1) Tuệ Sỹ - Du-già Bồ-tát Giới, Hương Tích xuất bản 2019, Chương II, Bồ-đề Tâm, trang 77.
 - (2) "Một cách tổng quát, *upāya-kausalya*, hay phương tiện thiện xảo, là trí năng nhạy bén để tiếp cận vấn đề, hay vận dụng thủ đoạn [phương tiện] một cách linh hoạt để thành tựu mục đích." (Tuệ Sỹ - Huyền Thoại Duy-ma-cật, Ban Tu Thư Phật Học Hải Đức Nha Trang xuất bản 2007 tại Hoa Kỳ, trang 56). Nên hiểu ở đây là pháp do đức Phật thuyết, là ngón tay chỉ mặt trăng, là ngôn ngữ văn tự dùng để thuyết minh, diễn đạt chân lý (chứ không đơn giản là **phương** cách hành động tùy **tiện**, lạm xưng là 'phương tiện' để thu tóm quyền lợi, danh vị cho cá nhân hay tập thể).
 - (3) Kinh Lăng-già, Tôn giả Câu-na-bạt-đà-la (Guṇabhadra [394-468]), dịch từ Phạn sang Hán: "世間離生滅 / 猶如虛空花 / 智不得有無 / 而興大悲心."
 - (4) Pháp tu bảy tầng nhân quả: (1) Nhớ mẹ, (2) Nhớ ơn, (3) Báo ơn, (4) Tu tập tâm Từ, (5) Tu tập tâm Bi, (6) Tu tập ý nhạo tăng thượng, và (7) Tu tập cầu tâm Bồ-đề. Xem thêm chi tiết trong "*Bồ-đề Đạo Thứ Đệ Lực Luận*," của Đại sư Tây Tạng Tsongkhapa [1357-1419], Pháp sư Đại Dũng, Pháp Tôn dịch Hán, Thích Pháp Chánh dịch Việt, trang 203-210.
 - (5) Tứ nhiếp pháp: bốn phương thức cảm hóa người khác một cách hữu hiệu để đưa dẫn họ vào đường chánh.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ĐỨC: Đại hội Hiệp hội Nghiên cứu Phật giáo Quốc tế lần thứ 20 tại Đại học Leipzig

Đại học Leipzig sẽ chào đón hàng trăm học giả từ khắp nơi trên thế giới tham dự Đại hội lần thứ 20 của Hiệp hội Nghiên cứu Phật giáo Quốc tế (IABS), diễn ra từ ngày 10 đến 15-8-2025.

Được tổ chức bởi Khoa Nghiên cứu Lịch sử, Nghệ thuật và Khu vực của trường đại học, đại hội đánh dấu lần đầu tiên sự kiện này được tổ chức tại Đức và diễn ra vào thời điểm giao lưu quốc tế trực tiếp được nối lại sau những gián đoạn do đại dịch COVID-19.

Đại hội lần thứ 20 sẽ quy tụ các đại biểu đến từ hơn 30 quốc gia với hơn 450 bài thuyết trình thuộc 48 hội thảo và 24 chuyên đề.

Đặc biệt, đại hội năm 2025 sẽ cung cấp dịch vụ phát trực tuyến một số hội thảo được chọn, mở rộng cơ hội tiếp cận cho những người không thể tham dự trực tiếp. Người tham dự từ xa có thể xem các phiên họp diễn ra tại 3 địa điểm: Hội trường 3 (HS3), Hội trường 1 (HS1) và Hội trường Felix-Klein. Các luồng trực tuyến này được truy cập miễn phí trên toàn cầu và sẽ giúp mở rộng phạm vi các cuộc thảo luận học thuật của sự kiện này.

(Buddhistdoor Global – August 7, 2025)



Poster của Đại hội Hiệp hội Nghiên cứu Phật giáo Quốc tế lần thứ 20 tại Đại học Leipzig

Photo: facebook.com

HOA KỲ: Lễ hội Phật giáo Obon được tổ chức trở lại tại Giáo hội Jodo Lahaina (Hawaii)

Lễ hội Obon được tổ chức tại Giáo hội Jodo Lahaina trên đảo Maui, Hawaii vào ngày 9-8-2025, sau 2 năm gián đoạn do cháy rừng đã phá hủy một số công trình chùa vào năm 2023.

Lễ hội bao gồm các sự kiện và hoạt động như các gian hàng ẩm thực, múa Bon, trình diễn văn hóa và trò chơi dành cho trẻ em. Các nhà lãnh đạo tôn giáo từ Chùa Jodo Lahaina Hongwanji và Giáo hội Shingon Lahaina đã chủ trì các buổi cầu nguyện và nghi lễ Phật giáo.

Khuôn viên chùa đã được dọn dẹp và sửa soạn cho lễ hội bởi các tình nguyện viên, những người đã làm việc trong nhiều tháng để chuẩn bị.

Trung tâm Văn hóa Nhật Bản tại Hawaii đã tham gia sự kiện này, tổ chức một số hoạt động với mục tiêu giáo dục thế hệ trẻ về văn hóa và truyền thống của họ.

(Buddhistdoor Global – August 12, 2025)



Lễ hội Obon được tổ chức trở lại tại Giáo hội Jodo Lahaina (Hawaii)

Photo: mauinews.com

INDONESIA: Mở rộng chương trình kiểm tra sức khỏe miễn phí cho các trường học Phật giáo

Bộ Tôn giáo Indonesia đã bắt đầu mở rộng chương trình Kiểm tra Sức khỏe Miễn phí

(CKG) cho các trường học Phật giáo, bắt đầu từ Trường Tiểu học Karuna Dhammaseka ở Tangerang, tỉnh Banten.

"Sáng kiến này thực hiện theo chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Tôn giáo Nasaruddin Umar rằng học sinh của tất cả các trường tôn giáo phải được tiếp cận các dịch vụ y tế", Tổng Giám đốc Ban Hướng dẫn Phật giáo của Bộ, ông Supriyadi, phát biểu tại Tangerang hôm thứ Sáu 8-8-2025.

Hàng chục học sinh tại trường Phật giáo Karuna Dhammaseka đã được khám sức khỏe miễn phí ở nhiều hạng mục, bao gồm đo chiều cao và cân nặng; kiểm tra sức khỏe mắt, tai và răng; đánh giá dinh dưỡng; và đánh giá thể lực.

Ông Supriyadi nhấn mạnh rằng Trường Tiểu học Karuna Dhammaseka là điểm khởi đầu cho việc mở rộng chương trình CKG đến tất cả các trường Phật giáo trên toàn quốc, đồng thời lưu ý rằng Bộ Tôn giáo có kế hoạch đưa sáng kiến này đến các trường tương tự ở Medan, Bắc Sumatra, và Surabaya, Đông Java.

"Chúng tôi sẽ sớm mở rộng phạm vi chương trình đến ít nhất 4 địa điểm khác", ông Supriyadi phát biểu. "Mục tiêu của chương trình là tiếp cận khoảng 1,600 học sinh Phật giáo trên toàn quốc".

(ANTARA – August 8, 2025)



*Chương trình Kiểm tra Sức khỏe Miễn phí được triển khai tại một trường tiểu học Phật giáo ở Tangerang, Banten, vào ngày 8-8-2025
Photo: HO-Kemenag*

ẤN ĐỘ: Dự án Chư ni Tây Tạng sẽ xây dựng chỗ ở cho các lão ni tại Ni viện Dolma Ling

Dự án Chư ni Tây Tạng (TNP) - một tổ chức từ thiện được đăng ký tại Hoa Kỳ có trụ sở tại Seattle và bang Himachal Pradesh, Ấn Độ -

đang tìm cách cung cấp chỗ ở được xây dựng chuyên dụng cho các ni sư cao tuổi đang cư trú tại Ni viện Dolma Ling và Viện Biện chứng Phật giáo ở Dharamsala. Tổ chức này đề xuất xây dựng một tòa nhà 2 tầng với 20 phòng đôi để làm nơi ở cho 40 lão ni.

TNP cho biết họ muốn tạo ra một nơi ở thoải mái cho các ni sư cao tuổi khi số lượng nữ tu sĩ của ni viện tiếp tục tăng. Đầu năm nay, TNP đã báo cáo rằng Ni viện Dolma Ling đã trở nên quá đông đúc nên không thể tiếp nhận thêm các ni cô cho năm học mới, bắt đầu vào tháng Ba.

Khu lưu trú mới dành cho các sư cô cao tuổi tại Dolma Ling sẽ có các phòng rộng hơn một chút so với ký túc xá thông thường của tu viện này, mỗi phòng đều có phòng tắm riêng với tay vịn dành hỗ trợ di chuyển cho người khuyết tật và nhà vệ sinh kiểu phương Tây, cùng một bếp nhỏ. Tòa nhà này sẽ bao gồm cầu thang thấp dành cho những người gặp khó khăn trong việc di chuyển, hệ thống chuông báo động dành cho các nữ tu sĩ dễ bị tổn thương, và sẽ có lối đi dành cho xe lăn.

(Buddhistdoor Global – August 13, 2025)



*Hai trong số các sư cô cao tuổi tại tu viện Dolma Ling
Photos: From tnp.org*



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
704 East "E" Street, Ontario, CA91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433

THÔNGIỆP VU LAN LAN 2025 - PHẬT LỊCH 2569

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Trưởng Lão, chư Tôn Đức Tăng Ni.
Kính thưa chư Thiện Nam, Tín Nữ, Gia đình Phật tử và Đồng hương.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ xin nhất tâm đánh lễ và khánh tuế chư Tôn Đức Tăng Ni đã tinh tấn tu tập trong các khóa An Cư năm nay tại nhiều tiểu bang.

Như những dòng sông chảy đến khắp nơi, mang nguồn nước về tưới mát những cánh đồng, rồi cùng hội tụ nơi đại dương; đất nước Hoa Kỳ rộng bao la, chư vị Tăng Ni như những dòng sông đi vào từng ngõ ngách của quê hương mới để hoằng truyền giáo pháp. An Cư là một truyền thống quý báu, là cơ hội để chúng ta cùng tu, cùng học, cùng chia sẻ những kinh nghiệm hành trì và hành đạo nơi xứ sở này. Giáo Hội xin tán thán công đức của các tự viện đã đứng ra tổ chức An Cư, vì đây chính là nội lực của cộng đồng Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Năm nay đánh dấu 50 năm kể từ khi cộng đồng và Phật giáo Việt Nam chọn Hoa Kỳ làm quê hương. Năm mươi năm qua, nhiều chư Tôn Đức Tăng Ni và thiện tín nhiệt thành đã ra đi. Họ là những dấu chân tiên phong trong các thập niên đầu, mang Phật giáo đến đất nước này. Các Ngài đã trải qua muôn vàn thách đố, gian truân để gìn giữ và phát triển đạo Pháp nơi vùng đất mới. Các Ngài đã chắt chiu từng viên sỏi vụn để xây nên ngôi nhà Phật giáo giữa một quốc gia còn xa lạ với tôn giáo mình.

Chúng ta hãy lắng lòng một phút, kính lễ và tri ân các Ngài – những tấm lòng tuyệt vời của sứ giả Như Lai. Giáo Hội luôn tưởng niệm chư vị trong các sinh hoạt lớn. Đặc biệt, trong mùa Vu Lan năm nay, kính mong các chùa viện dành một phần nghi lễ để tưởng niệm và tri ân chư Tôn Đức Tăng Ni, cùng quý Phật tử đã phụng hiến trọn đời mình cho Phật giáo Việt Nam suốt 50 năm qua tại Hoa Kỳ.

Phật giáo Việt Nam trên đất Mỹ tuy chưa hoàn thiện ở nhiều phương diện, nhưng sự nỗ lực và tâm nguyện của chúng ta đã tạo nên một khoảng trời riêng với những vì sao sáng trong bức tranh đa tôn giáo của quốc gia này. Chúng ta thường tự vấn: Phật giáo có gì, và đóng góp được gì cho đất nước này về mặt tâm linh?

Cuộc sống tại đây tuy đầy đủ vật chất, nhưng người dân Hoa Kỳ vẫn còn chịu nhiều áp lực, bất an và trầm cảm. Họ đang cần Phật giáo như một phương thuốc mới để chữa lành những khổ đau. Hỡi những người sứ giả của Phật, chúng ta hãy lên đường, bởi phía trước vẫn còn biết bao con người đang sống trong lửa khổ. Hãy đến và trao cho họ "được liệu" của Như Lai. Đây vừa là hạnh nguyện, vừa là niềm vui đầy ý nghĩa của chúng ta.

Sự thành tựu của chúng ta không chỉ là những ngôi chùa được xây dựng trong 50 năm qua, mà còn là việc đã có bao người dân Hoa Kỳ được nếm trải Diệu Pháp từ dòng suối mát của Đức Thế Tôn. Con đường đi tới trước mặt là diệu lộ vô tận, và chúng ta sẽ tiếp tục miệt mài bước tới.

Chúng ta luôn ghi nhớ rằng, quyền lực của Giáo Hội hay của Phật giáo không nằm ở địa vị, giáo phẩm, hay những ngôi tự viện to lớn; mà chính là ở lòng bao dung, sự khiêm tốn và tâm nguyện độ sinh. Sự gắn kết giữa chúng ta không phải bằng giáo quyền, mà bằng lòng tương kính, tương thuận, cùng nguyện lực của những người đệ tử Phật. Vì vậy, hãy thắp sáng chính mình, và cùng nhau thắp sáng cộng đồng Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Chúng ta không bận lòng khi bị hỏi: "Tại sao bạn chọn Hoa Kỳ làm quê hương mới?", nhưng cần tự hỏi chính mình: "Tôi phải làm gì cho đất nước này và cho Phật giáo của chúng ta?".

Giáo Hội xin tán thán Hội Đồng Điều Hành đã xuất sắc hoàn thành các Phật sự trong năm qua. Xin tri ân quý Thiện Nam, Tín Nữ, anh chị em Gia đình Phật tử, quý Cư sĩ và những vị hữu tâm đã hy hiến thời gian và năng lực cho Phật pháp trên quê hương này. Tất cả công đức này xin được dâng lên cúng dường Đức Phật, và hồi hướng cho chư Hương Linh được siêu thoát trong mùa Vu Lan năm nay.

Nguyện xin tất cả chúng ta, ngày ngày, phước huê đều tăng trưởng.

Nam Mô Vu Lan Hội Thượng Phật Bồ Tát.

Phật Lịch 2569, California, ngày 15 tháng 07 năm 2025,

TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN HK

Tăng Trưởng,

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU-MỸ

HT. Thích Trí Chơn

**VEN. ERNEST HUNT
(1876-1967)**



Thượng Tọa Ernest Hunt sinh ngày 16 tháng 8 năm 1876 tại Hoddesdon, quận Hertford (Anh Quốc). Đầu tiên, Hunt theo học trường St. Paul ở Luân Đôn (London) và sau tốt nghiệp đại học Eastbourne tại Sussex. Ngay lúc nhỏ ông đã thích tìm hiểu các tôn giáo. Ban đầu ông có ý muốn đi tu theo giáo phái Anh Quốc (Anglican Orders), nhưng cuối cùng ông đổi ý bỏ Thiên Chúa và theo Phật Giáo. Hành động này khiến cho song thân ông vô cùng sửng sốt và phiền muộn không ít.

Là chuẩn úy hải quân của một tàu buôn Anh quốc (British Mercantile Marine), Hunt có dịp quen biết với một Phật tử thủy thủ Ấn Độ và anh này đã giới thiệu đưa cho ông ta đọc mấy tập sách nói về thuyết Nghiệp Báo và Luân Hồi đã giúp cho Hunt ngưỡng mộ tin theo Phật Giáo.

E. Hunt cảm thấy giáo lý từ bi và trí tuệ của đức Phật phù hợp với tinh thần hiểu biết của ông ta hơn là những lời dạy thần quyền nặng phần đức tin cuồng tín và phản khoa học trong thánh

kinh Thiên Chúa Giáo.

Năm 1915, Hunt tới Hawaii làm nhân viên kế toán giữ sổ sách cho đồn điền Waipahu tại Oahu. Sau đó ông dọn nhà đến ở Kohala. Trong thời gian này ông chú tâm nghiên cứu Phật giáo và viết cuốn *"Outline of Buddhism"* (Phật Giáo Đại Cương) để làm luận án cho cấp bằng "Doctor of Dharma" (Tiến Sĩ Phật Học) của ông.

Đầu năm 1920, E. Hunt cùng với vợ là Dorothy mở những lớp chủ nhật dạy Phật Pháp ở các trại nhân viên trong đồn điền và cho những thanh thiếu niên Nhật Bản cư trú tại các làng dọc theo bờ biển phía đông Hawaii hiểu biết Phật Giáo và kính trọng những lời răn dạy đạo đức của mọi tôn giáo. Ngày 11 tháng 8 năm 1924, lần đầu tiên tại Hawaii trong một buổi lễ trang nghiêm, Hunt cùng với vợ, bà Dorothy được hòa thượng Imamura nhận cho xuất gia làm tân Tăng theo Phật Giáo đại thừa của Nhật Bản. Từ đó Hunt có pháp hiệu là Shinkaku (Tâm Giác).

Sau khi thọ giới, hai vợ chồng Hunt bắt đầu hoạt động tham gia công tác soạn thảo, thuyết trình những đề tài Phật Giáo tại các đại hội thường niên của Hội Thanh Niên Phật Tử và phụ trách lớp dạy giáo lý vào mỗi chủ nhật giúp cho giới trẻ Nhật Bản thấm nhuần những lời dạy từ bi và trí tuệ của đức Thế Tôn. Cả hai cũng thường xuyên thuyết giảng tại chùa Bốn Nguyên (Honganj) thuộc phái Tịnh Độ Chân Tông ở đảo Hilo về các đề tài như *"Phật Giáo là gì?"* (What is Buddhism?) và *"Phật Giáo Giải Thích Thế Nào về Thế Giới Chúng Ta"* (What does Buddhism Mean to the World) v.v. Ngoài việc thuyết pháp hướng dẫn quần chúng, Thượng Tọa Shinkaku cũng thường đến viếng thăm các người đau ốm ở nhà thương, phạm nhân trong nhà tù cũng như an ủi những kẻ tật nguyên, mù lòa và mắc các chứng bệnh nan y.

Tháng 01 năm 1927, T.T. Shinkaku được mời làm trưởng ban hoằng pháp bằng Anh ngữ tại

chùa Bốn Nguyên (Honganji) ở Honolulu. Thượng tọa bắt đầu mở lớp dạy giáo lý vào ngày chủ nhật cho các em thiếu nhi và phụ trách giảng Phật Pháp hằng tuần bằng tiếng Anh cho những thanh thiếu niên Phật tử Nhật Bản. Ngoài ra, để giúp các em học sinh hiểu biết giáo lý, thực hành các đức tính tốt như hiếu thảo, nhẫn nhục, bố thí của đức Phật, T. T. Shinkaku đã giúp chúng học tập theo cuốn *"A Buddhist Catechism"* (Phật Giáo Vấn Đáp) và đọc các chuyện tiền thân đức Phật trong tập *"Buddhist Stories for Children"* (Những Mẩu Chuyện Đạo Cho Trẻ Em). Hai cuốn này đều do Thượng Tọa biên soạn. Nhờ vậy mà các em có được sự hiểu biết căn bản về lịch sử cuộc đời Đức Phật. Thượng Tọa cũng soạn cuốn *"Nghĩ Thức Tụng Niệm"* bằng Anh ngữ trong khi vợ ông sáng tác nhiều bài ca Phật Giáo để dùng trong những buổi lễ tại các chùa Nhật trên khắp đảo Hawaii.

Tháng 07 năm 1928 có khoảng 60 người Caucasians (quê ở miền nam nước Nga) bắt đầu muốn tìm hiểu Phật Giáo và do sự khuyến khích của T. T. Shinkaku, họ thành lập một tổ chức nhằm truyền bá giáo lý đức Phật cho những người Tây Phương. Họ cũng cho ấn hành một bản tin trình bày lý do tại sao họ quay trở về theo đạo Phật. Đại khái họ bày tỏ rằng Phật Giáo là tôn giáo của lý trí, lòng từ bi, sự khoan dung độ lượng và rất phù hợp với tinh thần khoa học. Phần cuối bản tin họ khuyến khích kêu gọi những ai ngưỡng mộ Phật Giáo nên đến nghe thuyết giảng và dự khóa lễ bằng Anh ngữ mỗi cuối tuần tại chùa Bốn Nguyên (Honganji). Trước sự kiện Phật Giáo ngày càng phát triển mạnh mẽ tại các đảo ở Hawaii đã khiến những mục sư Tinh Lành bấy giờ phải than thở bảo rằng sau 108 năm cố gắng truyền giáo của họ tại đây, số người theo đạo Tinh Lành chỉ chiếm được 3 phần 100 tổng số dân trên đảo trong khi Phật Giáo có khoảng 125.000 tín đồ trên tổng số 330.000 dân chúng.

Sau khi nhận làm trưởng ban hoằng pháp bằng tiếng Anh tại chùa Bốn Nguyên (Honganji), T. T. Shinkaku đã khuyến khích các nhà lãnh đạo Phật và Thiên Chúa Giáo nên hợp tác làm việc với nhau và nhiều vị Tăng Nhật Bản bấy giờ đã cố gắng thuyết phục những người Nhật và Mỹ nên cùng nhau hợp tác trong việc duy trì các truyền thống tín ngưỡng tốt đẹp của hai dân tộc. Năm 1932, T. T. Shinkaku thành lập Viện Phật Học Quốc Tế tại Hawaii (International Buddhist Institute of Hawaii) và giáo Hội Phật Giáo Tây Phương (Western Buddhist Order) do Thượng Tọa làm chủ tịch.

Trong thời gian xảy ra cuộc thế chiến thứ hai, khi các nhà sư Nhật phần đông bị giam giữ hay cô lập bởi nhà cầm quyền địa phương, T. T. Shinkaku một mình tại Hawaii đã can đảm đứng

ra tìm mọi cách để bảo vệ các chùa và nhiều Phật tử Nhật thoát khỏi sự kỳ thị, đàn áp, phá hủy của quân đội Hoa Kỳ cũng như các thường dân Mỹ địa phương yêu nước. Thượng Tọa vẫn thường nói với dân chúng và các nhân viên chính quyền trên đảo rằng: *"Phật Giáo chúng tôi không có dính dấp gì đến cuộc chiến tranh này"* (Buddhism had nothing to do with this war).

Năm 1952, sau khi hòa thượng Imamura viên tịch, Thượng Tọa Shinkaku rời chùa Bốn Nguyên (Honganji) đến tu tập làm đệ tử và kế nghiệp hòa thượng Komagata ở chùa Thiền Tào Động, Honolulu. Tại đây, T. T. Shinkaku đảm trách việc thuyết giảng Phật Pháp bằng tiếng Anh cho các du khách đến viếng Hawaii từ Anh Quốc và Hoa Kỳ. Thượng Tọa cũng soạn và xuất bản cuốn *"Gleanings from Soto Zen"* (Những Kiến Thức về Thiền Tào Động) và *"Buddhist Sermons"* (Những Bài Giảng Phật Pháp).

Năm 1962, T. T. Shinkaku đúng 86 tuổi, được ngài Phó Viện Chủ chùa Tổng Trì (Soji) tấn phong lên hàng "Trưởng Lão" (Choro) và năm 1963 được hòa thượng Rosen Takushima, giáo trưởng phái Thiền Tào Động hết lòng tán dương về sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh của Thượng Tọa trong nhiều năm qua. Uy tín và đức độ của T. T. Shinkaku không những chỉ được các tổ chức, tông phái Phật Giáo Nhật Bản ngưỡng mộ, kính nể mà ảnh hưởng của Thượng Tọa còn lan rộng đến nhiều quốc gia theo Phật Giáo tại Á và Âu Châu.

Về mặt văn hóa, ngoài các sách đã kể trên, T. T. Shinkaku còn là bút giả của nhiều tác phẩm Phật giáo Anh văn giá trị khác gồm những cuốn dưới đây:

1. The Buddha and His Teachings (*Đức Phật và Giáo Pháp của Ngài*).
2. How to Meditate (*Thiền Định Như Thế Nào*).
3. Essentials and Symbols of Buddhist Faith (*Những Điểm Quan Yếu và Biểu Tượng của Phật Giáo*).

Thượng Tọa cũng làm chủ biên tạp chí *"Phật Giáo tại Hawaii"* xuất bản hằng năm (The Buddhist Annual of Hawaii) trong đó có đăng nhiều bài khảo cứu Phật Giáo giá trị của các học giả: Bà Rhys Davids, ông Hari Singh Gour và thiền sư Komagata v.v...

T. T. Shinkaku (Tâm Giác) viên tịch vào tháng 2 năm 1967 tại Hawaii, hưởng thọ 91 tuổi.



GIÁO DỤC HIẾU THẢO VỚI MẸ CHA

(Kinh Nuôi Dưỡng Mẹ)

Nguyễn Siêu

Tinh thần giáo dục hiếu thảo là một công hạnh thiết thực cao thượng. Có Cha có Mẹ mới có ta. Nếu không Cha không Mẹ thì làm gì có thân ta ngày hôm nay để mà góp mặt với đời, có được quyền cao tước cả, địa vị phú quý vinh hoa. Có được thân này mới có được phương tiện để tu tập và chứng đắc thánh quả. Đây chính là con đường giáo dục hướng thượng, ngõ hầu con người nỗ lực tiếp cận để vun bồi thiện tâm làm con có hiếu có thảo với Mẹ Cha ngàn đời yêu quý. Chúng ta nghe Phật dạy:

*"Phụng dưỡng Cha và Mẹ
Là công đức tối thượng."*

Hay là:

*"Tâm hiếu là tâm Phật
Hạnh hiếu là hạnh Phật."*

Chúng ta có phụng dưỡng tức là có chăm sóc miếng cơm, ly nước, chiếc áo, chiếc khăn. Khi Cha Mẹ cần giúp đỡ thì người con phải vui vẻ xin làm một cách hoan hỷ, làm một cách tự nguyện chân thành mà không phải khó khăn câu nệ. Biểu tỏ tấm lòng, thương Mẹ thương Cha, dù phải sớm hôm cận kề, thăm Cha viếng Mẹ. Có được vậy mới đúng như lời Phật dạy: phụng dưỡng Cha Mẹ có công đức tối thượng. Từ đây chúng ta rút ra bài học làm người một cách thực tế là chứng tỏ trong các việc làm, lời nói và tư duy luôn đứng trên tinh thần hiếu thảo để làm cho Cha Mẹ vui. Mà Cha Mẹ vui là con có phước. Làm Cha Mẹ buồn là con mất phước, tổn đức, sẽ bị lầm lỗi trong cuộc đời. Người bất hiếu với Cha Mẹ là người nghèo khổ, bần cùng, không được xã hội kính trọng, và từ đó sẽ mất tất cả. Sự yêu thương quý mến của bạn bè làng nước. Do vậy, sự hiếu thảo vô cùng quan trọng đối với người con. Hiếu thảo là một bông hoa đẹp, là rừng núi xanh, là cánh lúa vàng, là làn hơi ấm... nuôi lớn đời con trong tình tự giống nòi. Vậy thì, sao ta lại không

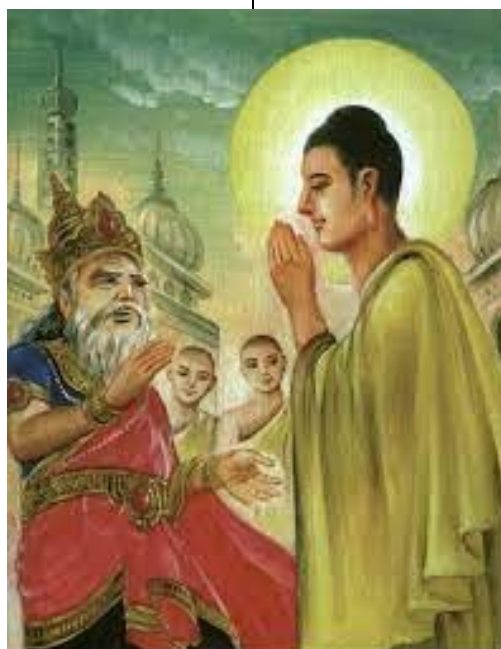
có hiếu thảo với Mẹ Cha được. Ai được khôn lớn, có chút suy tư, có chút hiểu biết thì đều tỏ ra mình là người biết thương Cha kính Mẹ một cách tự nhiên như trời có nắng, như đêm có trăng, như biển có sóng, như núi có mây, như ngày có vui, người người chung sống. Hiếu thảo là tính giáo

dục toàn diện, toàn cầu, toàn nhân loại. Hễ là con người là phải có hiếu thảo, không phân biệt Đông Tây kim cổ. Xưa nay phải là như vậy. Đông Tây là phải vậy. Có hiếu thảo như lời Phật dạy: *"Hiếu là sự giàu có. Hiếu là mặt trời giữa trưa. Như đêm trăng trong sáng. Như áng mây trời huyền diệu kỳ vĩ dệt thành hình tượng siêu nhiên. Hiếu là một tâm hồn thánh thiện, có nhiều tình thương và ân sủng."*

Đích thực là vậy, tâm hiếu thảo với Mẹ Cha là tâm của chư Phật. Cái tâm đó hiển bày trong tiền thân Phật, là con chim hiếu – chim oanh vũ, đã nuôi Mẹ Cha già yếu, mù lòa một cách siêng năng, cần mẫn. Hình ảnh con Chim Hiếu là hình ảnh cho ta một bài học làm người. Là

bốn phận làm con cháu luôn thương Mẹ kính Cha, tưởng nhớ ân đức sinh thành của tổ tiên, dòng tộc. Đó chính là nền văn hóa dân tộc: Uống nước nhớ nguồn. Ăn trái nhớ kẻ trồng cây. Chim có tổ người có tông. Tâm Phật là như vậy. Hạnh hiếu là thuyết pháp hóa độ mẫu thân. Là kê vai khiêng quan tài của Cha đến nơi trà tỳ. Cái tâm Phật, cái hạnh Phật có ai bàn đến không, mà tự ngàn xưa, bài học đó còn vang vọng, mãi cho đến hôm nay, đã quyện vào nền văn hóa dân gian, con người trên thế giới, lấy đó làm hướng vị sống để nuôi lớn tinh thần đạo đức hiếu thảo.

Tâm Phật là tâm Từ Bi. Hạnh Phật là hạnh Từ Bi luôn thể hiện việc làm ban vui cứu khổ. Ban vui cho Cha Mẹ. Cứu khổ cho Cha Mẹ mà chúng ta đã



thấy trong kinh, đã nghe những bài thuyết giảng của chư tôn đức. Vậy trong kinh thấy gì, chúng ta hãy đọc Kinh Nuôi Dưỡng Mẹ trong Nikaya – Pali Tạng.

"Nhân duyên ở Savatthi. Rồi Bà La Môn Mataposaka đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón, hỏi thăm, rồi ngồi xuống một bên, và nói với Thế Tôn:

Thưa Tôn Giả Gotama, con tìm món ăn thiết thực theo thường pháp. Sau khi tìm món ăn thiết thực theo thường pháp con nuôi dưỡng Mẹ Cha. Thưa Tôn Giả Gotama, con làm như vậy, con có làm đúng trách nhiệm

không? Tâm tư của người con có hiểu, biết tìm món ăn thiết thực đúng pháp để hiến dâng cho Cha Mẹ là một việc làm đúng, việc làm đáng kính trọng, việc làm trong ý thức hiếu thảo của người con. Trong đời sống hôm nay, tất cả ai ai đều làm được như vậy. Làm được bằng cách sớm viếng, tối thăm ăn cần thưa hỏi Cha Mẹ. Dâng miếng ăn vật lạ để cúng dường. Đây là tinh thần hiếu thảo mà đức Thế Tôn

khuyến thỉnh các hàng đệ tử hãy phụng hành. Biểu tượng của sự phụng hành cho thấy Tôn Giả Đại Mục Kiền Liên được tôn xưng là Đại Hiếu. Đại Hiếu Mục Kiền Liên đã dâng bát cơm cho Mẹ ở thế giới của loài quỷ đói. Đại Hiếu Mục Kiền Liên đã kiên thỉnh đức Thế Tôn rõ bày phương pháp cứu Mẹ trong dịp Đại Lễ Vu Lan – Mùa báo hiếu trong truyền thống Phật Giáo Việt Nam, mà ngày nay đã trở thành một đại lễ ăn sâu vào nền văn hóa dân tộc Việt Nam. Trước khi thị tịch Tôn giả Xá Lợi Phất đã về nhà Mẹ của mình để hóa độ Mẹ. Bằng mọi cách dẫn dụ, thuyết pháp, thị hiện bằng mọi phương tiện để cho Mẹ được giác ngộ. Thật vậy, Mẹ của Tôn giả Xá Lợi Phất đã đắc quả Thánh ngay trong đêm đó, trước khi Tôn giả Xá Lợi Phất nhập Niết Bàn A La Hán. Cách trả hiếu của các bậc thánh là vậy đó, hướng dẫn Mẹ mình sớm quay về nẻo thiện, phát khởi hạnh lành, tu nhân tích đức để được giác ngộ giải thoát ngay trong đời này mà không chờ đợi đến kiếp lâu xa nào khác. Các bậc thánh trả hiếu cho Mẹ Cha được vậy, chúng tôi rằng các ngài đã thăm thấu được công ơn trời biển Mẹ Cha vô vàn. Cho nên mỗi khi nghe đức Thế Tôn nói về hiếu thảo đối với Cha Mẹ, thì các ngài phải quyết chí đền đáp ân nghĩa sinh thành của hai đấng song thân. Vì các ngài quán thấy Cha Mẹ chịu cực khổ với con, mang nặng đẻ đau. Bú mớm mà lớn. Ấm bằng mà



khôn. Do vậy mà các ngài không thể không đền đáp ơn sâu, nghĩa dày của Cha Mẹ. Con đường giáo dục hiếu thảo là con đường giáo dục con người vì hiếu thảo là một cái Đạo. Cái Đạo làm người. Cái Đạo nuôi dưỡng dòng máu tổ tông. Truyền thừa giòng giống con cháu. Cái Đạo đích thực của nền văn hóa nhân bản.

Sau khi nghe Bà La Môn Mataposaka hỏi như trên, đức Thế Tôn trả lời:

"Này Bà La Môn, người làm như vậy, có làm đúng trách nhiệm. Này Bà La Môn, ai tìm đồ ăn thiết thực theo thường pháp. Sau khi tìm đồ ăn thiết thực theo thường pháp, lại nuôi dưỡng Mẹ Cha, người ấy được nhiều công đức.

Lời đức Thế Tôn khen ngợi, ai làm được như vậy, là người có được nhiều công đức. Khi chúng ta nghe và hiểu để làm là một nhân duyên lớn đối với đời mình, còn hầu như phần lớn thì quá ít. Quá ít để có hiếu thảo với Mẹ Cha.

*"Ra đi bỏ Mẹ ở nhà
Gõ nghiêng ai sửa kỷ
trà ai dâng."*

Còn có chút lòng nghĩ tưởng là may mắn lắm rồi:

*"Đêm đêm khẩn vái Phật Trời
Cầu cho Cha Mẹ sống đời với con."*

Lời kệ, đức Thế Tôn dạy:

*"Người nào theo thường pháp
Nuôi dưỡng Mẹ và Cha
Chính do công hạnh này
Đối với Cha và Mẹ
Nhờ vậy, bậc hiền thánh
Trong đời này tán thán
Sau khi chết được sinh
Hưởng an lạc chư thiên."*

Con đường giáo dục ở nơi đây chúng ta thấy rõ, ai có lòng nuôi dưỡng Mẹ Cha đúng như pháp thì được các bậc hiền thánh trong đời tán thán, ngợi khen lòng hiếu thảo, rồi sau khi chết còn được sinh thiên để hưởng phước lạc.

"Khi được nghe nói như vậy, Bà La Môn Maaposaka bạch Thế Tôn: Vì diệu thay Tôn Giả Gotama. Thật vì diệu thay Tôn Giả Gotama. Tôn Giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị ngã đổ; phơi bày ra những gì bị che kín; chỉ đường cho những kẻ bị lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối, cho người có mắt thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Vậy nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y



Tăng, mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, trọn đời qui ngưỡng.”

Đọc vào đoạn kinh này, chúng ta thấy vị Bà La Môn này thật dễ thương quá. Người có hiếu với Mẹ Cha, tìm đồ ăn đúng pháp để nuôi dưỡng Cha Mẹ mà lại còn có một niềm tin sâu xa nơi Phật Pháp Tăng, để xin quy y và trọn đời gìn giữ. Ở đây chúng ta có thể hiểu phương cách giáo dục của đức Phật là ẩn chứng những gì đúng sự thật và khuyến khích người làm đúng theo sự thật đó. Còn tin hay không tin, làm theo hay không làm là tùy thuộc nơi họ, mà đức Phật không bắt buộc. Con đường giáo dục thực tại khách quan. Phần còn lại để cho người thẩm định và quyết định. Thẩm định và quyết định là tinh thần giáo dục người đánh thức tự kỷ. Hiểu vấn đề để giải quyết vấn đề một cách khách quan trong sáng, miễn tiện, làm chủ lòng mình rõ ràng của ý thức giáo dục.

Con đường giáo dục hiếu thảo trong đạo Phật có nhiều vô vàn, trong tự thân của mỗi người, trong tự mỗi môi trường, hoàn cảnh... Căn cơ nào trình độ nào cũng đều được đức Thế Tôn ân cần chỉ dạy. Những tướng tinh thần giáo dục Hiếu Thảo – Nuôi Dưỡng Mẹ này được mở rộng qua các kinh văn Đại Thừa, để có được cái nhìn phổ quát, trải nghiệm cho tự thân mà hoàn thành bốn phận làm con trong muôn một.

Trong kinh Vu Lan Báo Hiếu Phụ Mẫu Ân:

Trên đường đi hóa độ cùng với hàng Thánh đệ tử, đức Phật thấy bên vệ đường có một đồng xương khô, Ngài bèn bước tới và sụp lạy ba lạy, trước sự chứng kiến của hàng đại chúng. Tôn Giả A Nan liền bạch Phật:

*"Thầy là Tử phụ ba phương bốn loài
Ai ai cũng kính Thầy dường ấy
Cớ sao Thầy lại lạy xương khô?"*

Nghe Tôn Giả A Nan hỏi như vậy, đức Phật giảng giải, quả thật A Nan không biết gì hết, chẳng liễu tri, thẩm thấu bao nhiêu nhân duyên của kiếp người. Chẳng hiểu con đường sanh tử chông chất bao đời sống rồi chết, chết rồi sống vô lượng kiếp không thể tính đếm, nhớ quên theo trí

tuệ của con người thế gian. Kiếp này làm Mẹ, kiếp sau làm con. Kiếp này làm người, kiếp sau làm loài vật... Cứ thế vòng luân hồi vô tận. Đức Phật dạy:

*"Đồng xương dồn dập bấy lâu
Cho nên trong đó biết bao cốt hài
Chắc cũng có ông bà cha mẹ
Hoặc thân ta hoặc kẻ ta sanh
Luân hồi sanh tử, tử sanh
Lục thân đời trước thì hài còn đây
Ta lễ bái kính người tiền bối
Và ngậm ngùi vì nhớ kiếp xưa."*

Vì nhớ kiếp xưa đã là con của Mẹ. Mẹ bế! Mẹ bồng! Mẹ ru! Mẹ hát con ngủ, cho con của Mẹ chóng ăn, chóng ngủ, chóng lớn, chóng khôn mà thành người hữu dụng cho đời, không uổng công Mẹ tảo tần hôm sớm vì con. Như Lai sụp lạy đồng xương vì kính người tiền bối, vì kính trọng ông bà, cha mẹ, kiếp trước đã sinh tiền thân của Như lai, nhưng rồi đã chết, đồng xương hỗn tạp còn đây, còn bên lề đường, không hương không khói, không người trông coi, không ai cúng quảy, hoang tàn, điều linh.

Tinh thần hiếu thảo này, không phải chỉ có hiện đời mà còn có cả lục thân quyền thuộc, cửu huyền thất tổ, cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ cho đến hôm nay và mãi mãi cha mẹ trong tương lai. Trả hiếu thảo cho cha mẹ trong quá khứ, vì quá khứ chúng ta đã có cha mẹ. Trả hiếu cho cha mẹ hiện đời, vì thân ta đang có hôm nay và cha mẹ còn đang sống với chúng ta hôm nay. Trả hiếu cho cha mẹ trong tương lai vì ta sẽ được cha mẹ sinh ra trong ngày tháng ở tương lai. Như vậy, ba thời chúng ta đều phải nhớ công ơn sinh thành của cha mẹ mà đền đáp công ơn hiếu thảo. Chúng ta đã nuôi dưỡng Mẹ trong quá khứ. Chúng ta đang nuôi dưỡng Mẹ trong hiện tại. Và chúng ta sẽ nuôi dưỡng Mẹ trong tương lai. Không có cha mẹ làm sao có thân ta chào đời, làm sao ta được lớn khôn thành vóc nên hình, có quyền cao tướng cả, có tiếng tăm lừng lẫy trên đời. Do vậy, đức Thế Tôn dạy kinh Nuôi Dưỡng Mẹ là tinh thần giáo dục Hiếu Thảo, chúng ta phải phụng hành.

Để thấy rõ tiến trình hình thành thân của người con, đức Phật đã dạy:

*"Thân đàn bà nhiều bề cực nhọc
Sanh được con thập ngoạn cứu mang
Tháng đầu, thai đậu tợ sương
Mai chiều gìn giữ sợ tan bất thường
Tháng thứ nhì dường như sữa đặc
Tháng thứ ba như cục huyết ngưng
Bốn tháng đã tượng ra hình
Năm tháng ngũ thể hiện sinh rõ ràng
Tháng thứ sáu lục căn đều đủ
Bảy tháng thì đủ bộ cốt xương
Lại thêm đủ lỗ chân lông"*

*Cộng chung đến số tám muôn bốn ngàn
Tháng thứ tám hoàn toàn tạng phủ
Chín tháng thì đầy đủ vóc hình
Mười tháng thì đến kỳ sinh."*

Sự hình thành của một đứa con là vậy đó, những ai xem thường công đức của Mẹ mang thai con trong lòng, thì hãy nên ăn năn sám hối; nhớ đừng bất hiếu với Mẹ mà phải cưu mang tội đồ, con đường đến ba cõi dữ sẽ không xa đâu, đang mở cửa để chào đón những ai bất hiếu ngỗ nghịch với mẹ, như câu chuyện – Quả báo làm Mẹ đau khổ.

Công ơn của Mẹ mang con trong lòng, công ơn của Mẹ sinh con rồi nuôi con lớn. Công ơn của Mẹ dựng vợ gả chồng nên bề gia thất cho con được an nhàn, là cả một thời gian công lao của Mẹ. Ngôn ngữ trần gian không thể nói sao cho đủ. Đọc đoạn kinh trên đủ cho chúng ta một bài học làm được thân người là khó. Vậy mà hôm nay ta đã được công ơn của Mẹ mà thành tựu. Do vậy, làm con phải có hiếu thảo với Mẹ Cha.

Đức Phật dạy trong các kinh về sự phụng dưỡng Mẹ rất rõ ràng. Nhân đây, chúng ta hãy đọc qua những lời dạy ấy. Những tinh thần giáo dục Hiếu Thảo ngàn đời luôn trong sáng và mới mẻ trong con.

Kinh Tâm Địa Quán:

*"Ở đời mẹ hiền chịu thai con
Mười tháng cưu mang luôn chịu khổ
Với năm dục lạc tình không đắm
Tùy thời ăn uống cũng chung đồng
Ngày đêm canh cánh lòng thương xót
Đi đứng nằm ngồi chịu khổ đau
Đến thời mãn nguyệt sinh con đại
Đau tựa dao gươm cắt ruột gan
Mê mẩn đông tây không phân biệt
Khắp thân đau đớn khó nhằn kham..."*

Kinh Bốn Sự:

*"Cha mẹ đối với con, công đức cao nặng sâu
dày: ân đức sản sinh từ tâm bú mớm, ân đức tắm giặt nuôi nấng trưởng thành, ân đức cung cấp các món cần dùng, ân đức chỉ dạy cách sống ở đời. Cha mẹ luôn luôn muốn con rời khổ được vui,*

không bao giờ xao lãng nhớ con thương con như bóng theo hình."

Kinh Tâm Địa Quán:

"Ân cha hiền lớn như núi cả, ân mẹ hiền to như bể rộng, không gì hơn một niềm hiếu thuận, đem vật nhỏ mọn nuôi dưỡng mẹ lành, ở đời lấy gì làm sáng, lấy gì làm tối? Mẹ hiền còn sống gọi là mặt trời giữa trưa chói sáng, mẹ hiền khuất bóng gọi là mặt trời đã lặn; mẹ hiền còn sống gọi là mặt trăng sáng tỏ, mẹ hiền mất rồi gọi là đêm tối âm u."

"Quả đất ở đời gọi là nặng

Mẹ hiền ơn nặng quá hơn nhiều

Tu Di người đời gọi là cao

Mẹ hiền ân cao quá hơn nhiều

*Gió lốc ở đời gọi là mau
Nhất niệm mẹ hiền mau hơn nhiều."*

Kinh Hiếu Tử:

"Làm con phụng dưỡng cha mẹ, dùng trăm vị cam lồ dâng cúng cha mẹ, dùng thiên nhạc vi diệu làm vui lòng cha mẹ, sắc phục tôn quý nhất chói sáng thân cha mẹ, hai vai tự cống cha mẹ đi cùng khắp bốn biển, trọn đời đáp ân nuôi dưỡng cha mẹ, như vậy chưa gọi là Hiếu. Cha mẹ không kính thờ Tam Bảo, làm con phải biết hướng dẫn cha mẹ có niềm tin sâu sắc và dốc lòng tu tập theo lời Phật dạy, như vậy mới gọi là Hiếu."

Long Thư Tịnh Độ:

"Lấy món cam lồ phụng dưỡng cha mẹ là hiếu thế gian. Khuyên cha mẹ tu tịnh giới là hiếu xuất thế gian. Hiếu thế gian thì cha mẹ chỉ hưởng phước trong một đời, báo hiếu như vậy không lớn. Hiếu xuất thế gian giúp cha mẹ hưởng phước vô tận, vì cha mẹ được sinh Tịnh Độ phước thọ trái vô lượng kiếp, như vậy mới là đại hiếu."

Khi Kiết Bồ Tát Giới, đức Phật dạy rằng: *"Hiếu thuận với cha mẹ, sư tăng, Tam Bảo. Hiếu thuận là pháp chí đạo. Hiếu gọi là Giới, cũng gọi là Cấm Giới."*

Dẫn chứng vài kinh luật như thế, để tất cả chúng ta thấy được công ơn của cha mẹ to lớn mà giữ lòng hiếu thảo, trọn phận làm con.



Chùm Thơ Đường Luật **VU LAN BÁO HIẾU**

Hoài Niệm Ân - 1

*Công cha đức mẹ mãi đọng đầy
Ấm áp yên lòng con ngủ say
Thuở ấy thân cò dung gián dị
Giờ đây tuổi hạc đáng hao gầy
Mệnh mông biển lớn tình sâu nặng
Bát ngát non huyền nghĩa thấm lay
Dường dục cù lao ân khắc cốt
Vu Lan Báo Hiếu lệ vương dài...!*

Hoài Niệm Ân - 2

(Bát vĩ đồng âm)

*Tháng bảy Thu sang lá rụng đầy
Gọi niềm báo hiếu lệ nhòa cay
Ơn cha ví bởi trời cao vậy
Nghĩa mẹ so cùng biển rộng thay!
Dẫu trái muôn đời không đáp thảy
Xin đem một kiếp báo đền ngay
Cài hoa tưởng nhớ tình sâu ấy
Gởi trọn yêu thương năm tháng dài...!*

Vu Lan Báo Hiếu - 1

(Bát vĩ đồng âm)

*Vu Lan Báo Hiếu niệm ân huyền
Nhớ mẹ sanh thành vẹn thắm duyên
Một tấm thân gầy vun phước thiện,
Muôn phần ý vững nối nguồn thiêng.
Năm tay thuở ấy tình như biển,
Tắc dạ năm nao nghĩa tợ miền
Nguyện Phật gia trì giao cảm hiển,
Độ “Người” năm tháng được bình yên...!*

Vu Lan Báo Hiếu - 2

*Thu về thiết lễ hội Vu Lan
Báo hiếu song thân hướng đạo tràng
Non đức sanh thành luôn tạc dạ
Biển tình dưỡng dục mãi ghi tâm
Cù lao chín chữ nguyện mong nhớ
Nhũ bộ một lòng nguyện khắc mang
Dẫu thế vô thường dâu bể đổi
Cháu con vẫn niệm nghĩa ân vàng...!*

Tu Viện An Lạc, California 11-08-2025

thơ **TRÚC NGUYỄN-THÍCH CHÚC HIỀN**
cảm đề



NGƯỜI XUẤT GIA & VẤN ĐỀ LỄ LẠY CHA MẸ

Chúc Phú



Giới luật Phật giáo và đạo đức xã hội tuy có mối quan hệ gần nhau ở một số lãnh vực, nhưng đôi khi không dung hội nhau trong một số chuẩn mực đạo đức đặc thù. Vì lẽ, con đường đạo đức của thế gian và xuất thế gian tuy gần nhau nhưng về cơ bản thì không trùng nhau.

Trong quá trình phát triển, ngay tại quê nhà cũng như du nhập ở một số quốc gia, Phật giáo nói chung và giới luật Phật giáo nói riêng đã gặp phải những thử thách không nhỏ, khi có những quy định trái với cổ tục cũng như thiết định đạo đức của xã hội hiện hành. Việc con cái lễ lạy cha mẹ hoặc ngược lại, có tiền đề tranh luận trong thời Phật tại thế (1), cũng như đã tốn nhiều bút mực, tâm huyết của các nhà Phật học Trung Hoa nhiều thời kỳ.

Ngay tại Việt Nam trong thời gian gần đây, đã xuất hiện sự kiện người xuất gia lễ lạy cha mẹ đã khuấy. Vấn đề vừa nảy sinh từ hiện thực, đã tạo cho người viết thao thức về việc cần phải khảo cứu lại những tư liệu liên quan đến việc lễ lạy cha mẹ của người xuất gia, thông qua kinh, luật và điển tịch Phật giáo. Trong giới hạn đề tài, người xuất gia được hiểu là toàn bộ người xuất gia nói chung và lễ lạy theo cách hiểu là năm vóc sát đất (五體投地).

Tâm, hành người xuất gia từ kinh, luật Nikaya

Người xuất gia là kẻ từ bỏ gia đình, sống không gia đình (2); là con ruột Thế Tôn, sanh ra

từ miệng, do pháp sanh, do pháp hóa sanh, thừa tự Chánh pháp (3). Hình ảnh của nhiều con sông khi đổ vào biển lớn thì không còn mang tên, họ của mình là ẩn dụ sinh động khi đề cập đến tính chất không gia đình của người xuất gia được Phật dạy trong kinh Tăng chi: Ví như, này Pahārāda, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravati, sông Sarabhū, sông Mahī, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên họ cũ trở thành biển lớn. Cũng vậy, này Pahārāda, có bốn giai cấp: Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố, họ từ bỏ tên và họ của họ từ trước, và họ trở thành những Sa-môn Thích tử (4).

Như vậy, kể từ thời điểm được xuất gia theo Chánh pháp và đúng như pháp, thì tất cả những yêu cầu, những hệ lụy, những quy định của xã hội, những chuẩn mực đạo đức của gia đình... người xuất gia đã giảm bớt sự vướng bận, quan tâm. Sự kiện Tôn giả Sangamāji đã có gia đình rồi mới xuất gia, người vợ không hiểu đạo, đem con giao cho tôn giả, tôn giả không đoái hoài làm cho người vợ phải ôm con trở về, được Phật tự kể lại qua những vần kệ sống động trong kinh Phật tự thuyết: Không hoan hỷ, nàng đến/ Không sầu muộn, nàng đi/ Giải thoát khỏi ái phược/ Là Sangamāji/ Ta gọi người như vậy/ Là vị Bà-la-môn (5). Có thể câu chuyện không mang nhiều tính nhân văn theo quy chuẩn xã hội, nhưng qua đó đã cho thấy tính chất thông dong, không bị trói buộc

của người xuất gia, cho dù đó là quan hệ máu mủ, ruột rà.

Với người xuất gia, phẩm vị được khẳng định ở giới hạnh chứ không phải ở tuổi tác. Có thể đầu xanh tuổi trẻ nhưng vẫn được tôn trọng cung kính, bởi lẽ có khi ẩn đằng sau vóc dáng con trẻ là phẩm vị đạo đức cao cả thiêng liêng. Trường hợp Tôn giả *Lakuntaka* được ghi lại trong *Tích truyện Pháp cú* đã minh chứng cho trường hợp này. Đức Phật dạy: *Ta không gọi người nào là trưởng lão chỉ vì họ già, vì họ ngồi ở ghế trưởng lão, nhưng người nào thấu đạt chân lý, và đối xử tốt với người khác, người ấy là Trưởng lão* (6). Hơn thế nữa, trong kinh *Tương ưng*, Đức Phật dạy đức vua Kosala không nên khinh thường vị Tỳ-kheo nhỏ tuổi (7), vì phẩm vị đạo đức và tầm mức trí tuệ quan trọng hơn niên cao, tuổi tác. Trong luật tạng thời Phật cũng thiết định: *Này các Tỳ-kheo, ta cho phép việc đánh lễ, việc đứng dậy chào, hành động chấp tay, hành động thích hợp, chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất tính theo thâm niên* (8) (Hạ lập - NV).

Trong vấn đề thể hiện sự cung kính đối với hàng xuất gia, thì câu chuyện hoàng thân Sakya và vương phụ Siddhodana thể hiện sự cung kính với Đức Phật là một sự kiện chấn động. Theo *Chuyện tiền thân số 547* (9), trong chuyện về thăm quê hương Kapilavastu sau khi thành đạo, khi các vị hoàng thân quốc thích lớn tuổi muốn ra chào Ngài, nhưng vẫn còn ái ngại vì chưa quen việc thể hiện sự cung kính với một người trẻ tuổi như Đức Phật. Mãi đến khi Đức Phật thi triển các dạng thức thần thông, thì sự ái ngại đó được xóa tan và ngay cả phụ vương Siddhodana cũng thể hiện sự cung kính, mà ở đây là lễ lạy đối với Đức Phật. Cũng ngay trong bản kinh vừa nêu, phụ vương Siddhodana thừa nhận rằng, đây là lần thứ ba ngài đánh lễ Đức Phật. Theo ngài, hai lần trước đó là khi thái tử vừa chào đời và lúc thái tử nhập định trong lễ Hạ điền. Chi tiết này còn được phát hiện trong luật *Thiện kiến* (善見律) (10).

Có thể hàng đệ tử xuất gia của Đức Phật còn lâu mới được như Ngài, thậm chí đôi khi còn bị mẹ mắng xối xả như câu chuyện của ngài Xá Lợi Phất (11). Tuy nhiên, theo quan điểm của Đức Phật, người cư sĩ dù chứng Thánh nhưng vẫn phải đánh lễ, cúng dường phạm tăng. Vì lẽ, các vị phạm tăng tuy hư hỏng, khuyết tật nhưng họ vẫn đang trong tăng tướng và phẩm mạo cao thượng; họ đang đi trên con đường phạm hạnh, họ ăn một bữa, họ thiếu dục, tri túc; họ thường sống nơi tịch mịch, xa chỗ ồn ào, xa chỗ ngủ dục thấp hèn!... Còn ta là gì? Ta là cư sĩ áo trắng, dù đắc quả Tu-đà-huần, nhưng ta vẫn có gia đình với vợ và con, bạc tiền, của cải, danh vọng, địa vị, nghề nghiệp nuôi sống. Ta không cắt móng tay, không cạo râu tóc, vẫn trang điểm, vẫn thoa vật thơm, y phục

lành tốt, thọ hưởng ngũ dục, ăn ngon, mặc ấm, giường cao, nhà rộng v.v... Chỉ nguyên nhân ấy thôi, ta đã phải lễ bái, cúng dường đến các ngài rồi. Huống hồ các ngài, chư phạm tăng ấy còn có khả năng dạy giáo pháp, truyền giới luật cho người tại gia, người xuất gia? (12). Đây là một quan điểm cực kỳ táo bạo. Quan điểm này cũng được khẳng định tương tự bằng câu chuyện về nữ cư sĩ *Mātikamātā* được ghi lại trong *Tích truyện Pháp cú*. Theo văn kinh, mặc dù đã chứng đệ tam thánh quả A-na-hàm nhưng cư sĩ *Mātikamātā* vẫn phụng cúng cho sáu mươi vị phạm tăng bốn món cần dùng suốt mùa an cư kiết hạ (13). Từ đây, có thể thấy, người xuất gia mang hình bóng của Tam bảo thì được cư sĩ tại gia phụng kính. Vì Tăng không phải là cá nhân mà là đoàn thể, là ngôi vị tôn quý thứ ba trong Tam bảo. Và, Tam bảo là đối tượng tôn thờ tối thượng, không thể vượt qua và không có ai cao hơn ngôi vị Tam bảo.

Về cách thức thể hiện lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ, trong một số trường hợp, Đức Phật vẫn cho phép người xuất gia nuôi dưỡng cha mẹ của mình trong điều kiện khả dĩ. Đây chỉ là giải pháp mang tính tình thế, riêng lẻ, nhằm giúp cho một vài vị Tỳ-kheo trong hoàn cảnh vừa nêu không phải trở lui đời sống thế tục, mà vừa có thể tu tập, vừa có thể chăm lo cha mẹ của mình (14). Về phương diện người xuất gia thể hiện lòng hiếu thảo đối với đấng sanh thành, kinh điển Nikaya chỉ nhấn mạnh lấy việc tu tập, chuyển hóa của bản thân, xem đó là một trong những cách thức báo hiếu tối ưu dành cho cha mẹ.

Với những người thân đã khuất, tâm trạng u buồn, khổ đau không phải là thái độ của một người cư sĩ đúng mực. Từ các câu chuyện *Tiền thân Đức Phật* số 352, 354, 449, chuyện nàng Kisa Gotami (Theri 143), nàng Patacara (Theri 134)... đã cho thấy Đức Phật có một cái nhìn bình thản trước lễ thường sanh tử. Ngài kêu gọi hàng đệ tử nên có một quan điểm thấu đạt về sự thực vô thường, vô ngã, buông xả mọi chấp trước trước thực trạng sanh tử biệt ly. Cơ sở vững chắc nhất về quan điểm này là thái độ trầm tĩnh, bình thản của Đức Phật khi Ngài tuần tự kể lại 547 câu chuyện về tiền thân của mình cũng như của các đệ tử.

Từ cơ sở này có thể thấy, đối với cha mẹ, anh em, thân tộc quá cố... kinh điển Nikaya đề cập nhẹ nhàng, **không cố sùỵ hoạt động cúng kiếng, tế tự người thân**. Thậm chí, đối với thân xác còn lại của Như Lai sau khi diệt độ, Đức Phật cũng chỉ dạy rằng, các thầy xuất gia đừng quá bận tâm hay bồn chồn lo lắng, vì theo Ngài, việc ấy là phận sự của hàng tại gia cư sĩ. Lời dạy thống thiết trong đêm Đại diệt độ đã minh chứng cho quan điểm này: *Này Ananda, các Người đừng có lo lắng vấn đề cung kính thân xá-lợi của Như Lai. Này Ananda,*

các Người hãy nỗ lực, hãy tinh tấn hướng về tự độ, sống không phóng dật, cần mẫn, chuyên hướng về tự độ. Nay Ananda, có những học giả Sát-đế-ly, những học giả Bà-la-môn, những học giả gia chủ thâm tín Như Lai, những vị này sẽ lo cho sự cung kính cúng dường thân xá-lợi của Như Lai (15). Từ lời căn dặn này, Bà-la-môn Dona cũng như dân chúng Mala đã đóng vai trò chính trong việc hỏa táng cũng như phân chia xá-lợi của Đức Như Lai sau lễ trà tỳ.

Theo kinh văn Nikaya, người xuất gia luôn có một vị trí tối thượng. Với khảo sát bước đầu, chúng tôi **chưa phát hiện bất cứ một tư liệu nào yêu cầu hàng xuất gia phải cung phụng, lễ bái hàng tại gia, dù đó là cha mẹ hay quân vương**, mà còn phát hiện nhiều điều ngược lại. Có thể sự tinh nghiêm, trong sạch của đại đa số chúng xuất gia trong thời kỳ đầu, đã làm cho chúng tại gia dễ dàng chấp nhận và tuân phục theo những bốn phận mà Đức Phật đã quy định cho hàng cư sĩ. Hơn nữa, nghi lễ đời người thời Phật cũng rất giản đơn vì theo quan điểm của Đức Phật, cái chết chỉ là kết thúc một chặng ngắn của hành trình dài. Chết và sẽ tái sinh là niềm tin phổ biến trong chúng xuất gia và kể cả hàng tại gia cư sĩ. **Vì vậy, vấn đề người xuất gia lễ lạy cha mẹ khi còn sống hay trong tang nghi không có mặt trong kinh điển thuộc văn hệ Nikaya.**

Người xuất gia lễ lạy cha mẹ theo kinh điển Bắc truyền

Từ sự quy định của quân vương và tự này sinh trong hiện thực đời sống, sự kiện người xuất gia lễ lạy cha mẹ xuất hiện trong Phật giáo Trung Hoa ở nhiều thời kỳ. Tư liệu về thể tài này được bảo lưu rất phong phú và sinh động trong *Đại tạng kinh Đại chính tân tu* (ĐTKĐCTT). Người viết tiếp cận vấn đề dựa trên nguồn tư liệu này.

1- Chiếu lệnh và kháng thư

Vấn đề yêu cầu người xuất gia lễ lạy cha mẹ, lễ kính các đối tượng vương quyền và các ý kiến phản đối của Tăng nhân được tập hợp trong *Tập Sa-môn bất ứng bái tục đẳng sự* (集沙門不應拜俗等事) thuộc tập 52 mang số hiệu 2108 trong ĐTKĐCTT. Đây là một tác phẩm gồm sáu quyển, là sự tổng hợp phong phú các dạng *Sắc, Chiếu, Lệnh...* của vương quyền như: *Kim thượng chế Sa-môn đẳng trí bái quân, thân sắc* (今上制沙門等致拜君親敕); *Tống Hiếu Vũ Đế ức Sa-môn trí bái sự* (宋孝武帝抑沙門致拜事); *Kim thượng đình Sa-môn bái quân chiếu* (今上停沙門拜君詔)... cùng các kháng thư thể hiện qua các dạng văn bản như *Khải, Biểu, Thư, Nghị Trạng...* của các Tăng nhân và Đạo sĩ xuyên suốt nhiều thời kỳ. Theo tác phẩm *Tập Sa-môn bất ứng bái tục đẳng sự*, các vị vương quan yêu cầu Sa-môn quỳ lạy rất đông đảo, từ *Hán Thành Đế, Hán Huyền, Hiếu Võ Đế, Hách*

Liên Bột Bột, Tề Vũ Đế, Tùy Dạng Đế, Thượng Quan Nghi... Yêu cầu đó đã gặp phải sự phản ứng mạnh mẽ của Đạo sĩ và Tăng nhân. Có thể điểm qua những Tăng nhân có kháng thư tiêu biểu như *Lô Sơn - Tuệ Viễn, Thích Ngạn Tông, Oai Tú, Đạo Tuyên, Linh Hội, Hội Ẩn, Huyền Phạm, Tĩnh Mai, Sùng Bạt...*

Từ nội dung sắc chỉ của các vương quan, có thể nhận ra cơ sở nền tảng của lý lẽ Sa-môn phải lễ lạy vương quyền và cha mẹ dựa trên những chuẩn mực đạo đức của Nho gia như *Lục thuận* (16), *Ngũ thường* (17): *Mở bày nền tảng Lục thuận; sánh hợp căn bản Ngũ thường* (具開六順之基. 偕協五常之本) (18). Trong những Tăng nhân viết kháng thư, người đầu tiên thể hiện sự phản kháng đáng chú ý là ngài *Lô Sơn - Tuệ Viễn* với tác phẩm thời danh *Sa-môn bất kính vương giả luận* (沙門不敬王者論). Đặc biệt, ngài Đạo Tuyên, vị khai tổ của Luật tông Trung Quốc, đã viết bốn kháng thư vừa mang tính lý luận Phật học vừa dẫn ra những tai hại cho các vương quan khi ban sắc, chiếu trái đạo. Trong luận thư, ngài Đạo Tuyên đã vận dụng kinh thư Trung Hoa để xiển dương sự tôn nghiêm của Tam bảo (19). Theo ngài Đạo Tuyên, *Do chiếu lệnh nên phải quỳ bái phụ mẫu, với người xuất gia theo Phật thì đó là việc quá sai lầm* (然於父母猶令跪拜. 私懷徒慙佛教甚違) (20). Trong những kháng thư, ngoài việc viện dẫn kinh điển, các Tăng nhân đều khẳng định rằng, nếu yêu cầu người xuất gia lễ bái, dù đó là quân vương hay cha mẹ, thì việc người thọ lễ sẽ bị tổn phước và thậm chí là đoàn thọ. Theo *Phụ mẫu đồng quân thượng bất lệnh xuất gia nhân trí bái biểu* (父母同君上不容出家人致拜表) của Tăng nhân Sùng Bạt, thì *Sa-môn lạy người đời thì họ sẽ tổn giảm công đức và thọ mạng, dù đó là quân vương hay cha mẹ* (沙門拜俗損君父功德及以壽命) (21).

Thái độ phản kháng của Tăng nhân về việc bắt Sa-môn lễ lạy vua quan và cha mẹ còn được phát hiện rải rác trong *Pháp uyển châu lâm* (法苑珠林) (22), *Quảng hoằng minh tập* (廣弘明集) (23), *Phật tổ lịch đại thông tải* (佛祖歷代通載) (24), *Trúc song tùy bút* (竹窗隨筆) (25)... Cơ sở nền tảng của những yêu cầu Sa-môn lễ lạy cha mẹ, vương quan cùng những kháng thư vừa dẫn, có liên quan đến hoặc căn cứ vào những bộ kinh, luật căn bản của Phật giáo.

2- Cơ sở kinh, luật

Đạo Phật được xem là đạo hiếu. Đạo hiếu ấy bàng bạc trong mỗi trang kinh và được tiếp cận từ nhiều góc độ. Đề cập về hiếu đạo, ĐTKĐCTT có ghi lại các kinh căn bản sau: *Phật thuyết báo ân phụng bốn kinh, cũng có tên là Báo tượng công đức kinh* (佛說報恩奉盆經 (亦云報像功德經) (26); *Phật thuyết phụ mẫu ân trọng kinh* (佛說父母恩重經) (27); *Phật thuyết hiếu tử kinh* (佛說孝

子經) (28); *Phật thuyết phụ mẫu ân nan báo kinh* (佛說父母恩難報經) (29); *Phật thuyết Vu lan bồn kinh* (佛說盂蘭盆經) (30).

Một trong những cơ sở lý luận của việc lễ bái cha mẹ có liên quan đến luận điểm Đức Phật lay đồng xương khô. Ở đây, trong tất cả những kinh văn liên quan đến hiếu đạo vừa dẫn, không có chi tiết này. Lần ngược lại bản chữ Hán từ bản kinh tiếng Việt của kinh *Báo ân cha mẹ*, chi tiết: *Như Lai hướng về đồng xương khô, năm vóc sát đất, cung kính lễ bái* (如來向彼枯骨，五體投地，恭敬禮拜) được phát hiện trong một bản kinh biệt hành mang tên *Phật thuyết phụ mẫu ân trọng nan báo kinh* (佛說父母恩重難報經) do ngài Cưu Ma La Thập phụng chiếu dịch (姚秦三藏法師鳩摩羅什奉詔譯). Điều đáng chú ý là bản kinh này không nằm trong *Nghi tứ bộ* và cũng không có tên trong ĐTKĐCTT. Chúng tôi đã khảo sát nhiều cách thức từ ĐTKĐCTT, *Đại tạng kinh tường tế mục lục*, cũng như toàn bộ dịch phẩm của ngài Cưu Ma La Thập trong *Xuất tam tạng ký tập*, nhưng không phát hiện bản kinh này. Theo quan điểm chính thống, các kinh văn được đưa vào Đại tạng kinh đã trải qua sự thẩm định nghiêm khắc của nhiều nhà nghiên cứu Phật học có thẩm quyền. Nếu căn cứ vào ĐTKĐCTT làm nền tảng, bản kinh nào không có trong danh mục Đại tạng, thì không được xem là kinh văn chính thống của Phật giáo Bắc truyền. Và như vậy, từ cơ sở này đã minh chứng, chi tiết Đức Phật lay đồng xương khô là sự kiện không có thực trong kinh văn Phật giáo Bắc truyền.

Trong giáo nghĩa Đại thừa, người xuất gia thể hiện lòng hiếu thảo với cha mẹ bằng nhiều cách. Trong tất cả những hình thức báo hiếu, kinh điển không đề cập đến việc quỳ lạy cha mẹ.

Theo kinh *Đại bát Niết bàn, quyển thứ sáu* (大般涅槃經卷第六) (31), Đức Phật dạy rằng: *Người xuất gia không nên lễ kính người tại gia* (然出家人不應禮敬在家人也) (32); trong *Chư kinh yếu tập, quyển thứ hai* (諸經要集, 卷第二), Phật dạy: *Không nên lễ bái hết thầy người tại gia* (不應禮拜一切白衣) (33). Tương tự, kinh *Phạm võng Bồ-tát giới* (梵網經菩薩戒) quyển hạ, tập hai mươi bốn, Đức Phật dạy: *Phép của người xuất gia thì không nên lễ bái quốc vương, không lễ lạy cha mẹ, không kính lễ lục thân quyến thuộc, không kính lễ quỷ thần* (出家人法不向國王禮拜。不向父母禮拜。六親不敬。鬼神不禮) (34). Chi tiết này cũng xuất hiện trong *Giới pháp xuất gia tại gia - Bồ-tát giới*, bản dịch tiếng Việt của Hòa thượng Trí Quang (35). Đặc biệt, trong quyển thứ năm mươi của bộ *Tứ phần luật*, bộ luật căn bản của người xuất gia, Đức Phật dạy, *không nên lạy người thế tục* (佛言。不應禮白衣) (36). Tư liệu này cũng được tìm thấy trong *Luật tứ phần*, bản dịch tiếng Việt của Hòa

thượng Thích Đồng Minh (37).

Đây là những cơ sở nền tảng bảo chứng rằng, người xuất gia không nên lễ lạy người tại gia, dù đó là quân vương, cha mẹ hay lục thân quyến thuộc, dù còn sống hay đã chết. Vì lẽ, người xuất gia, đã thọ giới Bồ-tát, nếu lạy cha mẹ, thì phạm vào giới số 40 trong *48 giới nhẹ của Bồ-tát giới Phạm võng* (38); người xuất gia nói chung, nếu lạy cha mẹ, thì không đúng với kinh, luật vừa được dẫn ở trên.

Thay lời kết hay những giải pháp gợi mở

Mặc dù thân, tâm xuất gia nhưng Tăng nhân vẫn có những mối liên hệ về nguồn cội của mình. Ứng xử hài hòa trong quan hệ thân tộc và hành trì đúng theo giới luật là việc làm cần thiết của một người xuất gia. Tham khảo về hành xử của Đức Phật trong tang lễ của thân phụ Tịnh Phạn được ghi lại trong *Phật thuyết Tịnh Phạn vương bát Niết bàn kinh* (佛說淨飯王般涅槃經) (39), là những giải pháp gợi mở về trường hợp này.

Theo kinh, Đức Phật đã có những hỗ trợ cần thiết qua những khai thị ngắn gọn và thực tế, để cuối cùng sau khi từ bỏ huyền thân, vua Tịnh Phạn được sanh lên cõi *Trời Tịnh Cư* (生淨居天). Kinh văn mô tả ứng xử khéo léo của Đức Phật, xoay quanh những sự kiện trong tang lễ. Một trong những chi tiết, đó là Đức Phật và Nan Đà nghiêm, kính đứng ở trước linh cữu, ngài A Nan và La Vân (La Hầu La – NV) thì đứng ở phía cuối (佛共難陀。在喪頭前肅恭而立。阿難羅云。住在喪足)。Đặc biệt, Đức Phật sợ chúng sanh đời sau không báo đáp thâm ân cha mẹ, nên dự định tự mình khiêng quan tài của thân phụ (自欲擔於父王之棺)。

Ở đây, cần phải thấy rõ là Ngài chưa tự mình khiêng quan tài thân phụ. Hiện tại, chúng tôi chưa phát hiện tư liệu cho rằng Đức Phật ghé vai khiêng quan tài của thân phụ. Ngài vừa khởi ý như thế thì tam thiên đại thiên thể giới chấn động. Khi đó, bốn vị Thiên vương liền phát nguyện và được Phật cho phép, nên thay Đức Phật khiêng quan tài vua Tịnh Phạn. Chi tiết đáng lưu ý là trước khi khiêng quan tài, bốn vị Thiên vương đều hiện thân hình như người bình thường (時四天王。各自變身。如人形像。以手擎棺)。Nghĩa cử cuối cùng của Đức Phật đối với thân phụ Tịnh Phạn là Ngài đã cúi mình, tay cầm lò hương, đi trước linh cữu, đưa di thể vua Tịnh Phạn về nơi an táng (如來躬身。手執香爐。在喪前行。出詣葬所)。

Kinh văn đã chuyển tải những thông điệp quan trọng về hành xử của người xuất gia đối với tang lễ của cha mẹ mình. Từ kinh văn cho thấy, những ứng xử của Đức Phật trong tang lễ của thân phụ vẫn nằm trong khuôn khổ những thiết định giới luật mà Ngài đã ban hành.

Trong thực tiễn đời sống, có một số trường hợp người xuất gia xem mẹ cha như những cư sĩ bình thường. Đây là những trường hợp mà Đại sư Liên Trì đã cực lực lên án trong tác phẩm *Chánh ngoa tập* (正訛集). Theo ngài Liên Trì, *có những hạng ngu tăng không hiểu biết, cứ để cho cha mẹ lạy, hoặc ngồi chính giữa để cha mẹ châu hầu bên cạnh, hoặc ngồi giữa thuyền để cha mẹ vắt và chèo ghe. Trong sâu xa thì trái với lời dạy của Phật, trong liên hệ đời thường thì ngược với nhân luân, làm cho người đời chê cười và tự thân trưởng dưỡng tánh ngã mạn* (愚僧不知, 遂納父母之拜, 或正座而父母趨傍, 或中舡而父母操, 楫遠違佛旨, 近逆人倫. 招世譏嫌, 啟人傲慢 - 正訛集). Trong tác phẩm *Trúc song tùy bút* (竹窗隨筆), Đại sư Liên Trì đã đưa ra quan điểm xem cha mẹ giống như Phật (這是我的父母親, 如衲佛一樣) và yêu cầu người xuất gia nên ứng xử cho tương đồng. Căn cứ vào bối cảnh lịch sử, quan điểm này của Đại sư Liên Trì là giải pháp tình thế, nhằm chống lại một số trường hợp người xuất gia không hiểu kính, hay ứng xử không phù hợp đối với các bậc thân sinh ra mình.

Hiếu đạo là giá trị nhân văn mang tính toàn nhân loại. Mỗi dân tộc, quốc gia, tôn giáo... có những quy chuẩn về hiếu đạo khác nhau. Thang bậc hiếu thảo lớn nhất theo quy chuẩn của Nho gia là *Tôn thân* (40). Với Phật giáo, người con hiếu thảo đúng mực, ngoài những phận sự lo cho cha mẹ tương đương như Nho gia, thì việc khuyến hóa cha mẹ an trú trong *Tín* và *Giới* (41), quảng phát Bồ-đề tâm, vì cha mẹ sám hối nghiệp chướng, hồi hướng công đức tu hành cho cha mẹ... là những cách thức báo hiếu cao cả.

Chú thích

- (1) Kinh Tiểu bộ, tập 10, Chuyện Tiền thân Đức Phật, *chuyện Đại vương Vessantara*, số 547. Xem thêm: 大正新脩大藏經第三冊 No. 187, 方廣大莊嚴經; No. 156, 大方便佛報恩經.
- (2) Kinh Trung bộ, tập 2, *kinh Ratthapala*, số 82.
- (3) Kinh Tương ưng, tập 2, thiên Nhân duyên, chương V, Tương ưng Kassapa, *kinh Y áo*.
- (4) Kinh Tăng chi, chương Tám pháp, phẩm Lớn, *kinh A Tu La Pahārāda*.
- (5) Kinh Tiểu bộ, tập 1, kinh Phật tự thuyết, chương một, phẩm Bồ-đề.
- (6) Tích truyện Pháp cú, bản dịch của Viên Chiếu, phẩm Công bình pháp trụ, *Người trẻ có thể là trưởng lão*.
- (7) Kinh Tương ưng, tập 1, Thiên có kệ, chương Ba, Tương ưng Kosala, phẩm thứ nhất, *kinh Tuổi trẻ*.
- (8) Cullavagga, chương 6, Sàng tọa, Tụng phẩm thứ hai, *Bài kệ về sự kính trọng*. Bản dịch tiếng Việt của Tỳ-kheo Indacanda.



- (9) Kinh Tiểu bộ, tập 10, Chuyện Tiền thân Đức Phật, *chuyện Đại vương Vessantara*, số 547.
- (10) 大正新脩大藏經第二十四冊 No. 1462, 善見律毘婆沙卷第十七.
- (11) Tích truyện Pháp cú, Viên Chiếu dịch, phẩm Bà-la-môn, *Tôn giả Xá Lợi Phất bị mẹ mắng*.
- (12) *Kinh Mi Tiên vấn đáp*, HT. Giới Nghiêm dịch, NXB Tôn giáo, 2003, tr. 422.
- (13) Tích truyện Pháp cú, bản dịch của Viên Chiếu, phẩm Tâm, *Người đọc được tâm*.
- (14) Kinh Tiểu bộ, tập 10, Chuyện Tiền thân Đức Phật, *chuyện Hiếu tử Sama*, số 540.
- (15) Kinh Trường bộ, tập 1, *Kinh Đại bát Niết-bàn*, số 16, tụng phẩm V.
- (16) 春秋左傳, 隱公三年, 君義, 臣行, 父慈, 子孝, 兄愛, 弟敬, 所謂六順也.
- (17) 五常: 即仁, 義, 禮, 智, 信.
- (18) 大正新脩大藏經第五十二冊 No. 2108 集沙門不應拜俗等事. 卷第六. 今上
 停沙門拜君詔一首.
 (19) 大正新脩大藏經第五十二冊 No. 2108 集沙門不應拜俗等事. 卷第三. 西明寺僧道宣等序佛教隆替事簡諸宰輔等狀一首.
 (20) 大正新脩大藏經第五十二冊 No. 2108 集沙門不應拜俗等事. 卷第三, 西明寺僧道宣等重上榮國夫人楊氏請論不合拜親 啟一首
 (21) 大正新脩大藏經第五十二冊 No. 2108 集沙門不應拜俗等事. 卷第六. 襄州禪居寺僧崇拔上請父母同君上不令出家人致拜表一首.
 (22) 大正新脩大藏經第五十三冊 No. 2122 法苑珠林卷第十九.
 (23) 大正新脩大藏經第五十二冊 No. 2103, 廣弘明集, 卷第二十五.
 (24) 大正新脩大藏經第四十九冊 No. 2036, 卷第十二.
 (25) Tác phẩm của Đại sư Liên Trì, vị Tổ thứ tám của Tịnh Độ tông (1532-1612).
 (26) 大正新脩大藏經第十六冊 No. 686, 佛說報恩奉盆經.
 (27) 大正新脩大藏經第八十五冊 No. 2887, 父母恩重經. Bản kinh này được xếp vào *Nghi tứ bộ*, trong ĐCTTĐTK.
 (28) 大正新脩大藏經第十六冊 No. 687, 佛說孝子經.
 (29) 大正新脩大藏經第十六冊 No. 684, 佛說父母恩難報經.
 (30) 大正新脩大藏經第十六冊 No. 685, 佛說孟蘭盆經.
 (31) 大正新脩大藏經第十二冊 No. 374, 大般涅槃經.
 (32) *Kinh đã dẫn*.
 (33) 大正新脩大藏經第五十四冊 No. 2123, 諸經要集.
 (34) 大正新脩大藏經第二十四冊 No. 1484, 梵網經.
 (35) *Giới pháp xuất gia tại gia, Bồ-tát giới*, Trí Quang dịch, NXB. TP. HCM, 1998, tr. 183.
 (36) 大正新脩大藏經第二十二冊 No. 1428. 四分律.
 (37) *Luật tứ phần*, quyển 6, HT. Thích Đồng Minh dịch, Thích Nguyên Chứng và Thích Đức Thắng hiệu đính và chú thích, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam & NXB. TP. HCM, 2006, tr. 25.
 (38) *Giới pháp xuất gia tại gia, Bồ-tát giới*, Trí Quang dịch, NXB. TP. HCM, 1998, tr. 105.
 (39) 大正新脩大藏經第十四冊 No. 512 佛說淨飯王般涅槃經.
 (40) 禮記: 孝有三, 大孝尊親, 其次弗辱, 其下能養.
 (41) Kinh Tăng chi, chương Hai pháp, phẩm Tâm thắng bằng, *kinh Đất*.

VU LAN NHỚ MẸ NHIỀU

Vu Lan đến lòng con xao xuyến
Nhớ bàn tay âu yếm thân quen
Nguyện xin làm một đóa sen
Thành tâm quỳ xuống dâng lên Mẹ hiền

Kính chúc Mẹ bách niên giai lão
Con sẽ luôn hiếu đạo trọn đời
Nguyện xin làm ánh sao trời
Suốt đời bên Mẹ sáng ngời tình thâm

Vu Lan đến nhớ Mẹ vô tận!
Bâng khuâng con để giọt lệ tràn
Tâm hồn chợt thấy nhẹ nhàng
Cài bông hồng thắm con thầm ước mong

Cám ơn Mẹ cho con tất cả
Từ hình hài đến trọn tình thương
Mẹ ơi! Mẹ là ánh dương
Soi đường con bước đêm trường tối tăm

Tháng ngày con vô tâm nào biết
Mẹ thương con chẳng tiếc thân mình
Bây giờ nghĩ lại thẹn nhìn
Nếp nhăn trán Mẹ ngày càng nhiều thêm

Xin lỗi Mẹ! ngàn lời xin lỗi
Đừng giận con nghe Mẹ thân yêu
Vu Lan con nhớ Mẹ nhiều!
Cài bông hồng thắm dâng niu nghẹn ngào

Con thương Mẹ, yêu Mẹ nhiều lắm!
Mẹ hứa đi sẽ mãi bên con
Cho dù năm tháng hao mòn
Mẹ cũng sát cánh bên con trọn đời

Hứa đi Mẹ đừng quên Mẹ nhé!
Vu Lan về con chúc Mẹ vui
Nơi ngôi tịnh thất xa xôi
Con xin nhặt cánh hoa trôi lững lờ

Đem kết thành dòng thơ tình nghĩa
Kính dâng lên người Mẹ con thương
Vu lan báo hiếu ngát hương
Hương người con Phật mãi vương nghĩa tình.

Kính tặng Mẹ nhân ngày Vu Lan

TUỆ UYÊN NHI



PHẬT GIÁO VÀ DI DÂN

Nguyễn Giác



Đạo Phật là đạo của từ bi và trí tuệ. Hai phẩm chất này không liên hệ chút gì tới màu da, sắc tộc. Con đường giải thoát là Bát Chánh Đạo, cũng hoàn toàn không phân biệt gì tới sắc tộc, màu da. Tu tập hàng ngày là phải viễn ly, buông bỏ, xa lìa tham sân si — và như thế, cũng hoàn toàn không dính chút gì tới những bức tường biên giới hay các bãi mìn giữa các quốc gia tranh chấp.

Chúng ta không tránh khỏi những suy nghĩ về các vấn đề đang sôi động trong xã hội Hoa Kỳ, khi cộng đồng mình được nhắc nhở rằng khi đi ra phố nhớ mang theo giấy tờ chứng minh mình là công dân Mỹ hay là người cư trú hợp pháp. Bài này sẽ không nói tới những tranh luận nhạy cảm. Nơi đây, chỉ nêu lên câu hỏi rằng: trong các môn đệ đầu tiên của Đức Phật, có phải có một vị A la hán da trắng, gốc di dân từ xa vào Ấn Độ?

Thực tế, Đạo Phật tại Việt Nam thời rất xa xưa, và tại Hoa Kỳ hai thế kỷ qua, là tôn giáo do di dân mang tới, và cũng từ các vị sư Hoa Kỳ sang Châu Á tu học và rồi về Mỹ thiết lập các tu viện. Nhà sư di dân nổi tiếng nhất trong lịch sử Trung Hoa là ngài Bồ Đề Đạt Ma.

Nhà sư di dân đầu tiên hoằng pháp tại Việt Nam là ngài Phật Quang, dạy đạo cho cặp vợ chồng Chữ Đồng Tử và Tiên Dung, rồi hai người này trở thành hai Phật tử đầu tiên tại Việt Nam. Tiên Dung là con gái của vua Hùng Vương thứ 18, cũng là đời Vua Hùng cuối cùng - khoảng năm 258 trước Tây lịch. Theo sử, các thương nhân nước ngoài xuất hiện tại khu chợ của Chữ Đồng Tử và Tiên Dung rất có thể là từ Ấn Độ. Do vậy, khi cùng các thương gia đi buôn trên biển, Chữ Đồng Tử đã ghé vào một hòn đảo để lấy nước ngọt và gặp nhà sư Ấn Độ có tên Phật Quang. Phật giáo Việt Nam từ cơ duyên này bắt đầu.

Chúng ta rất khó nói được thời Đức Phật, vị sư nào là di dân hay không phải di dân. Thời xưa, chưa có chuyện cửa khẩu dựng lên giữa các quốc gia, và lúc đó khái niệm quốc gia cũng không giống như chúng ta suy nghĩ bây giờ. Thời đó là của các vương triều, các lãnh chúa. Biên giới có thể thay đổi rất nhanh. Thêm nữa, hẳn là thời kỳ đó, sự kỳ thị rất hiếm xảy ra giữa các sắc tộc gần nhau. Thí dụ, một người ở Đồng Tháp khi gặp một người từ Nghệ Tĩnh tới, giọng nói sẽ khó hiểu, khó tương tác với nhau, nhưng cảm xúc kỳ thị sẽ không có, hoặc rất ít.

Thời Đức Phật hẳn cũng như vậy, đôi khi trở ngại ngôn ngữ, nên Đức Phật khi thuyết pháp phải

nói nhiều ngôn ngữ khác nhau. Theo các sử gia, Đức Phật Thích Ca thường nhất là đã thuyết pháp bằng tiếng Magadhi Prakrit (ngôn ngữ của vùng Ma Kiệt Đà – Magadha), một dạng ngôn ngữ Prakrit phổ biến ở vùng Magadha, nơi Ngài giảng dạy. Tùy vào địa phương, Đức Phật có thể đã sử dụng một số phương ngữ khác thuộc hệ Prakrit, vì Ngài đi khắp các vương quốc như Kosala, Vajji, Kuru, v.v. Đức Phật cũng không kỳ thị, vì Ngài từng nói: Này các Tỳ-kheo, ta cho phép học lời Phật bằng ngôn ngữ riêng của mỗi người. Các kinh điển Phật giáo sau này được ghi chép lại bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, bao gồm tiếng Pali, Sanskrit, Gandhari-Prakrit, và Buddhist Hybrid Sanskrit.

Có một quan điểm từ một số truyền thống Phật giáo rằng lời Đức Phật nói là Phật Âm Vi Diệu, tức là một âm thanh mà mọi chúng sanh đều có thể hiểu được bất kể ngôn ngữ của họ. Điều này có lẽ chỉ muốn nhấn mạnh sự phổ quát của Chánh pháp, vượt qua rào cản ngôn ngữ thông thường.

Trong một cuộc thảo luận, nhà sư Sujato—Trưởng ban Biên tập SuttaCentral, một kho kinh tạng Phật giáo lớn nhất thế giới hiện nay—nói rằng có một vị A La Hán da trắng, mũi cao, có vẻ như người từ Châu Âu, hay từ Iran (tên cổ là Ba Tư) là môn đệ trực tiếp của Đức Phật. Ngài Sujato cũng là người dịch hầu hết (và có thể là tất cả) các Kinh trong Tạng Pali sang tiếng Anh, nên nhận định này là dựa vào kinh điển.

Bhikkhu Sujato viết, trích: *"Nhà sư 'da trắng' đầu tiên là Tôn giả Mahākappina, một trong những đệ tử vĩ đại. Ngài xuất hiện trong một số đoạn văn, nhưng hầu hết đều không tiết lộ bất cứ điều gì về nguồn gốc của ngài. Nhưng trong SN 21.11, Đức Phật mô tả ngài như thế này: trắng, gầy, có mũi nhọn. Ba đặc điểm này, cùng với từ 'cao', chính xác là những đặc điểm thể chất của các nhà sư phương Tây ở các quốc gia Phật giáo ngày nay. Các thuật ngữ Pali rất chính xác và khác thường."*

Nơi một đoạn khác, ngài Sujato cũng viết: *"Trong khi các EBT (Kinh Phật Sơ Kỳ) không cung cấp thêm thông tin nào về lý lịch của ngài, thì các Chú giải nói rằng ngài đến từ một vùng đất xa về phía tây. Đất nước đó được gọi là Kukkuṭavati, hay 'Chookland', và tôi không chắc liệu có thể xác định được hay không. Giữa vùng đó và vùng đất ở giữa, người ta nhấn mạnh rằng phải vượt qua ba con sông lớn, một trong số đó, Candabhāgā, được xác định là Sông Chenab hiện đại ở Pakistan."*



Trong một kết luận, Bhikkhu Sujato viết: *"Về nguồn gốc thực sự của ông, thật khó để nói: có rất nhiều vùng đất ở phía tây Ấn Độ. Tất nhiên ông có thể là người Hy Lạp, trong trường hợp đó ông sẽ là người châu Âu đầu tiên được nhắc đến trong các văn bản Ấn Độ. Nhưng có nhiều khả năng ông đến từ đâu đó ở vùng đất rộng lớn phía tây Pakistan, có lẽ là Persia."*

Vùng đất có tên Persia trong tiếng Việt thường dịch là Ba Tư, tên mới bây giờ gọi là Iran. Dĩ nhiên, không ai có thể khẳng định 100% những chuyện xảy ra thời Đức Phật, vì lúc đó chưa có sử, chưa có giấy mực như vài thế kỷ sau, lúc đó các nhà sư gìn giữ Chánh pháp phải chia kinh ra theo các bộ để học thuộc lòng, truyền khẩu từ thế hệ này qua thế hệ sau.

Nơi đây, chúng ta có thể trích từ Kinh SN 21.11, theo bản dịch của Thầy Minh Châu, để thấy rằng Tôn giả Mahākappina nổi bật lên với da trắng, gầy cao và mũi cao như thế nào. Trích:

"Rồi Tôn giả Mahā Kappina đi đến Thế Tôn."

Thế Tôn thấy Tôn giả Mahā Kappina từ đường xa đi đến.

Sau khi thấy, Thế Tôn liền gọi các Tỷ-kheo:

— Các Ông có thấy không, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo kia đi đến, da bạch trắng, ốm yếu, với cái mũi cao?

— Thưa có, bạch Thế Tôn.

— Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, có đại thần thông, có đại uy lực. Thật không dễ gì đạt được sự chứng đắc mà trước kia vị Tỷ-kheo ấy chưa chứng đắc. Vị ấy còn ngay trong hiện tại, tự mình với thẳng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này, con các lương gia chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." (ngưng trích)

Chúng ta có thể suy đoán rằng, nếu ngài Mahākappina là di dân vào Ấn Độ từ thời sơ ấu, thì học ngôn ngữ dễ dàng, nghe pháp không trở ngại. Nhưng nếu ngài di dân vào Ấn Độ khi tuổi cao, thì ngôn ngữ là trở ngại. Chúng ta có thể đoán thêm,

khi đó, pháp tiện lợi nhất để dạy rất ít lời là Niệm Hơi Thở.

Trong Trường Lão Tăng Kệ Thag 10.3, theo bản Việt dịch của ngài Bhikkhu Indacanda, chúng ta thấy rằng Trưởng lão Mahākappina kể rằng ngài niệm hơi thở như Đức Phật dạy, rồi thấy tâm ngài chiếu sáng cõi này, như trăng rời mây, trong trắng, chiếu sáng các phương. Trích như sau:

"Niệm hơi thở vào hơi thở ra của vị nào được tròn đủ, khéo được tu tập, được tích lũy theo thứ lớp giống như điều đã được thuyết giảng bởi Đức Phật, vị ấy chiếu sáng thế gian này, tựa như mặt trăng được thoát khỏi đám mây."

Thật vậy, tâm của tôi trong trắng, không hạn lượng, đã được khéo tu tập, đã được thấu triệt, và đã được nắm chắc, nó chiếu sáng tất cả các phương." (ngưng trích)

Đứng về cách nhìn của nhà Phật, chúng ta thấy hoàn toàn không có chuyện xem người này hay người kia là hạ tiện, là thấp kém, chỉ vì dựa theo nơi họ ra đời, hay dựa theo giai cấp. Kẻ hạ tiện, hay kẻ thấp kém, là do hành động của họ, chứ không phải do dòng tộc hay quốc độ họ xuất thân. Nơi đây, chúng ta trích dịch, dựa theo hai bản Anh dịch, lời Đức Phật dạy trong Kinh Snp 1.7 về Kẻ Hạ Tiện (The Lowlife, The Outcaste). Như sau:

"Một người giận dữ, cay độc, có những hung ác giả hình, lừa gạt và có ác kiến, được gọi là "kẻ hạ tiện."

Kẻ đó làm hại các sinh vật sinh ra từ tử cung hoặc từ trứng, và không có lòng thương xót với các sinh vật, được gọi là "kẻ hạ tiện."

Kẻ giết người trong thị trấn và làng mạc, mang lại sự hủy diệt, và rồi cư xử áp bức - được biết đến vì điều đó, được gọi là "kẻ hạ tiện."

Kẻ nào trong rừng hoặc trong thị trấn ăn cắp bất cứ thứ gì không được cho, từ những người khác mà nó có giá trị, được gọi là "kẻ hạ tiện."

Bất kỳ ai vay nợ nhưng khi được thúc giục trả nợ, sau đó trả lời, "Tôi thực sự không nợ bạn", được gọi là "kẻ hạ tiện."

Kẻ nào, vì một món đồ nhỏ từ người lữ hành trên đường, đã giết người để cướp, được gọi là "kẻ hạ tiện."

Bất kỳ ai vì của cải của bản thân hoặc của người khác, hoặc vì lợi ích tài sản, khi bị chất vấn về điều này, đã nói dối, được gọi là "kẻ hạ tiện."

Bất kỳ ai "được nhìn thấy" với vợ của người khác, của họ hàng và của bạn hữu, những người đồng thuận hay cưỡng ép, được gọi là "kẻ hạ tiện."

Bất kỳ ai đối với mẹ hoặc cha của họ đã qua tuổi trẻ và đã đến tuổi già, mặc dù giàu có, nhưng không hỗ trợ cha mẹ, được gọi là "kẻ hạ tiện."

Bất kỳ ai tấn công hoặc thốt ra lời căm ghét đối với mẹ, cha, anh em trai, chị em gái hoặc mẹ của người hôn phối, được gọi là "kẻ hạ tiện."

Người được yêu cầu cho lời khuyên tốt nhưng

ĐỊNH LỰC

*Ngồi đây định lực hao mòn
Ra vào thấp thoáng tựa hồn quỳ ma
Ngồi đây lẩn bóng dương tà
Ngộ đêm tóc trắng mù sa tuổi đời*

*Qua đường lánh một niềm vui
Từng khung kỷ niệm buốt trời xưa đi
Ngồi đây lạnh buổi phân kỳ
Vẫn hồn thiếp mộng hồi qui bến nào*

*Nghe buồn vỡ ngọc trầm châu
Hoa vàng mấy thuở nhàn trao lại người
Ngồi đây hằng một môi cười
Cũng đành vẩn lẹ sầu ngời một mình.*

THIÊN SỬ

*Lên đời sương ướt cỏ vàng
Hồi chuông phá tịch vỡ ngàn thông xanh
Bồng nhiên trời đất trao tình
Con chim ẩn sắc trên cành hư vô
Nhìn nhau khe suối hững hờ
Đêm qua vũ nguyệt dưới bờ trúc hiên
Về thôi một cõi ba miền
Môi đời đã nhạt màu thiên sử buồn.*

thơ

HOÀNG XUÂN SƠN

lại trả lời bằng cách đưa ra lời khuyên xấu, rồi đưa ra lời khuyên với mục đích ẩn giấu, được gọi là "kẻ hạ tiện."

Bất kỳ ai trù ẻo nghiệp xấu cho người khác mà họ có thể không biết, rồi che giấu những hành động xấu này, được gọi là "kẻ hạ tiện."

Ai đến nhà người khác, được tiếp đãi tử tế, rồi không tôn trọng lại người kia, thì được gọi là "kẻ hạ tiện."

Bất kỳ ai, Bà la môn, Sa môn, hoặc thậm chí những người nghèo khổ đi ăn xin, lừa dối họ bằng lời nói dối trá, được gọi là "kẻ hạ tiện."

Bất kỳ ai khi đến giờ ăn, chửi mắng các Bà la môn, Sa môn và sau đó không cúng cho họ thứ gì, thì được gọi là "kẻ hạ tiện."

Bị che phủ, bị si mê, người bói toán những điều không đúng sự thật mong muốn ngay cả vì chút lợi ích nhỏ, thì được gọi là "kẻ hạ tiện."

Bất kỳ ai tự đề cao mình trong khi coi thường người khác, mặc dù thấp kém, do lòng tự phụ, thì được gọi là "kẻ hạ tiện."

Cũng khiêu khích và ích kỷ, có những ham muốn xấu xa, keo kiệt, xảo quyệt, vô liêm sỉ, không hồi hận, thì được gọi là "kẻ hạ tiện."

Bất kỳ ai xúc phạm Đức Phật, sỉ nhục các đệ tử của Ngài, dù là người xuất gia hay tại gia, thì được gọi là "kẻ hạ tiện."

Người nào, mặc dù không phải là A-la-hán, nhưng lại giả vờ là A la hán. Trong thế giới với các vị thần, kẻ gian đó thực sự là kẻ hạ tiện nhất. Những kẻ đó được gọi là hạ tiện. Ta đã giải thích cho các người.

Không ai là kẻ hạ tiện từ khi sinh ra, cũng không phải là Bà la môn từ khi sinh ra. Họ là kẻ hạ tiện bởi những hành động của họ, và là Bà la môn bởi những hành động của họ."(hết trích dịch)

Đó là lời Đức Phật dạy. Không phải vì họ khác màu da với mình, cũng không phải vì họ nghèo hơn, học kém hơn, và làm việc nặng nhọc hơn mà mình có quyền khởi tâm coi thường họ. Hãy nhớ rằng, nếu không có di dân, chúng ta sẽ không gặp Đạo Phật như hiện nay.

Và hãy nhớ rằng, Đức Đạt Lai Lạt Ma và Thầy Nhất Hạnh là hai vị trong các Phật tử di dân nổi tiếng nhất trong thế kỷ 20 và 21 của chúng ta. Hãy nghĩ xem, thế giới sẽ ra sao nếu không có di dân.

THAM KHẢO:

- . Racism and the first white monk:
<https://discourse.suttacentral.net/t/racism-and-the-first-white-monk/2920>
- . Kinh SN 21.11, bản dịch Thầy Minh Châu:
https://suttacentral.net/sn21.11/vi/minh_chau
- . Trưởng Lão Tăng Kệ Thag 10.3. Bản dịch Bhikkhu Indacanda:
<https://suttacentral.net/thag10.3/vi/indacanda>
- . Kinh Snp 1.7. Who is the Outcaste? / The Lowlife
<https://suttacentral.net/snp1.7/en/mills>
<https://suttacentral.net/snp1.7/en/sujato>

BỐ CỤC TỨ NIỆM XỨ

Thích Tâm Hạnh

Lớp học của chúng ta là một lớp học, không phải là các buổi giảng pháp hay thuyết pháp nơi những hội trường rộng mở.

Trong một lớp học, tất cả các học viên PHẢI TỰ HỌC và TƯƠNG TÁC bài học với thầy dạy trên cơ sở sư phạm.

Trong các lớp dạy Phật học ở VN, chúng tôi đã áp dụng phương pháp:

1/ Cung cấp tài liệu học cho các học viên trước tuần lễ sẽ học.

2/ Nhận được tài liệu, học viên tự đọc kỹ, nghiên cứu, ghi ra các câu hỏi chưa hiểu.

Các câu hỏi có ba phần: ý nghĩa nội hàm connotation từng chữ, từng câu; ý nghĩa câu văn kinh trong thực tế; cách áp dụng trong thực tế.

3/ Đến buổi học, các học viên đưa ra các câu hỏi. Qua các câu hỏi, chúng tôi kiểm tra (dò bài) các học viên và tương tác giải thích.

Nếu học viên nào không hỏi vì nghĩ "đã hiểu hết" hay "giấu dốt" hay thụ động thì chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hiểu biết của họ.

Thiết nghĩ những học viên dạng này nên nghỉ học, tìm thầy khác, lớp khác học. Lớp học chúng ta không đón nhận những dạng học viên này.

4/ Giới thiệu qua bài mới sẽ tương tác thảo luận trong buổi học sau.

Để có thể học vào kinh văn kinh Niệm xứ với ba bước: Hiểu đúng nội dung câu kinh văn; nhận ra ý nghĩa đó trong thực tế; bằng cách nào thực hành trong sinh hoạt không cần hình thức, các học viên cần làm quen, hiểu đúng các thuật ngữ Phật học trong kinh Niệm xứ (đây là bức rào cản lớn nhất ngăn chúng ta không hiểu kinh văn) và bố cục của bài kinh.

Các thuật ngữ trong bố cục kinh Niệm xứ:

Đại ý chung Kinh Niệm xứ

Bằng vipassanà, ghi nhận, quan sát thân, thọ, tâm, pháp ĐANG LÀ nhận ra chân đế hữu vi 5 uẩn đang vận hành theo 3 trạng thái vô thường, khổ, vô

ngã. Khi nhận ra chân đế 5 uẩn đang vận hành thì thân kiến với ảo tưởng là ta, của ta, tự ngã của ta hình thành trên 5 THỦ uẩn được xây dựng từ 4 thủ tự động bị vô hiệu hóa. Ví dụ, khi nhận ra vàng thật thì không bị vàng giả lừa gạt.

Điều kiện thực hành Tứ niệm xứ

Tối thiểu giữ 5 học xứ (năm giới) làm cơ sở đưa đến chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Niệm thân, thọ, tâm là căn cứ trên nhận thức thông thường, bằng vipassanà, ghi nhận quan sát chúng trên thân, thọ, tâm để nhận ra 4 uẩn chân đế.

- Niệm thân nhận ra sắc uẩn
- Niệm thọ nhận ra thọ uẩn
- Niệm tâm nhận ra hành uẩn và thức uẩn
- Niệm pháp là căn cứ 5 giáo pháp của đức Phật đã giác ngộ và giảng dạy, từ sự vận hành của thân, thọ, tâm, nhận ra tướng uẩn và cả 5 uẩn.

Ghi chú quan trọng: Pháp học chia ra 4 là thân, thọ, tâm, pháp, nhưng PHÁP HÀNH CHỈ CÓ MỘT LÀ VIPASSANÀ. Thế nên, trong sự thực hành Tứ Niệm xứ bằng Vipassanà KHÔNG THỂ PHÂN CHIA CHỈ NIỆM THÂN HAY CHỈ NIỆM THỌ HAY CHỈ NIỆM TÂM HAY CHỈ NIỆM PHÁP. Chia niệm từng phần riêng thì KHÔNG PHẢI LÀ thực hành vipassanà.

Giải thích từ ngữ

1/ SATI Niệm

Niệm là gì?

Sati là một tâm sở, có nhiều chức năng như ghi nhớ, ghi nhận đúng, tỉnh thức, tập trung trên đối tượng ngay trong hiện tại, không lẫn lộn.

Ghi chú quan trọng: NIỆM tập trung và ghi nhận với cả hai đối tượng là tục đế và chân đế.

Các học viên sẽ được học về CHÂN ĐẾ là đối tượng của Vipassanà. Tục đế là đối tượng của samadha.

Vai trò: NIỆM là thuật ngữ trung tâm trong tu tập



Tứ niệm xứ bằng Vipassanā – yếu tố phát triển thành chánh niệm trong Bát Chánh Đạo (sammā-sati) và trong Thất Giác Chi (sati-sambojjhaṅga).

Ví dụ: "Sati nāma anussati" — Sati có nghĩa là ghi nhận liên tục.

2/ SATIMÀ tùy niệm, đương niệm, đang với niệm (trong kinh văn)

Tính từ hoặc danh từ (chỉ cho người)

Nghĩa là có niệm, tùy niệm

Dùng để mô tả về (người) đang thực hành với niệm.

Ví dụ: "Bhikkhu satimā vihareyya" — Vị Tỳ-kheo luôn sống, an trú với niệm (niệm thanh tịnh).

3/ SATIMATTÀ chỉ có niệm, thuần niệm

Sati + hậu tố -mattā → "chỉ có", "thuần", "mức độ của..."

Thường dùng để nói đến trạng thái chỉ có niệm mà không xen tạp thứ gì khác (như tâm niệm không bị lạc đối tượng, tán loạn...).

Ví dụ: "Satimattāya paṭissato hoti" — Người ấy có mặt với thuần niệm.

4/ SAMMÀ SATI CHÁNH NIỆM

Nhờ tâm sở niệm định hướng hoạt động các chức năng của 6 giác quan, ghi nhận quan sát các đối tượng của chúng là thân, thọ, tâm pháp ĐANG LÀ mà nhận ra 5 uẩn.

Hợp tác với 7 thành tố của Bát Chánh Đạo, nhận ra 3 tướng trạng Vô thường, Khổ, Vô ngã trên 5 uẩn.

Ghi chú quan trọng: Sự ghi nhận, quan sát 3 trạng thái đó trên 5 uẩn MỚI GỌI LÀ CHÁNH NIỆM.

CHÁNH NIỆM, HỢP TÁC CHÁNH TÍNH TẮN CHUYỂN ĐỊNH THÀNH CHÁNH ĐỊNH. CHÁNH ĐỊNH HỢP NHẤT 8 THÀNH TỐ BÁT CHÁNH ĐẠO CHUYỂN CHÁNH KIẾN HỢP THỂ THÀNH SIÊU THỂ NHẬN RA TRỌN VẸN 4 THÁNH ĐẾ.

Chú ý, bản Pāli kinh Niệm xứ và Đại niệm xứ, chỉ có chữ SATI - NIỆM, KHÔNG CÓ CHỮ SAMMÀ SATTI - CHÁNH NIỆM.

NHIỆT TÂM, Pāli: ÀTAPĪ, Anh ngữ: ARDENT (Cháy, nóng rực, nồng nhiệt, hăng hái) là tinh tấn, thiêu đốt phiền não, là sự hoạt động liên tục của 4 chánh căn.

TỈNH GIÁC, Pāli: SAMPAJĀNO, Anh ngữ: CLEARLY COMPREHENDING (hiểu rõ, lĩnh hội, nhận thức thấu đáo, trọn vẹn, bao gồm)

Sự nhận ra, biết rõ bằng tuệ; sự hiểu biết rõ, trọn vẹn những gì đang xảy ra ở thân thọ tâm pháp. Nhận ra hiểu rõ tướng chung, tướng riêng của đối tượng.

VIPASSANĀ

Anh : insight

Viết : minh sát

Chữ vipassanā (Pāli) là một thuật ngữ quan trọng trong Phật giáo nguyên thủy, thường được dịch là "minh sát", "quán sát đặc biệt" hay "tuệ quán". Nó được cấu tạo bởi hai thành phần chính:

1. Vi - (tiếp đầu ngữ)

Đây là một tiếp đầu ngữ trong tiếng Pāli và Sanskrit, có nhiều sắc thái ý nghĩa, nhưng trong ngữ cảnh của vipassanā, nó chủ yếu mang những nghĩa sau:

- Đặc biệt / rõ ràng / sâu sắc: thể hiện sự thấy biết rõ ràng và thấu suốt, không chỉ là cái thấy thông thường.

- Phân biệt / tách biệt: gợi ý việc thấy sự phân biệt của các pháp, thấy rõ bản chất thật của thân - tâm, danh - sắc, sinh - diệt...

- Đôi khi cũng mang nghĩa ngược lại hay vượt khỏi — hàm ý vượt qua cách thấy thông thường.

2. Passanā:

- Có nghĩa là thấy, quan sát, nhận biết.

- Xuất phát từ căn động từ "passati" trong Pāli, nghĩa là "thấy".

→ Vipassanā = Vi + Passanā = Quán sát đặc biệt / Thấy rõ ràng / Tuệ tri

Hiểu đơn giản, vipassanā là cái thấy vượt lên trên cách thấy thông thường, là sự thấy biết NẮM UẨN chân đế, NHẬN RA vô thường (anicca), khổ (dukkha), và vô ngã (anattā) nơi thân và tâm, qua trực nghiệm chứ không phải qua lý thuyết.

CẤU TRÚC VÀ CHỨC NĂNG VIPASSANĀ

Tâm sở niệm SATI + nhận thức PASANĀ của 6 giác quan ĐANG HOẠT ĐỘNG TRÊN ĐỐI TƯỢNG ĐANG LÀ.

PASSANĀ ở đây chính là nhận thức của sáu giác quan (tạm gọi là thức hay tâm hay tâm vương) trên đối tượng ĐANG LÀ. VI ở đây chỉ cho tâm sở niệm (tạm gọi là tâm sở hay tâm lý phụ Pāli: Cetasika, Anh: mental condition). Tâm vương hoạt động trên ba yếu tố: giác quan, đối tượng đang là và chức năng của giác quan đó (thức). Diễn trình nhận thức hay hoạt động của thức hay chức năng hoạt động của giác quan lại tùy thuộc vào sự liên kết, hợp tác của các tâm sở.

Nhận thức của 6 giác quan nếu không có tâm sở sati niệm định hướng thì sẽ hoạt động không tập trung trên đối tượng như trái bí trôi lang thang trên nước. Có tâm sở sati niệm định hướng, khống chế, nhận thức của 6 giác quan sẽ tập trung đến đối tượng đang là như viên đá rơi xuống nước, sẽ đi thẳng đến đáy nước và đứng yên ở đó.

So sánh với "samatha":

Trong khi samatha (thiền chỉ, định) là làm tâm an tịnh, thì vipassanā là để thấy rõ sự thật tối hậu của các pháp (tuệ tri), dẫn đến giải thoát.

CON ĐƯỜNG DUY NHẤT: Ekàyaṇo... maggo.

Kinh văn

Pàli: "Ekàyaṇo ayam, bhikkhave, maggo"

Ekà: chỉ, duy, trực tiếp,

Yano, yanà: xe cộ, đường xe chạy, sự lưu thông, phương tiện (vehicle, a path, means), thừa (như Đại thừa, Nhất thừa)

Ekàyaṇa: the only way or means (con đường hay phương tiện trực tiếp)

Ayam: chỉ đây là (just this)

Bhikkhave, bhikkhu: tỳ khưu

Maggo: con đường, đạo

English: "Bhikkhus, this is the direct path"

Hán: 諸比丘，於此，此有一道 _ Chư tỳ khưu, ư thử, thử hữu nhất đạo. (đạo, thừa, pháp)

Việt: "Các tỳ khưu, đây là con đường duy nhất."

Thế nào là con đường duy nhất?

1/ Trực tiếp, không ngã rẽ, thẳng đến thấy pháp, 5 uẩn, ba tướng Vô thường, Khổ, Vô ngã.

2/ Con đường mà hành giả phải đi một mình, đơn độc, tự mình đi, không tập thể, không làm chung, không đám đông, không đi thay nhau, không thể đi bằng tín ngưỡng, cầu nguyện hay hình thức tôn giáo.

3/ Con đường mà chỉ có Đức Phật Chánh đẳng giác tìm ra và giảng dạy.

4/ Con đường trực tiếp thấy 5 uẩn, thành tựu 8 chánh đạo, không còn sầu bi khổ ưu não, chứng đắc Niết bàn, vượt qua luân hồi sinh tử.

NIỆM THÂN

KÀYAṆUPASSANÀ SATIPATTHÀNA

Kinh văn

Pàli: ...kàye kàyaṇupassī viharati... (ātāpi sampajāno SATIMĀ vineyya loke abhijjhādomanassam)

Anh: ...abides contemplating the body as a body... (ardent, fully aware, and mindful, having put away covetousness and grief)

Hán: 於身隨觀身... ư thân tùy quán thân (nhiệt tâm nhi chú ý, thậm thâm trì niệm, ư thể gian trừ khư tham ưu.)

Việt: ... sống quán thân trên thân, tinh cần, tỉnh giác, hệ (tùy) niệm, để chế ngự tham ưu ở đời.

Trong phần niệm THÂN, chúng ta cần phải hiểu đúng chữ thân pàli: kàya, TÙY THEO NGŨ CẢNH của kinh văn.

KÀYA: một đồng, tập hợp, sự gom lại, thân thể, đối tượng thuộc vật lý (Anh: a heap, a collection, the body, physical object). Trong ngũ cảnh của phần niệm thân, chữ "thân" có khi chỉ cho "cả hơi thở vật lý" chứ không phải thân thể.

Trong phần niệm thân có 14 đề tài:

- Hơi thở 1

Trong phần niệm hơi thở, CẦN PHẢI HIỂU ĐÚNG các từ ngữ sau theo ngũ cảnh của kinh văn. Nếu hiểu không đúng thì KHÔNG THỂ THỰC HÀNH.

Hơi thở ngắn, dài, thân hành, cảm giác thân hành, an tịnh thân hành, vị ấy học.

1/ ...khi thở ngắn... biết thở ngắn... Khi thở dài... biết thở dài...

Chúng ta thường hiểu là ngắn dài theo thời gian

và độ dài ngắn của không gian.

Trong Pāli, chữ "dīgham" (dài) và "rassam" (ngắn).

Về mặt ngôn ngữ học, Pāli Dīgha/rassa có thể bao gồm cả thời gian và không gian. Không nhất thiết phân biệt rạch ròi.

Về mặt hành trì thực tế cảm nhận của hành giả là tổng thể: một hơi thở có thể được cảm thấy dài hơn vì nó nhẹ nên kéo dài trong thời gian, hay ngắn hơn vì nó mạnh, gấp nên quãng chuyển động rõ nét hơn.

Tâm điểm trong Anapanasati Không phải là đo chiều dài hay thời gian, mà là "pajānāti" — biết rõ như thật. Đây là pháp hành bằng niệm — tỉnh giác, không đo lường — tưởng tượng.

Theo ví dụ vòng quay tay hình vòng tròn dụng cụ tiện gỗ của người thợ tiện gỗ trong kinh văn, dụng cụ tiện hình vòng tròn không có dài ngắn mà mạnh hay nhẹ. Chúng ta có thể kết hợp câu kinh văn và ví dụ để hiểu trong thực hành, ngắn là hơi thở mạnh, gấp; dài là hơi thở nhẹ. (Chúng tôi sẽ ví dụ sau)

2/ Thân hành

Từ ngữ này đã gây biết bao ngộ nhận cho người học và hành.

Thân hành" (kāyasaṅkhāra) là gì trong ngũ cảnh này?

Trong ngũ cảnh của đoạn kinh văn về quán niệm hơi thở, kāyasaṅkhāra được định nghĩa là hơi thở (in-and-out breathing).

Vì sao? "Saṅkhāra" nghĩa là hành, tức là những hoạt động có điều kiện, sự tạo tác.

"Kāya" là thân hay tập hợp vật lý. Trong văn cảnh này là hơi thở vật lý.

Như vậy, Kāyasaṅkhāra: thân hành có nghĩa là sự hoạt động, vận hành của hơi thở.

(Tham khảo Kinh Tiểu phương quảng 44, Trung bộ)

"Hành (là gì)

— Thưa Ni sư, có bao nhiêu hành?

— Hiền giả, có ba loại hành này: thân hành, khẩu hành, và tâm hành.

— Thưa Ni sư, thế nào là thân hành, thế nào là khẩu hành, thế nào là tâm hành?

— Thở vô, thở ra, Hiền giả Visākha, là thân hành, tầm tứ là khẩu hành, tưởng và thọ là tâm hành.

— Thưa Ni sư, vì sao thở vô thở ra là thân hành, vì sao tầm tứ là khẩu hành, vì sao tưởng và thọ là tâm hành?

— Thở vô, thở ra, Hiền giả Visākha, thuộc về thân, những pháp này lệ thuộc với thân, nên thở vô thở ra thuộc về thân hành. Hiền giả Visākha, trước phải tầm và tứ rồi sau mới phát lời nói, nên tầm tứ thuộc về khẩu hành. Tưởng và thọ và tâm sở, các pháp này lệ thuộc với tâm, nên tưởng và thọ thuộc về tâm hành"

(Bản in lần I, Hữu Minh Tiểu Kinh, trang 301)

Tham khảo thêm ở Visuddhimagga (Thanh tịnh đạo luận) trong đoạn kinh này, THÂN HÀNH chỉ đến sự hoạt động của hơi thở, tức là những chuyển động vi tế của "Bốn đại chủng: địa đại chủng, thủy đại chủng, hỏa đại chủng và phong đại chủng."

Tham khảo kinh Giáo giới La Hầu la đại kinh 62, Trung bộ. "Bạch Thế tôn, niệm hơi thở vô, hơi thở ra

được tu tập thế nào? Làm cho sung mãn...được kết quả lớn, lợi ích lớn?

- Nay La hầu La, ...như thật quán sát địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới với chánh trí tuệ..."

3/ Cảm giác thân hành

Câu Pāli: "Sabbakāyapaṭisaṃvedī assasissāmīti sikkhati"

Các bản dịch thông thường là "Cảm giác toàn thân... tôi sẽ thở vô... thở ra... vị ấy học."

Trong ngữ cảnh này, câu dịch của chúng tôi sẽ là: "Thở vào với sự GHI NHẬN TRỌN VẸN hơi thở. Vị ấy học." Tại sao?

Từ ngữ Paṭisaṃvedī: ghi nhận, CẢM NHẬN chứ KHÔNG PHẢI LÀ CẢM GIÁC.

Động từ gốc: paṭisaṃvedeti

Nghĩa gốc: trực tiếp cảm nhận, ghi nhận, kinh nghiệm, nhận biết bằng thân hoặc tâm.

Không nên hiểu và dịch đơn thuần là "cảm giác" theo kiểu tâm lý học (cảm giác khổ, lạc...), mà nên hiểu là cảm nhận, ghi nhận một cách trực tiếp, có mặt với toàn thể đối tượng ấy.

4/ An tịnh thân hành -- Passambhayaṃ kāyasaṅkhāraṃ assasissāmīti sikkhati.

Câu này thường được dịch: "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô. Vị ấy học."

Với sự giải thích sau, chúng ta có thể hiểu và dịch như sau:

"Ghi nhận, quan sát sự an tịnh, ổn định của sự hoạt động của cả hơi thở, khi thở vào hay thở ra. Vị ấy học."

Chú ý từ ngữ:

Passambhayaṃ: lắng dịu, an tịnh, ổn định...

Trong ngữ cảnh này, chỉ cho sự ổn định, sự lắng dịu của hơi thở CHỈ KHÔNG PHẢI NHỜ THỰC HÀNH NIỆM HƠI THỞ ĐẾN BƯỚC NÀY NÊN TÂM người thực hành LẮNG DỊU, ỔN ĐỊNH MÀ LÀ HƠI THỞ ĐƯỢC ỔN ĐỊNH.

Với Bốn bước niệm hơi thở này, tất cả mọi người đều có thể trải nghiệm được.

Trải nghiệm thực tế

Các bạn xách một bình nước (hay vật gì đó) trọng lượng bằng khả năng của mình, đi chậm từ A đến B, với khoảng cách chừng 40 mét. Khi cảm thấy mệt, các bạn đứng lại, đặt bình nước xuống, tập trung ghi nhận, quan sát hơi thở (niệm). Các sẽ nhận ra 4 giai đoạn,

a/ Hơi thở MẠNH, dồn, gấp... nhưng NGẮN.

b/ Hơi thở NHẸ, yếu, ... nhưng DÀI ra.

c/ GHI NHẬN cả chu kỳ hơi thở hít vào...dừng lại chút...thở ra..

d/ Ghi nhận SỰ ỔN ĐỊNH của hơi thở.

Như thế, có thể tập 4 bước niệm hơi với 3 tư thế ngồi, đứng hay nằm nhưng đứng lâu không được, nằm thì dễ ngủ. Thế nên, Đức Phật giới thiệu tư thế ngồi.

5/ Vị ấy học

Pāli: sikkhati trong ngữ cảnh này, có nghĩa là... đang thành lập niệm trên hơi thở BẰNG CÁCH HỌC THỰC HÀNH NHƯ THỂ NÀY.

- Đi đứng ngồi nằm

- Các sinh hoạt cụ thể, tới lui, mặc y phục, đại

tiểu tiện, làm việc.

- Quan sát thân vật lý gồm 32 phần như bao đựng các loại đậu..

- Quan sát 4 đại chủng

Quán sát 9 loại tử thì 9 cách

Tổng cộng 14 đề tài

Chú ý chữ satima tùy quán (Anh: abode) là tiếp tục, ở lại, kéo dài, vẫn còn.

Như thế, trong 21 đề tài (nếu chi tiết niệm thọ 9 và niệm tâm 16 thì thành 44 đề tài) niệm thân, Đức Phật CHỈ GIỚI THIỆU MỘT TƯ THẾ NGỒI Ở PHẦN NIỆM HƠI THỞ.

Thế thì, Ở ĐÂU RA SỰ MẶC ĐỊNH thực hành Vipassanā là ngồi, tập trung nhau ngồi, cố gắng ngồi cả ngày để thực hành Tứ niệm xứ. Các bạn nên nghiêm khắc nhìn lại mình và những người hướng dẫn tu tập theo cách mặc định vô căn cứ này.

NIỆM THỌ

Vedanānupassanā satipatthāna

Kinh văn

Pāli : "...vedanāsu vedanānupassī viharatint."

Anh: ...abides contemplating feeling as feeling.....

Hán: 於受隨觀受 ư thọ tùy quán thọ

Việt: ... sống quán thọ trên các thọ...

Trong ngữ cảnh này, thọ là các cảm giác phát sinh từ TÂM SỞ XÚC có mặt trên sự hợp nhất 3 thành phần là giác quan, đối tượng và thức, một cách tự nhiên KHÔNG THEO Ý MUỐN HAY Ý CHỈ của chúng ta.

Trong phần niệm thọ, có 9 đề tài xoay quanh 3 thọ: khổ thọ, lạc thọ, xả thọ.

- 3 thọ thuộc thân vật lý

Lạc thọ thuộc thân như cảm giác dễ chịu; thuộc tâm như vui vẻ, hào hứng (hỷ thọ)

Khổ thọ, thuộc thân như đau nhức, ngứa, mỏi; thuộc tâm như khó chịu lo lắng (ưu thọ)

Xả thọ không thuộc 2 thọ trên, thường xuất hiện sau 2 thọ trên.

- 3 thọ thuộc vật chất

Lạc thọ cảm thọ vui mừng dễ chịu liên hệ đến ngũ dục, khi tiếp xúc những gì ưa thích... dục sinh hỷ lạc

Khổ thọ cảm thọ khi không được toại nguyện với 5 dục như mất tiền, chức vụ, nhà cửa...

Xả thọ cảm thọ trung tính giữa hai thọ trên, câu hữu với tâm si (người không tu tập).

- 3 thọ không thuộc vật chất.

Ghi chú: Ba thọ này KHÔNG phát sinh từ tâm sở xúc được kích hoạt từ căn + trần + thức.

Lạc thọ phát sinh khi tu tập, sinh trí tuệ, có định, ly dục sinh hỷ lạc... không từ 6 căn.

Khổ thọ cảm thọ khó chịu không từ 6 căn hay tham dục mà từ sự tu tập chưa chứng muốn chứng.

Xả thọ là cảm thọ khi đắc định, hay đạt tâm xả vô lượng, hay khi tuệ phát sinh khi hành vipassanā.

Tổng cộng 9 loại thọ .

NIỆM TÂM

Cittānupassā satipatthāna

Kinh văn

Pāli: "...cittānupassī viharati..."

Anh: ... abides contemplating mind as mind...

Hán: 於心隨觀心...

Việt: ...sống quán tâm trên tâm...

Phần quán tâm có 16 tâm.

Chỉ học từ tâm 1 đến 8.

Tâm là phản ứng của các tâm sở thuộc hành uẩn và tâm vương thuộc thức uẩn trên thọ uẩn và tưởng uẩn.

Ví dụ: Khi cảm giác khổ, khó chịu phát sinh, ghi nhận, quan sát có tâm sân hay tâm không sân phản ứng trên cảm giác khó chịu ấy.

Tâm tham hay không tham trên lạc thọ.

Tâm si hay không si trên xả thọ. V.v...

QUÁN PHÁP

DHAMMĀNUPASSANĀ

SATIPATTHĀNA

Kinh văn

Pàli: "...dhammesu dhammānupassī viharati"

Anh: ...abides contemplating mind-objects as mind-objects...

Hán: 於法隨觀法 ư pháp tùy quán pháp

Việt: sống quán pháp trên các pháp.

Giải thích: quán hay niệm PHÁP trên PHÁP.

Đức Phật là Bậc Giác ngộ (Buddha là Giác ngộ, Bậc giác ngộ). Như thế, Ngài đã giác ngộ những gì?

Ngài đã giác ngộ ra các pháp:

1/ Chúng sinh bị sầu bi khổ ưu não, gây khổ cho tự thân, gia đình, cộng đồng, xã hội, sinh tử, luân hồi do NĂM TRIỂN CÁI nhưng không biết, không nhận ra.

2/ Sự nhận thức đưa đến an lạc giác ngộ giải thoát hay đau khổ, luân hồi, sinh tử là do năm uẩn hợp tác với bốn thủ thành năm THỦ uẩn. Nhận ra năm uẩn với ba trạng thái vô thường, khổ, vô ngã thì ảo tưởng về cái tôi từ năm thủ uẩn không còn, diễn trình luân hồi bị ngừng lại.

3/ Tất cả loài người đều muốn tìm đáp án cho sự khởi nguyên, hình thành vũ trụ, thế giới theo khái niệm của mình rồi dựng lên Đấng sáng tạo, Thượng đế làm đáp án nhưng thật sự thế giới chỉ là sự hợp tác vận hành theo quy luật vũ trụ - pháp - của sáu giác quan và sáu đối tượng của chúng. Hiểu rõ sự vận hành của sáu giác quan và sáu đối tượng thì hiểu rõ cả thế giới hoạt động theo quy luật của chúng chứ không có Đấng sáng tạo hay Thượng đế nào cả.

4/ Sự giác ngộ giải thoát phải từ sự học, thực hành đúng pháp. Bằng cách gì để biết khả năng của mình đúng hay sai thì Bảy giác chi là bảy yếu tố để kiểm soát, kiểm nghiệm khả năng tu chứng.

5/ Thế giới vận hành theo quy luật nhân quả, hợp thể là Khổ đế và Tập đế, siêu thể là Diệt đế và Đạo đế. Giác ngộ cả bốn sự thật này thì Giải thoát khỏi sinh già bệnh chết, sinh tử luân hồi.

5 phạm trù này là Pháp có sẵn trong vũ trụ, dù Phật có mặt hay không có mặt. Đức Phật giác ngộ 5 phạm trù này nên Ngài giải thoát.

Ngài dạy chúng ta giáo pháp là con đường để

nhận ra 5 pháp này ngay trong đời sống của chúng ta. Con đường Đức Phật dạy để nhận ra pháp là Giáo pháp.



Như thế, Quán PHÁP trên PHÁP có nghĩa là "Quan sát, nhận ra 5 phạm trù của pháp ngay trong thân tâm chúng ta từ sự học và thực hành 5 giáo pháp do Đức Phật dạy. Chữ pháp trước là pháp chân để ngay nơi thân tâm chúng ta. Chữ pháp sau là giáo pháp tục để từ lời dạy của Đức Phật.

Quán pháp có 5 đề tài

Năm triển cái, năm uẩn, sáu nhập, bảy giác chi, bốn thánh đế.

Tuy nhiên, chỉ có khổ đế và tập đế là đối tượng của vipassanā.

Tổng cộng 4 niệm xứ có 21 đề tài. Nếu chi tiết về thọ 9 và tâm 16 thì tất cả có 44 đề tài chính.

Như thế:

- Niệm thân nhận ra sắc uẩn
- Thọ nhận ra thọ uẩn
- Tâm nhận ra hành và thức uẩn
- Pháp nhận ra 5 uẩn và tưởng uẩn
- Niệm thân, thọ, tâm trên thân vật lý và tâm hay năm uẩn, danh sắc.

Niệm pháp căn cứ giáo pháp qua 5 chủ đề, quan sát sự vận hành của nội và ngoại thân, thọ, tâm để nhận ra 5 pháp chân đế.

Như thế, các bạn đã có tấm bản đồ tổng thể về Tứ niệm xứ; đi hay chưa đi là tùy ở hoàn cảnh, nhu cầu của mỗi người nhưng chúng ta đều biết sẽ KHÔNG ĐI LẠC ĐƯỜNG, KHÔNG MẤT THỜI GIAN TẬP TRUNG THỰC HÀNH TỨ NIỆM XỨ BẰNG TƯƠNG TƯỢNG TỪ NHỮNG NGƯỜI HƯỚNG DẪN DO TƯƠNG TƯỢNG, SUY DIỄN, HƯ CẦU.

Nếu xem Tứ niệm xứ là phương tiện xây dựng ngôi nhà để ở thì

1/Bố cục trên là bản vẽ, bản thiết kế phần tổng thể căn nhà.

2/ Kinh văn của kinh Niệm xứ là bản thiết kế chi tiết kết cấu căn nhà.

3/ Từ hai bản thiết kế này, HỢP TÁC CÙNG NGƯỜI HƯỚNG DẪN, nghiên cứu, tìm hiểu, học đúng để hình dung ra căn nhà thật.

4/ Tìm nguyên vật liệu để tiến hành xây dựng theo 2 bản vẽ.

5/ Căn cứ hai bản vẽ tổng thể và chi tiết, VỚI SỰ HIỂU BIẾT ĐÚNG, TỰ MÌNH, Ở ĐÂY VÀ BÂY GIỜ, NGAY TRONG ĐỜI SỐNG, từng bước từng bước KHÔNG GIÁN ĐOẠN, xây dựng căn nhà cho chính mình.

6/ Ngay thân và tâm của các bạn là "trường thiền đích thực nhất, thân thọ tâm pháp là những người bạn đang hợp tác cùng bạn thực hành Vipassanā", không cần đi đâu, tìm ở đâu cả.

7/ Bắt đầu và tiếp tục, tiếp tục bắt đầu, sự thành tựu đang ở đây và bây giờ ngay trong nhận thức sáu giác quan với các đối tượng của chúng bằng Vipassanā.

Từ cú lục bát

“VU LAN THÁNG BẢY”



HÔN MẸ

Trăng tròn muôn thuở thiêng liêng
Lung linh thu cảm, bóng tiên ngọc vàng
Biển thiên tứ tán nẻo đàng
Con về hôn mẹ vô vàn yêu thương.

KHẤY ĐÀN

Lá vàng ngời nhịp đón thu
Hớp từng câu hát mới vừa nỉ non
Kim chi ngọc diệp huy hoàng
Tin yêu tươi sáng ôm đàn khấy lên.

NHỚ BẠN BÈ

Về đây kỷ ức một thời
Rừng xưa thay lá thay lời mùa thu
Một thời để nhớ suy tư
Rượu khan cạn chén gặt gù ngọt cay.

BẮT CHỌT

Một ngày chờ đợi chớm thu
Bình minh ló dạng, sương mù tan bay
Trùng khơi nhớ đất vui vầy
Bạc đầu bắt chốt đen đầy hồi sinh.

HÀN THI SĨ

Vội vàng chi lắm buồn thu
Thức khuya đàn nguyệt sầu xuân âm thâm
Mơ hoa duyên muộn nhớ chẳng
Gái quê bên lữ trắng vàng say thơ.

LỘC CHÙA

Con về thỉnh chút lộc chùa
Thành tâm phụng đạo đón mùa thu trắng
Trà sen nhuận sắc câu văn
Bánh thơm đạo vị nâng vắn thơ bay.

KHÔ VÀNG

Gửi em lá bẽ lá bàng
Những mùa thu cũ khô vàng dấu môi
Tắc kè kêu giữa chơi vơi
Nửa đêm thành phố còn tôi ngồi buồn.

BÙI GIÁNG

Chà và rót hột mưa oan
A tăng kỳ kiếp lá còn lập thu
Luống liên tồn đọng uyên ngu
Hàng hai giốc tuột hoạch trù máu me.

TÌM

Tìm em mấy kiếp luân hồi
Thu xưa lỡ hẹn, đông rồi lạc nhau
Bốn mùa tứ tán bể dâu
Niềm vui đầy cạn, nỗi sầu thiếu dư.

LƯU TRỌNG LƯ

Nửa đêm sức tỉnh băng khuâng
Đây mùa thu tới tiếng thu lá vàng
Nhớ người con gái sông Gianh
Bao la sầu nhớ, sơn nhân dật dờ.

REO & ROI

Nhạc reo từ độ lá vàng
Lá rơi từ độ thu sang mắt buồn
Mắt rơi từ độ sầu buồn
Tranh rơi xuống động giữa tường mờ sinh.

SẮC

Vẽ trăm hình sắc bốn mùa
Hạ lờ hoa phượng, thu lừa lá rơi
Đông tàn ngôn ngữ tả rơi
Suối nguồn xuân ướt cuộc chơi thi đàn.



VĨNH HỮU TÂM KHÔNG



TRI HÀNH HỢP NHẤT

(Phật Pháp Thứ Năm – Bài viết của **Nhóm Áo Lam**)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em (ACE) Áo Lam thương mến,
Hôm nay Nhóm Áo Lam xin gửi đến ACE câu chuyện của 2 vị tỷ kheo đệ tử Phật tu theo hai cách khác nhau.

Thời đức Phật còn tại thế, Ngài có hai người đệ tử thuộc dòng dõi quý tộc kết làm bạn thân với nhau. Một vị thì thông thạo 3 tạng Kinh điển, đọc tụng và giảng dạy giáo lý rất lưu loát. Vị này được làm giáo thọ dạy cho 500 vị tăng. Còn vị kia tuy hiểu rất ít về kinh điển nhưng rất tinh cần theo lời dạy trong Chánh pháp mà tu tập, hành trì, nhờ đó mà chứng được quả vị A la Hán.

Trong một dịp về đánh lễ đức Thế tôn ở chùa Kỳ Viên, họ lại gặp nhau. Vị giáo thọ chưa biết bạn mình đã chứng được quả vị A la hán nên có vẻ xem thường vì nghĩ rằng ông ấy còn chưa thông thạo như mình về kinh điển, chẳng biết được bộ kinh nào trong 5 bộ kinh (1) cũng chẳng biết được một tạng nào trong 3 Tạng. Vì nghĩ như vậy nên vị giáo thọ định nêu ra những câu hỏi về kinh điển để làm cho bạn phải bối rối, xấu hổ.

Lúc ấy, đức Phật đọc được tư tưởng của vị giáo thọ, biết rằng nếu tư tưởng xấu đó mà được thực hiện thì vị giáo thọ thông thái kia sẽ bị tái sanh vào cõi dữ. Với lòng từ bi, ngài ngăn không cho vị giáo thọ đặt câu hỏi mà chính ngài đặt ra những câu hỏi về Thiền định, về Đạo và về Quả. Vị giáo thọ chẳng trả lời nổi vì ông chỉ biết về lý thuyết, mà chưa có kinh nghiệm về tu tập. Còn vị tỷ kheo kia, nhờ thực hành thuần thực, tuân theo Chánh pháp mà hành trì, đã chứng đắc quả vị A la hán nên trả lời rành rẽ các câu hỏi. Đức Phật tán thán vị này và chẳng có một lời ngợi khen nào đối với vị giáo thọ kia.

Chúng Tăng ngạc nhiên vì thấy sao Thầy dạy Pháp của họ lại không được đức Phật khen ngợi nên mới thưa hỏi Đức Phật. Ngài giải thích: vị giáo thọ tuy hiểu biết rất nhiều về giáo lý mà chẳng đem ra thực hành trên thân tâm mình thì cũng tựa như người chăn bò sẵn sóc bò cho chủ để lãnh lương còn những chất ngon của con bò thì chỉ có chủ của đàn bò mới hưởng được (2). Thật vậy, vị giáo thọ chỉ hưởng được sự cung kính, cúng dường của những người học trò của mình. Còn bạn ông, vị A la hán kia mới hưởng được những phước lạc do Đạo và Quả đem đến. Đó là nhờ do công sức chuyên cần hành trì, diệt hết Ba Độc Tham Sân Si, cùng các lậu hoặc, nên Tâm cùng Tuệ đều được giải thoát. Vị này mới thật sự hưởng được những lợi ích do Chánh Pháp mang đến. Rồi Đức Phật nói lên 2 bài kệ mà thi sĩ

Phạm Thiên Thư đã thi hoá như sau:

Dù trì kinh ngàn tạng,

Chẳng tu niệm y lời

Như hải hoa thả trôi

Hoa trôi, ích chi người.

(KPC, kệ # 19)

Kinh tụng như mưa bay

Tâm thể nghiệm chánh pháp

Đời này hay cõi khác

Tự tại giữa vần xoay

(KPC, kệ # 20)

Thưa Anh Chị Em thương mến,

Chúng ta thường được nhắc nhở: học phải đi đôi với hành (tri hành hợp nhất) nghĩa là phải biết áp dụng những lời dạy trong Kinh vào đời sống hằng ngày của mình.

Ví dụ chúng ta học về Tham Sân Si Mạn Nghi... thì trong đời sống, trong sinh hoạt với GDPT, người Huynh trưởng phải nêu gương sáng cho các em, chứ không phải nói một đằng làm một nẻo. Dạy các em loại bỏ Tham Sân Si mà 2 anh Huynh trưởng gây gổ nhau, đập bàn đập ghế hay to tiếng mắng nạt nộ nhau... thì bao nhiêu lời dạy các em "hoà thuận, tin yêu, vui vẻ" sẽ bay theo mây khói - khoan nói chuyện chứng quả A la hán!

Các Anh Chị hay nói đùa "hãy làm theo những lời Anh/Chị nói, đừng làm theo những việc Anh/Chị làm".

Cho nên chúng ta may mắn đứng vào hàng ngũ Huynh trưởng, có cơ hội phải làm tấm gương sáng cho đàn em; chúng ta phải thường tự soi rọi lại mình, tự sửa mình, tự biết áp dụng lời dạy trong Kinh, Luật, Luận để tự hoàn thiện mình, để phục vụ GDPT, phục vụ đàn em thân yêu.

Thương kính chúc ACE một mùa Vu Lan, mùa Hiếu & mùa Hạnh, mùa tri ân và báo ân của người con Phật trần hương Hiếu hạnh & hương Từ Bi.

Trân trọng,

NAL

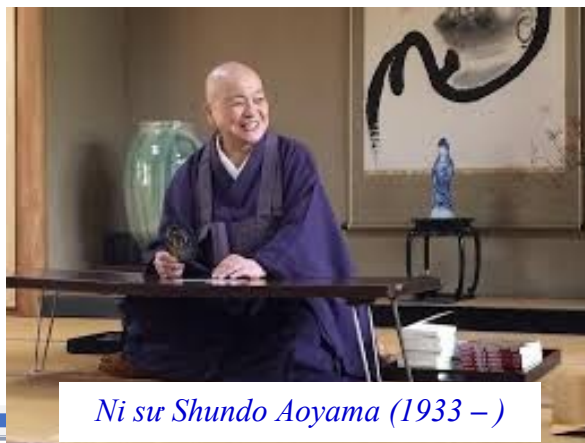
(1) 5 bộ kinh mà vị giáo thọ nói là: 1. Trường bộ kinh, 2. Trung bộ kinh. 3. Tương ưng bộ kinh, 4. Tăng chi bộ kinh. 5. Tiểu bộ kinh.

(2) Con bò cho chủ của nó 5 món ngon: sữa, kem, bơ (butter) sống và chín & phô mai (cheese).

Tình mẫu tử

SHUNDO AOYAMA

Hoang Phong chuyển ngữ



Ni sư Shundo Aoyama (1933 –)

Lời mở đầu của người chuyển ngữ:

Vu Lan là một ngày lễ lớn của Phật giáo, nhắc nhở chúng ta tưởng nhớ đến cha mẹ, nhất là đối với mẹ, một người mang nặng đẻ đau, bồng bế mình, nuôi nấng mình từ thuở bé. Ngoài tình mẫu tử ra thì cũng còn có cả tình phụ tử. Cài lên áo mình một cánh hoa hồng không nhất thiết chỉ là để tưởng nhớ đến công ơn của cha mẹ mà đôi khi còn phải nhìn vào chính mình xem mình có xứng đáng cài lên áo mình cánh hoa hồng ấy hay không.

Thật vậy, không có gì gọi là một chiều cả. Câu chuyện sống thật dưới đây là do một ni sư người Nhật thuật lại. Câu chuyện nêu lên tình mẫu tử và phụ tử theo cả hai chiều, tưởng nhớ đến cha mẹ và đồng thời cũng là để bậc cha mẹ nhìn vào chính mình. Câu chuyện được trích dẫn từ một quyển sách của Ni sư Shundo Aoyama, dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Anh và sau đó từ tiếng Anh sang tiếng Pháp. Bản dịch tiếng Pháp mang tựa là Zen et la vie / Thiền Zen và Sự sống, nhà xuất bản Sully, 2008, dịch giả tiếng Pháp là Bà Martine Haegel-Huck.

Câu chuyện này sau đó lại được tập san Sagesses Bouddhistes / Trí tuệ Phật giáo – số 31, tháng 10 năm 2024 – trích dẫn và đăng tải. Bản

chuyển ngữ tiếng Việt dưới đây về câu chuyện này, trước hết là để gợi lại ý nghĩa của một ngày lễ lớn trong Phật giáo Việt Nam và Trung quốc, đó là ngày lễ Vu Lan, sau đó là để mượn dịp giới thiệu Tập san Sagesses Bouddhistes với người Việt, nhất là những người sinh sống trên đất Pháp. Tập san này có một sáng kiến đáng chú ý. Một phần bài vở được in trên giấy rất trang trọng, một phần khác được đưa lên mạng và chỉ có các độc giả mua dài hạn mới mở ra được. Tập san chính thức này của Tổng hội Phật giáo Pháp giải thích là cách chia hai số bài vở trên đây là cách làm giảm bớt chi phí in ấn, cước phí Bưu điện cũng nhẹ hơn. Ngoài ra và hơn thế nữa thì việc giảm bớt dùng giấy còn mang một ý nghĩa cao quý hơn, đó là cách kính trọng và bảo vệ môi sinh.

Chúng ta hãy trở lại với tác giả của quyển sách Thiền Zen và Sự sống. Bà là ni sư trụ trì của một Thiền viện lớn thuộc học phái Soto (Tào Động) tại Nagoya, chuyên đào tạo các ni sư của học phái này. Bà sinh năm 1933, tạo được nhiều uy tín trên đất Nhật và cả các nước ngoài. Câu chuyện mà bà thuật lại và bình giải liên quan đến một thi sĩ mang tên là Sumita Aoyama. Các biến cố và tình tiết trong câu chuyện đã làm chuyển hướng cả cuộc đời của vị thi sĩ này. Câu chuyện này như sau:

TÌNH MẪU TỬ

SHUNDO AOYAMA

"Dù được sống trong một khung cảnh tiện nghi và đầy đủ, thế nhưng cho đến khi tôi được 30 tuổi, tôi vẫn chưa tìm thấy được một sự an bình nào trong tôi, dù là sự an bình đó thuộc lãnh vực triết học hay tâm linh. Mãi cho đến khi tôi được ba mươi bốn hay ba mươi lăm tuổi, thì khi đó tôi mới thật sự hiểu được là tâm thức của mẹ tôi phản ánh tâm thức của một vị Phật.

Vào thời bấy giờ tôi là một nhân viên của cơ

quan Viễn thông tại Hiroshima, đảm trách việc đào tạo nhân viên cho cơ quan này. Một hôm tôi nhận được một điện tín như sau: 'Mẹ bất tỉnh. Nếu có thể được thì về ngay'. Quả không có một mẩu tin nào đồn đầu hơn, nhất là trong lúc phải sống xa mẹ. Tôi bàn giao công việc cho một vài đồng nghiệp, sau đó thì lên đường, dù trời đã khuya. Hút chuyến xe lửa sau cùng, tôi đành phải hồi hã tìm ra bến cảng, trèo lên một chiếc thuyền đưa

khách. Chuyển đi kéo dài suốt cả đêm. Sáng hôm sau thì tôi cũng về đến cổng của ngôi nhà gia đình. Trong đám cỏ trước sân tôi nhận thấy có các cánh hoa màu đỏ tía, dường như màu hoa tỏa xuống từ các tia sáng của con trăng. Vị bác sĩ già của gia đình bước nhanh ra cửa, có lẽ vì vội vã nên đạp lên cả các cánh hoa bé xíu. Tôi hốt hoảng hỏi ngay vị ấy 'Tình trạng của mẹ tôi thế nào?' Vị ấy cho biết: 'Mẹ anh bị chấn thương ở tim. Tôi cố gắng chăm sóc, thế nhưng mẹ anh vẫn bất tỉnh. Hãy tìm đến với mẹ, nhanh lên!'. Tôi vội tiến đến đầu giường của mẹ, ngồi xuống bên cạnh chiếc gối của mẹ, tôi gọi mẹ và cứ thế mà gọi mẹ. Cha tôi lúc nào cũng ở bên cạnh mẹ, bảo với tôi không nên chạm vào thân thể của mẹ. Thế nhưng tôi vẫn cứ nhích lại thật gần với mẹ, nhìn vào mẹ không rời mắt. Hơi nóng từ thân thể đang lên cơn sốt của mẹ bao phủ cả thân tôi, khiến tôi hồi tưởng lại những lúc vô tình tôi chạm vào người mẹ khiến làm cho mẹ đau. Cứ thế mà tôi ngồi bên mẹ, không nghĩ đến ăn uống hay ngủ nghỉ gì cả, trong lòng chỉ mong sao mẹ mở mắt ra.

Vào đêm hôm sau, khi chiếc đồng hồ vừa gõ đúng chín tiếng thì mẹ tôi tỉnh dậy. Khi trông thấy tôi nằm dài bên cạnh, và trong lúc đó thì vợ tôi cũng đang đi đến, mẹ khe khẽ gọi vợ tôi bằng những tiếng yếu ớt: 'Sao cả hai vai của thằng Sumita... lại để hờ ra như thế này..., con hãy mang thêm... cho nó một chiếc chăn để đắp.' Nghe câu nói ấy, tôi không cầm được nước mắt. Tôi cảm thấy lúng túng vì ý thức được là tôi đang bật khóc như một đứa trẻ con trước mặt tất cả mọi người. Tôi phải úp mặt vào gối để không ai nghe thấy tiếng nấc của tôi.

Trong suốt thời gian mê sảng đó, điều thắc mắc của mọi người là mẹ có qua khỏi được cơn đau tim hay không, có tỉnh lại được sau một cơn bất tỉnh kéo dài như thế hay không, hay là mẹ sẽ chết nhưng không hề tỉnh lại. Thế mà lúc vừa tỉnh lại, thì người phụ nữ ấy, người mẹ của tôi, không hề nghĩ đến căn bệnh của mình, mà mỗi lo âu trước nhất của mẹ là hướng vào con người của tôi đang tràn đầy sức khỏe. Tôi hiểu được chuyện đó khi vụt ý thức được tình thương sâu xa và lòng vị tha của mẹ đối với tôi. Bắt đầu từ lúc đó, cuộc sống không còn là một vấn đề cho tôi nữa. Tôi hiểu được những gì tôi còn phải làm. Nếu tôi không hồi hã đến bên cạnh giường của mẹ, không trải qua cảnh huống đó bên mẹ, thì nhất định tôi



vẫn còn tiếp tục sống, nhưng nào có biết được tình thương của mẹ đối với tôi là như thế nào. Tôi vẫn còn quặn đau trong lòng khi nghĩ đến căn bệnh của mẹ, thế nhưng chính là nhờ đó mà tôi phát hiện được tấm lòng từ bi vô biên của Đức Phật. Tôi rất mãn nguyện khi Đức Phật truyền đạt tâm nguyện của Ngài sang con người tôi qua trung gian của cơn bệnh của mẹ tôi."

[Sau đây là lời bình giải của Ni sư Shunda Aoyama về câu chuyện này]

Vị Aoyama thuật lại với chúng tôi kỷ ức đó về mẹ mình vào năm 1969. Hầu hết trong số hàng trăm người nghe không mấy ai cầm được nước mắt. Tất

cả chúng tôi đều nghĩ đến người mẹ sinh ra mình. Một số hẳn nhiên tự nghĩ rằng mình cũng có một người mẹ xứng đáng tương tự như người mẹ của vị Aoyama. Một số khác thì lại cảm thấy mình quá đê hèn, không đủ sức kính trọng người mẹ của mình. Thật vậy, những người ngồi nghe câu chuyện trên đây thật đa dạng, các kỷ ức về mẹ hiện lên với họ cũng thật đa dạng. Một đứa bé khi mới lọt lòng, thân xác và con tim của nó vẫn còn tinh khiết, thì người đầu tiên mà nó tiếp xúc là mẹ nó. Sau đó thì người gần gũi nhất với nó trên phương diện thân xác, trong suốt giai đoạn lớn khôn sau đó, thì cũng chính là mẹ nó. Có một câu tục ngữ Nhật bản như sau: "Những gì gieo vào lòng một đứa bé lúc ba tuổi sẽ lưu lại trong ký ức nó một trăm năm." Chuyện đó cũng chẳng khác gì như một đứa bé ba tuổi học hỏi được những gì từ mẹ nó. Một người vui sống lớn lên từ một người mẹ hân hoan, một người rụt rè lớn lên từ một người mẹ nhút nhát, một người gắt gỏng lớn lên từ một người mẹ hay nóng giận [...]

Quả là một sự sai lầm khi cho rằng một đứa bé lúc mới lọt lòng không hay biết gì cả. Một lời nói vô tâm của một người mẹ, một cử chỉ hơi hợt trước sự mong chờ của một đứa bé, cũng chẳng khác gì như một vết mực trên một tờ giấy thấm. Mỗi hành động của chúng ta, dù là tốt hay xấu, đều góp phần vào quá trình lớn khôn của một đứa trẻ. Phải nên ghi nhớ điều này, người mẹ phải sống một cuộc sống đáng kính và ý thức. Một đứa bé được nuôi nấng bởi một người mẹ tốt, và nếu là một đứa bé trai, thì khi lớn lên nó sẽ trở thành một người chồng trung hậu, biết chăm lo và yêu thương vợ, và cũng sẽ trở thành một người cha gương mẫu, một người đồng hành xứng đáng với con trai của mình. Nếu là một đứa con gái thì sau này nó sẽ trở thành một người mẹ biết chăm lo

cho con cái, nuôi nấng con cái trong một khung cảnh lạnh mạnh. Đây là cách đánh thức con tim của người mẹ từ thể hệ này sang thể hệ khác. Cuộc sống của một người mẹ không phải chỉ thu hẹp trong khuôn khổ của một kiếp người. Cuộc sống ngắn ngủi đó của người mẹ chỉ là điểm khởi hành của một cuộc sống khác kéo dài hơn trong tương lai vô tận. Theo chiều ngược lại thì cũng vậy, chẳng hạn như một ly nước cáu bẩn rót vào một dòng sông, nước cáu bẩn đó sẽ hòa tan với

biển cả mênh mông. Một người mẹ khi ý thức được điều đó tất sẽ luôn cố gắng biến mình trở thành một người mẹ xứng đáng nhất đối với con mình. Người mẹ ấy biết giữ gìn lời ăn tiếng nói của mình, thái độ hành xử của mình và cả những suy nghĩ trong tâm thức mình.

Bures-Sur-Yvette, 24.07.25
Hoang Phong chuyển ngữ

THƯƠNG LẮM QUÊ NHÀ

*Nắng mềm nhuộm vàng sân gạch
Tiếng gàu khua nước giếng khơi
Tóc mẹ ủ hoài hương bưởi
Năm dài tắm mát hôn tôi.*

*Riu rít trốn sau vòm lá
Góc sân xanh một khoảng trời
Suốt ngày rong chơi đồng bãi
Rạ rơm xao xác bụi ngùi.*

*Lấp lánh trăng sao huyền diệu
Gội đầu thơm bao giấc mơ
Cuối năm mẹ đi chợ tết
Quà quê thấm đậm tuổi thơ.*

*Lời mẹ đi qua dâu bể
Ngọt hơn canh lá mồng tơi
Chim vịt gọi chiều nước lớn
Chuối buồng chín bói thơm hơi.*

*Phát phơ vàng bông điên điển
Khoai vùi bếp lửa tàn tro
Nắng mưa sồn bầu áo cũ
Tiếng gà eo óc ngõ trưa.
Đi môn đầu sông cuối bãi
Quê nhà sương khói chiều trông
Chạp qua giếng non chạm cửa*



NGUYỄN AN BÌNH

Ở ĐÓ...

*Ở đó có đám dây trâu xanh
Quán quít hàng cau hương vòn quanh
Dù dặt đêm hè hoa rụng trắng
Rêu nhớt thềm xưa bước chằng đành.*

*Ở đó chiếc cầu dừa bắc qua
Mưa mùa nắng quai bụi đường xa
Nuôi bao khát vọng thời thơ dại
Đâu hay lòng mẹ tóc sương pha.*

*Ở đó trăng sáng lễ kỳ yên
Vàm sông lau lách nước triều lên
Chèo ghe thấp đuốc xem hát bội
Trống đình rộn rã nhớ hay quên?*

*Ở đó hoa bần rụng tím sông
Rụng bao thương nhớ đến bạc lòng
Đôi khi trời đất buồn vô hạn
Bãi quanh đời người nước mênh mông.*

*Ở đó chuông chùa ngân rất xa
Sân thiền tĩnh lặng thoảng hương trà
Kính cầu sương sớm nghe gân lẩm
Dõi bóng trăng tàn trong gió qua.*



Đêm Qua, Mẹ Nằm Mơ

VĨNH HỮU – TÂM KHÔNG



RebeccasPictures

Đêm qua, Mẹ nằm mơ.

Một giấc mơ đến trong những tháng ngày sức khỏe Mẹ đang suy yếu.

Nhiều đêm rồi giấc ngủ của Mẹ không an vì từng cơn đau nhức lưng hông và hai đầu gối của một phụ nữ nhiều lần mang nặng đẻ đau nay tuổi đã gần trăm năm bách tuế.

Gần một tháng qua, Mẹ không còn tự đi lại, ra vào trong căn phòng nhỏ một cách thoải mái ung dung, mà phải một tay chống gậy, một tay vịn kệ vịn vách, khó khăn nhích từng bước của người già. Mới tuần trước, muốn di chuyển, Mẹ phải nhờ các con dìu đỡ, bồng bế để tránh bớt được những cái đau thốn đau buốt qua những lần cử động. Đôi lúc giữa trưa im ắng, hay đêm hôm khuya khoắc, Mẹ cần đi vệ sinh, dù biết chắc là di chuyển sẽ đau lắm đây, nhưng Mẹ lại không muốn làm phiền con cái, nên tự mình xê dịch, xoay chuyển, chấp nhận nghiến răng bặm môi để đương đầu với cái đau mà vượt qua nó. Hôm sau, con cái có nghe biết được chuyện Mẹ một mình lặng lẽ vượt khó thì mọi sự đã diễn ra và qua mất rồi...

Đêm qua, Mẹ nằm mơ.

Mẹ thấy có một thằng trai trẻ nào đó mặt mày lạ hoắc, dáng bộ không đang hoàng, đột nhập vào nhà, đang đi lại bên ngoài phòng rình mò khảo sát chi đó. Mẹ hết hồn, lo lắng. Mẹ nghĩ ngay đến con gái mình đang ở trong phòng đối diện. Ui chao, nó vô nó hại con gái mình. Nửa đêm nửa hôm như vậy, chắc con nó đang ngủ say không biết trời trăng mây nước chi rồi. Nguy hiểm

quá. Mẹ ngồi dậy. Chụp ngay cây gậy để ở đầu giường, rồi từng bước tiến ra khỏi phòng mình...

Lúc đó là 3 giờ sáng.

Mẹ bước lại đứng ngay bên cửa sổ của phòng con gái, gọi lên:

"Loan. Loan. Loan. Dậy đi con!"

Bên trong phòng, Nhi giật mình ngồi bật dậy. Nhi, người em, nằm phòng đó chứ không phải Loan, người chị.

Nhìn ra cửa sổ, thấy Mẹ đang một tay chống gậy đứng sừng sững đó, Nhi vội bật đèn lên:

"Chuyện chi vậy Mẹ?"

"Mẹ thấy có cái thằng nào lạ mặt nó vô đây tính hại con Loan..."

Nhi vội chạy ra khỏi phòng, dìu Mẹ vào lại phòng, nói cho Mẹ biết là Mẹ vừa nằm mơ, chứ không có ai vô nhà hết. Mẹ lên nằm lại chỗ của mình, rồi ngủ lại, không còn mơ gì nữa.

Đến sáng, Loan vào phòng chăm sóc Mẹ, Mẹ kể lại cho nghe câu chuyện giấc mơ hồi khuya. Nhi cũng thuật lại cho Loan nghe chuyện nửa đêm về sáng Mẹ đứng bên ngoài cửa sổ.

Loan vô cùng cảm động, và đặt ra một câu hỏi vốn đã có sẵn câu trả lời rồi:

"Sức đâu mà Mẹ tự xuống khỏi giường, không cần ai dìu ai đỡ, chống gậy bước ra khỏi phòng, sẵn sàng đối đầu với một kẻ trộm trai tráng khỏe mạnh để bảo vệ cho con gái mình?"

"Lòng mẹ!"

TRÒ VUI GIẢ DỐI

Nghe chàng nhạc sĩ trữ danh
Vua bèn triệu đến kinh thành ngày mai
Mời chàng trình tấu phô tài
Nhà vua hứa hẹn nghe rồi trả công
Tiền vàng đủ một nghìn đồng,
Anh chàng nghệ sĩ vui lòng chịu ngay.
Sau khi trình tấu tuyệt hay
Nhà vua không trả chàng này chút chi
Chàng đòi mãi chẳng được gì
Lại nghe vua nói: “Nhạc thì tuyệt luân
Người trình diễn hay vô ngần
Nhưng trò vui đó muôn phần giả thôi
Toàn gian dối, chỉ nhất thời
Nên vàng ta hứa trả người khác gì
Cho người nghe tạm vui đi
Niềm vui cũng dối có chi thật nào.”

*

*Truyện này thí dụ giống sao
Cái vui nhân thế ồn ào ngợi khen
Ngẫm ra giả dối vô biên
Cuộc đời sinh diệt biến thiên không ngừng
Chỉ là huyễn hoá, vô thường
Như là chiếc bóng trong gương hiện hình,
Như trăng dưới nước lung linh
Làm sao tìm được thật tình an vui
Chân thường vĩnh viễn ở đời?
Đó là đạo lý sáng ngời nêu gương
Ai không hiểu được tận tường
Tự sinh phiền não đáng thương vô cùng!*

*

TÂM MINH NGÔ TÀNG GIAO

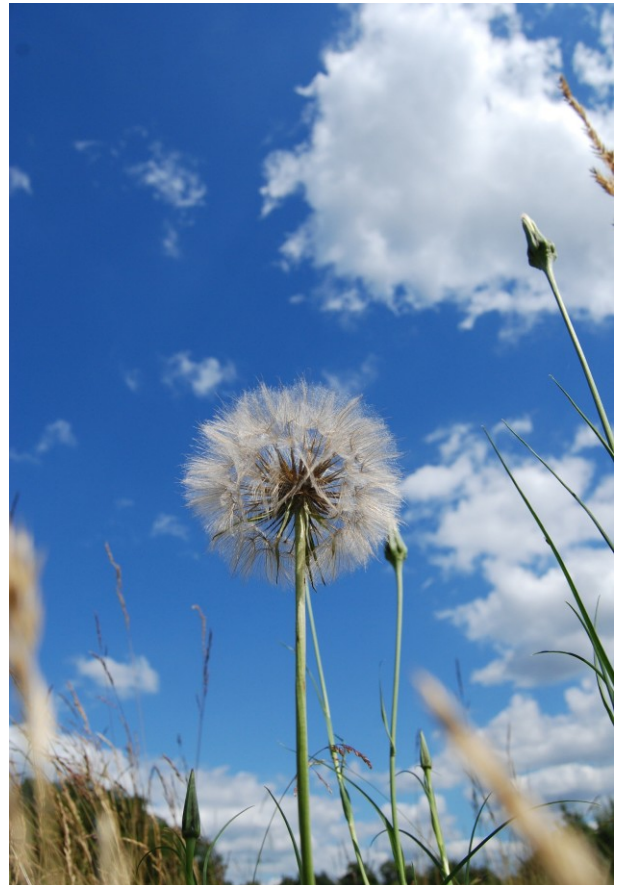
(Thi hóa phỏng theo Kinh Bách Dụ)
(Trích dẫn trong “SAKYAMUNI’S ONE
HUNDRED FABLES” do Tetcheng Liao dịch).

THE MUSICIAN

Once a musician played in the presence of the king who had promised him a thousand coins. Later, he asked the king for the money. The king refused to give it to him and said, "The music you played doesn't make me merry for a long time. Therefore, the money that I intent to give you is also to please you just for a while."

So is the wordy retribution.

While there is little pleasure in human lives and in Heaven, there is also little substance in them. Owing to impermanence and destruction, the pleasure does not last for long just like the music giving only a transient rejoicing.



Stevebidmead

Khoảnh Khắc Vu Lan

TIỂU LỤC THẦN PHONG



Tháng Bảy lại về nhưng phương ngoại vẫn còn tiết Hạ. Tuy vậy các chùa đã chuẩn bị cho mùa Vu Lan báo hiếu, việc này đã trở thành thông lệ, thành tập tục bao nhiêu năm nay.

Rằm Vu Lan, những người con Việt lòng nao nao lên chùa lễ Phật, nghĩ tưởng đến công đức sinh thành dưỡng dục của cha mẹ hiện tiền cũng như nhớ đến ông bà tổ tiên quá vãng. Hiếu là truyền thống, là đạo lý của người Việt, không cứ là Phật tử mới hiếu, mọi người dù khác đức tin hay không có đức tin cũng đều hiếu cả. Tuy nhiên trong nhà Phật thì chữ Hiếu được xem như nền tảng của con người, được cụ thể hóa thành hành động, được cắt nghĩa sâu xa và phát triển đến rất ráo.

Chữ Hiếu trong Nho giáo nhiều khi rất cực đoan vì gắn liền với chủ thuyết trung quân ái quốc (quân xử thần tử/thần bất tử bất trung/phụ xử tử vong/tử bất vong bất hiếu), hoặc tư tưởng trọng nam khinh nữ (bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại)... Hiếu kiểu này là ngu hiếu, mê mờ hiếu, nhắm mắt vâng lời theo sự sai trái, sự thế tai hại để rồi gây ra hậu quả hại người hại mình thì chẳng thể gọi là hiếu được.

Chữ Hiếu của dân gian và người đời thì trong vòng thương yêu, chăm sóc, cung cấp thực phẩm và thuốc thang khi đau bệnh, chôn cất khi qua đời... việc ấy cũng là lẽ đương nhiên.

Chữ Hiếu trong nhà Phật không chỉ nhiều đó mà còn hơn thế nữa, không chỉ chăm lo phần thân xác mà còn tính đến tinh thần và chuyện dài lâu cho mai sau. Nếu cha mẹ vướng vào việc sát – đạo – dâm – vọng – tửu thì tìm cách khuyên giải, hóa giải, dẫn dụ cha mẹ ra khỏi đường ác, không thỏa hiệp với cái ác. Nếu cha mẹ chưa có tín tâm Tam Bảo thì tạo phương tiện để cha mẹ khởi phát tín tâm, kiên cố tín tâm. Điều này rất quan trọng, nếu yêu thương cha mẹ mà chỉ lo việc ăn uống thuốc thang thì mới được mỗi việc hiện tiền. Việc khởi phát tín tâm, quy y Tam Bảo, làm việc thiện là chăm lo cho đời sau, kiếp mai hậu. Quy y Phật không đoạ địa ngục, quy y pháp không đoạ ngạ quỷ, quy y Tăng không đoạ súc sanh. Dĩ nhiên là không phải quy y xong là không đoạ, quy y xong cần phải thực hành, hành động ngay trong thực tế: Tụng kinh, ngồi thiền, sám hối, giữ giới, bố thí, phóng sanh... Người Phật tử giữ được năm giới thì tái sanh làm người, giữ được mười giới thì sanh

thiên... Chữ Hiếu trong nhà Phật sâu rộng là vậy. Hiếu để thương yêu cha mẹ không chỉ đời này mà còn vì đời sau, đời sau nữa.

Lễ Vu Lan là lễ hội Báo Hiếu, thực hành hạnh Hiếu, đề cao chữ Hiếu. Lễ Vu Lan kết hợp với truyền thống Bắc tông và văn hóa bản địa nên có hình thức xá tội vong nhân, mở cửa địa ngục, phá huyết đồ... đó là phương tiện dẫn dắt và dần dà ăn sâu vào tâm thức mọi người, trở thành niềm tin của quần chúng. Với Phật giáo Bắc tông thì lễ Vu Lan cũng quan trọng như lễ khánh đản, tất cả các chùa đều long trọng tổ chức. Ngay cả tín ngưỡng dân gian và các đình, miếu, am, miếu... thờ đức tin dân gian cũng tổ chức lễ Vu Lan ngày rằm tháng Bảy.

Rằm tháng Bảy, những người con Phật lại về chùa, đưa ông bà cha mẹ về chùa để gieo chủng tử tin Phật, tin Pháp, tin Tăng. Nếu trong nước thì việc này dễ dàng và cũng là nếp sống bao đời nay. Hải ngoại thì lại khác, hoàn cảnh quốc độ và môi trường sống khác biệt, tập tục văn hóa khác xa... nên mình cũng phải nhập gia tùy tục. Người Việt ra đi mang theo di sản văn hóa tinh thần, đức tin nhưng phải tùy thuận theo điều kiện sống của địa phương mình. Bởi vậy mà không thể tổ chức lễ Vu Lan vào ngày rằm mà chỉ có thể tổ chức vào ngày cuối tuần. Không chỉ lễ Vu Lan mà tất cả các ngày lễ khác cũng đều như thế. Ngày lễ Vu Lan đã biến thành mùa Vu Lan, mùa lễ kéo dài cả tháng hoặc hơn nữa. Không ai bảo ai, không ước hẹn nhưng các chùa tự chọn một ngày cuối tuần thích hợp để tổ chức lễ sao cho tránh trùng hợp với các chùa trong vùng. Điều này tạo điều kiện cho Phật tử và đồng bào đồng hương nếu không đi được chùa này thì đi chùa khác hoặc là đi nhiều chùa hơn.

Tháng Bảy phương ngoại trời trong xanh đầy nắng gió, cờ Phật giáo nằm màu tung bay phất phới đẹp làm sao. Những ngôi chùa Việt trên vùng đất mới góp thêm một nét văn hóa vào cái xứ sở đa văn hóa, đa chủng tộc này! Người Việt sống ở đây nhưng vẫn giữ vững bản sắc văn hóa và đức tin của mình. Lễ Vu Lan cũng là một biểu hiện cụ thể đây. Tuy nhiên với thế hệ trẻ F2, F3 thì lại khác. Các em sinh ra, lớn lên và học hành ở đây thì cái văn hóa và thẩm mỹ ở các em là sản phẩm phương Tây, còn cái văn hóa và đức tin truyền thống còn được bao nhiêu là phụ thuộc vào nền nếp gia đình, lối sống của cha mẹ. Bởi vậy mà sự

hành hoạt của cha mẹ tác động và ảnh hưởng mạnh đến các em. Các tổ chức Gia đình Phật tử, các lớp tiếng Việt ở chùa... cũng tác động tích cực đến việc duy trì, gìn giữ và phát huy chữ Hiếu.

Ngày Chủ Nhật về chùa trải hội Vu Lan, nhìn thấy tấm gương hiếu của ngài Mục Kiền Liên mà thấy thương cha mẹ vô cùng. Lại nghĩ đến đức bốn sư Thích Ca Mâu Ni. Ngài là bậc thầy của cả trời người nhưng ngài cũng là người con chí hiếu, tận hiếu. Ngài độ cha mẹ, độ cả trời người, phi nhân, tứ sanh... Trong tam thiên địa thiên thế giới này ngài là bậc hiếu trọn vẹn nhất.

Nhà Nho và những người cận cớ cứ phê phán đi tu là bỏ cha mẹ, là bất hiếu. Nếu năm xưa ngài cứ theo thói thường không đồng mãnh cắt ái từ thân, ly gia đoạn dục thì làm sao giác ngộ, làm sao khai phá được con đường sáng, làm sao báo hiếu độ cha mẹ. Nếu năm xưa ngài cứ quanh quẩn ở nhà lo cơm nước thuốc thang thì làm sao thoát sanh tử luân hồi, rồi bản thân, vợ con, cha mẹ cũng quanh quẩn mãi trong vòng sanh tử. Nhờ ngài dũng lược xuất gia, tinh tấn tu hành mà tự độ được thân, độ được cha mẹ, vợ con, độ cả chúng sanh (độ tha) đây mới chính là đại hiếu, trọn vẹn hiếu. Cái hiếu của ngài là cái hiếu của bậc giác ngộ, cái hiếu hy hữu trong ba ngàn thế giới.

Mùa Hạ năm nay nóng như đổ lửa, cả thế giới nóng bất thường, nhiều dị tượng bất thường. Cả một dân tộc Palestine bị giam hãm và bỏ đói. Cuộc chiến tàn bạo và phi nghĩa do bạo chúa Sa Hoàng đỏ gây ra chết chóc và tàn phá kinh khủng cho đất nước và con người Ukraine. Những cuộc thanh trừng sắc tộc ở châu Phi vẫn hết sức thảm thương. Ngay cả những quốc gia Phật giáo như Myanmar cũng thanh trừng sắc tộc dã man, những kẻ mang danh Phật tử nhưng lại đi đốt nhà, giết chóc, hãm hiếp người thiểu số Rohingya. Những quốc gia Phật giáo như Campuchia, Thái Lan... vẫn thù hận, tham lam và luôn bất ổn. Ngay cả nước Mỹ, một quốc gia giàu có, tự do, dân chủ mà giờ cũng có nguy cơ biến thành độc tài, phi pháp quyền, loạn động... dưới sự điều hành của những người tự cho

mình là thượng đẳng. Họ đang phá bỏ mọi giá trị tự do, dân chủ, nhân quyền, pháp quyền... mấy trăm năm gầy dựng. Thế giới này quả là nhà lửa, lửa đã cháy, đang cháy và sẽ cháy. Chúng sanh sống trong khổ đau, bất an và sợ hãi. Các tôn giáo hữu thần thì cho đó là sự trừng phạt của thượng đế hay thần linh nhưng Phật giáo thì nhìn nhận đó là sự biến hoại vô thường, là cộng nghiệp của tất cả những người trong cuộc. Trong Phật giáo không có chuyện trừng phạt hay ban thưởng. Mọi người tự chịu lấy trách nhiệm đời mình, nghiệp không phải là số phận, nghiệp là kết quả của hành vi, lời nói và suy nghĩ. Nghiệp có thể chuyển từ xấu thành tốt và từ tốt thành xấu. Ông bà, cha mẹ, con cháu có nghiệp duyên với nhau không chỉ đời này mà còn nhiều đời trong quá khứ và tương lai (nếu vẫn chưa thoát khỏi sanh tử luân hồi).

Người học Phật thọ tam quy ngũ giới, tụng kinh, ngồi thiền, sám hối, phóng sanh, bố thí... đều là cách chuyển nghiệp. Tham gia Hiếu hội Vu Lan cũng là một cách chuyển nghiệp. Minh lễ Phật trọng tăng, thỉnh pháp, hiếu

kính cha mẹ cũng chính là "hiếu" với tương lai của chính mình.

Thành Ất Lăng vào mùa Hiếu hội, các chùa trang hoàng cờ hoa rực rỡ, hương đăng sáng ngời, những tà áo dài thời trang cùng với áo lam tung tăng trong vườn chùa. Trẻ, già, trai, gái hoan hỷ ngày hội hiếu dù là cài hoa trắng hay hoa đỏ. Tháng năm tuy dài, đời bận rộn mưu sinh, thân tâm loạn động trong ngũ dục lục trần... nhưng chỉ ít trong khoảnh khắc Vu Lan Hiếu hội này mọi người tịnh tâm hướng về Phật, Bồ Tát; nghĩ tưởng đến ông bà, cha mẹ... Khoảnh khắc này lan tỏa trong đất trời hòa với sóng âm thanh tịnh của tất cả các chùa từ quốc nội đến hải ngoại. Khoảnh khắc này chính là khoảnh khắc hóa hóa hồng liên. Khoảnh khắc chuyển nghiệp. Khoảnh khắc mở cửa địa ngục (tâm địa) thoát khỏi u đồ.

Tiểu Lục Thần Phong
Ất Lăng thành, 0825

Thơ TN. HUỆ TRẦN



TRỞ VỀ BẰNG SỰ RA ĐI

Trở về bằng sự ra đi
Đi không điểm tới, có chi bận lòng!
Không tới,
Nên không điểm dừng
Không dừng,
Nào lỗi hẹn cùng ai đâu!
Đúng, sai, xuôi, ngược, lâu, mau...
Chỉ là nét thảo bên cầu sông mê
Ra đi,
Bằng sự trở về
Tâm-Không-Bát-Nhã nào hề rời xa
Từng bước,
Ta lại gặp ta

(Huân Tu Kiết Hạ, Phật Tổ Tự -
Hạ chí, Ất Ty niên)

TRÚC BIẾC, HOA VÀNG

“Pháp thân như trúc biếc
Bát Nhã tựa hoa vàng” (*)
Chuông chùa xưa hòa quyện
Đồng ngân vang

Người xòe tay, tay trắng
Bình bát, củ khoai lang
Cúng dường Xá Lợi Phất
Công đức ba ngàn thế giới,
Hồi hương Vu Lan

Nương hạnh Tôn Giả Mục Kiền Liên
Sanh thành dưỡng dục, khôn đáp đền
Đêm rằm Tháng Bảy, Vu Lan tụng
Đóa hồng hé nở
Vàng trắng đang lên...

Cha như núi, Mẹ như sông
Núi cao dựng vách, xanh phần thông
Sông chảy menh mang, giòng sữa ngọt
Một trời hư không

Con xuống tóc, tìm Mẹ Cha
Sợi vương cửa động,
San hà lung lay
Rừng chiều, một cánh chim bay
Chợt nghe gió thoảng,
Hương say hoa rừng.

Con về, ngủ dưới gốc thông
Trong mơ hể nụ đóa hồng Vu Lan.

(Tào-Khê tịnh thất – Tụng Kinh Vu Lan)

(*) Thanh thanh tú trúc
Tận thị Pháp thân
Uất uất hoàng hoa
Vô phi Bát Nhã.

Má Oi!

THANH NGUYỄN

Trong tôi vang vọng tiếng kêu “Má ơi!” của một đứa trẻ lên ba. Thật sự tôi cũng mãi là một đứa trẻ của má. Tôi vẫn là một đứa trẻ chưa hề lớn bao giờ, dù cho tuổi đời đã chồng chất đến bạc đầu.

Má hồn nhiên nói: “Đã làm xét nghiệm đủ loại, nội soi, chụp X-ray, chụp CT cắt lớp... mà bác sĩ vẫn không tìm ra bệnh”. Tôi quay mặt đi để giấu nước mắt, đã cố kiềm chế để nước mắt chảy vào trong mà vẫn không sao đè nén nổi nỗi xót xa trong lòng. Má đâu có biết bác sĩ và mấy đứa con giấu má. Má đã bị ung thư giai đoạn cuối, tế bào ung thư đã di căn vào gan, xương... Căn bệnh quái ác bất trị, căn bệnh âm thầm vô cùng nguy hiểm. Trước đó má vẫn bình thường, không có bất cứ dấu hiệu gì bất thường. Nhân vì cảm sốt và đau nhức rồi đi khám bệnh và rồi bác sĩ mới phát hiện ra ung thư vào giai đoạn cuối.

Má ơi! Nghe kết quả bác sĩ thông báo mà cứ ngỡ sét đánh ngang tai, đất sụt dưới chân, bầu trời chao đảo... Con như rơi vào trạng thái chân không, tất cả như chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Con lớn lên đi học xa nhà, đi làm và rồi ly hương... Mấy mươi năm chẳng gần gũi má, chẳng chăm được gì cho má, ngay cả những lúc ốm đau như thế này! Con chưa từng nâng ly nước bát cơm cho má. Con thương má, nhớ má, nhiều khi đang ngủ mà bất

chợt thức giấc. Con thương má mà cứ giữ trong lòng, chưa một lần nói ra lời thương má!

Má ơi! Giờ bác sĩ Tây y bó tay, chỉ còn chữa trị Đông y hy vọng ở phước chủ may thầy. Từ khi nghe má bệnh, con cầu nguyện suốt ngày đêm. Con cầu chư Phật, chư Bồ Tát, chư hiền thánh tăng ba đời mười phương gia hộ má vượt qua bệnh tật, an hưởng tuổi già. Cho dù lý thuyết nói nghiệp lực một khi đã chín muồi, quả đã trổ thì không thể thay đổi được nữa nhưng con vẫn mong có một sự vi diệu khó nghĩ bàn. Cầu nguyện trong Phật giáo không phải hy vọng một ơn cứu rỗi hay một phép lạ mà là để vững tâm, để hướng năng lượng tốt lành đến với má, để thiện nghiệp hóa giải bớt ác nghiệp. Năm xưa khi Phật còn tại thế, ngài cũng bị chứng đau đầu, đau lưng và cuối đời bị kiết lỵ... cho đến khi xả bỏ thân xác vật chất dù Phật là bậc đại hùng, đại lực, đại từ bi. Ngài có tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông nhưng vẫn phải chịu những nghiệp lực từ tiền kiếp xa xưa. Cho dù Phật pháp là khoa học, là chân lý nhưng trong thâm tâm con vẫn mong chờ một phép nhiệm mầu từ Phật lực gia hộ cho má.

Má ơi! Con nguyện gánh nghiệp cho má, đổi mệnh cho má, chịu ung thư thay cho má... nhưng làm sao làm được đây? Con cầu nguyện cho má hết bệnh dù con có đọa địa ngục cũng sẵn sàng



chịu. Ung thư là căn bệnh gây thống khổ và chết chóc cho loài người. Xét về mặt khoa học có thể bảo là do những tế bào tăng trưởng bất thường, đột biến, hoặc do môi trường sống ô nhiễm, do hóa chất độc hại... Còn về mặt tôn giáo thì cho đó là do nghiệp lực, là cái nghiệp xấu từ trong quá khứ... Cho dù có nói gì đi nữa thì ung thư nó vẫn cứ gây đau đớn thể xác lẫn tinh thần con người, nó tàn phá cả thân xác và tinh thần người bệnh.

Má ơi! Tắm hình hài này từ má mà ra, 9 tháng 10 ngày mang nặng đẻ đau, 20 năm nuôi dưỡng biết bao công lao sức lực... không chỉ ơn sinh thành dưỡng dục trong kiếp này mà còn là nhiều kiếp trong quá khứ. Vậy mà con chưa một ngày đỡ dần gì cho má, chưa một lần báo hiếu, ngay cả lúc má bệnh con cũng xa tít tận chân trời. Con xin phát nguyện gánh bệnh cho má, cầu ba đời mười phương Phật và Bồ Tát chứng giám.

Má ơi! Kiếp này không trọn đạo hiếu, con nguyện kiếp sau làm đá tảng vững vàng cho má bước đi, nguyện làm cội cây cho má ngồi hóng mát, nguyện làm hạt gạo thơm để má bưng bát cơm ngon.

Má ơi! Con đã viết nhiều lời tụng ca về cái đẹp, về nhân văn và nhiều mặt khác của con người ở thế gian này vậy mà con chưa từng tụng ca má. Tình mẫu tử là cả một sự cao quý thiêng liêng, công lao má như trời biển, làm sao có thể dùng ngôn từ để biểu tỏ được? càng không thể nói lời sáo ngữ để làm màu. Duy có câu "Cha mẹ tại nhà nhà Phật tại tiền" hoặc "Mẹ chính là Phật tại gia" thì khả dĩ có thể để tụng ca.

Má ơi! Câu tử biệt sanh ly quả thật nói thì dễ nhưng để cảm nhận thì phải trải qua mới thấu hết sự khổ đau. Mấy mươi năm xa má, chưa một ngày gần gũi sớm hôm chăm sóc má nhưng hình bóng má luôn luôn trong tâm tưởng con. Dẫu biết sanh - già - bệnh - chết là chuyện thường tình của thế gian, là chuyện không thể tránh được, ai ai cũng phải thế! Nhưng khi hay tin má bị ung thư, con tưởng mình đứt cả ruột gan, tâm can bào bọt, lòng như lửa đốt. Con vốn chẳng mạnh mẽ nên tưởng chừng sụm xuống luôn, muốn buông xuôi tất cả nhưng rồi con vẫn phải gượng mà đứng, phải cố mà sống. Con cũng đã nhiều lần muốn buông bỏ cái thân này nhưng khổ nỗi nó là một phần máu huyết tinh lực của ba má nên phải ráng mà đi cho hết cuộc.

Má ơi! Làm người ở thế gian này thật khổ, khổ vì sanh - lão - bệnh - tử, khổ vì thương mà biệt ly, khổ vì ghét mà phải chung đụng, khổ vì mong cầu mà không được, khổ vì cả thân và tâm như lửa cháy và biến hoại trong từng phút giây. Thời gian tháng năm bào mòn thân xác, má giờ đi đứng liêu xiêu. Thời gian nhuộm trắng mái tóc má. Thời gian đang hủy hoại từng tế bào trên thân má, khổ vì

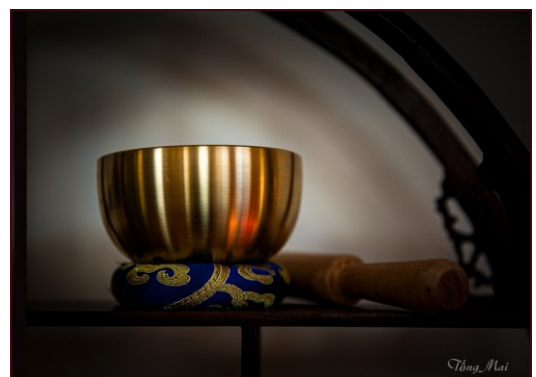
già chưa đủ giờ còn bồi thêm căn bệnh ung thư. Con muốn hét cho nổ tung lồng ngực, hét cho nghiêng trời lệch đất, cho vũ trụ bùng lên... Làm sao gánh bớt cái khổ cho má đây?

Trời đất vốn hư không vô cùng tận. Chư Phật ba đời mười phương không hình tướng, không thanh, không sắc... Tiếng kêu bi thương tan biến vào hư không không lời vọng, không một giải pháp nào! Bảo rằng tuyệt vọng thì cũng không sai, bảo rằng giữ vững hy vọng thì bám víu vào giáo lý Phật đà cũng xác thực. Con người thật nhỏ bé, yếu đuối và bất lực trước nghiệp lực. Trong trời đất này, con người cư tưởng mình hùng mạnh, tài giỏi, tưởng mình có thể thay tạo hóa... Ấy vậy mà chỉ một con virus nhỏ đến độ mắt thường không thấy cũng có thể vật ta ngã lăn quay. Con người cứ ngỡ mình thống trị dài lâu, muôn năm trường trị, sự nghiệp sống mãi... nào hay có thể bất chợt ra đi hay sụp đổ với vô số lý do. Con người tưởng mình cứng rắn, hùng dũng... nhưng rồi rúm ró quỳ gối cầu xin ở một thế lực siêu nhiên nào đó với nhiều danh xưng tôn quý. Con người hoàn toàn bất lực trước nghiệp lực của mình một khi quả đã chín mùi!

Má ơi! Con làm con của má không phải ngẫu nhiên tình cờ, không chỉ mỗi một kiếp này. Chắc chắn là có nhân duyên sâu xa nhiều đời nhiều kiếp. Con thương má, ngày đêm cầu nguyện cho má, nguyện làm những điều phước lành để hướng về má, để hóa giải bớt những nghiệp lực xấu. Điều này cũng giống như mỗi ngày châm thêm tí nước tinh khiết vào bát nước muối, nước muối sẽ bớt mặn từng chút một.

Má ơi! Thế giới vô thường, thay đổi và biến hoại trong từng phút giây nhưng lòng con thương má thì không biến hoại, không thay đổi, không suy hao. Nguyện cầu ngày đêm cho má, hướng phước lành đến cho má. Cầu chư Phật, chư Bồ Tát, chư hiền thánh tăng ba đời mười phương gia hộ má vượt qua đau bệnh để sống an lạc trong những ngày tháng tuổi già bóng xế.

Ất Lăng thành, 0525



VAI TRÒ, Ý NGHĨA CỦA NHẬN THỨC VỀ VÔ THƯỜNG TRÊN CON ĐƯỜNG TU TẬP GIẢI THOÁT

Tuệ Huy Tô Đăng Khoa

Sabbe sankhara anicca!

Tất cả các Pháp Hữu Vi là vô thường!

Đó là một sự thật! Cũng là lời di huấn cuối cùng của Đức Bồn Sư dành cho chúng ta trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, Trường Bộ Kinh:

"Này các tỷ kheo, Tất cả các Pháp Hữu Vi là vô thường, hãy tinh tấn chớ có phóng dật."

Là người con Phật chúng ta cần suy nghiệm cho thật kỹ về lời di huấn tối hậu này của bậc từ Phụ.

Sự thật Vô Thường này là đương nhiên, đang phơi bày chính nó, ngay trước mặt của chúng ta, 24/7, không có gián đoạn ngay cả lúc ta đang ngủ.

Vô thường không bị chi phối bởi thời gian, tức là tất cả Pháp vô thường trong cả ba thời: quá khứ, hiện tại, và tương lai.

Vô thường không bị giới hạn trong không gian, tức là cả vũ trụ này vô thường, cả thiên giới, ma giới, và nhân giới đều vô thường.

Ngay cả thân ngũ uẩn của ta cũng vô thường: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều vô thường.

Vô thường là sự thật không phụ thuộc vào nhận thức của bạn, tức là bạn có nhận ra, hay không nhận ra, điều đó không có thay đổi được gì về sự thật này, các pháp vẫn vô thường (nhưng nếu bạn nhận ra và sống đúng với quy luật vô thường thì bạn sẽ bớt khổ). Vì thế hãy đến để thấy đúng như thật như vậy: "Vô Thường."

Vô thường là một sự thật, tuy hiển nhiên như vậy, nhưng không phải ai ai cũng có nhận thức sâu sắc về điều đó. Độ sâu của nhận thức vô thường này tùy thuộc vào công phu tu tập của từng người.

Kết quả của việc làm cho sung mãn nhận thức vô thường này thật to lớn, không thể nghĩ bàn:

Phật dạy trong Kinh Tương Ưng Bộ về lợi ích đó như sau:

"Này các Tỷ-kheo: Do tu tập, làm cho sung mãn nhận thức về vô thường một cách sâu sắc, tất cả dục tham được chấm dứt, tất cả tham đắm về

tất cả các hình tướng được chấm dứt, tất cả khao khát hiện hữu cảnh giới này cảnh giới kia tham được chấm dứt, tất cả vô minh được chấm dứt, tất cả ngã mạn được tận trừ."

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm ruộng, vào mùa thu, dùng một cái cày lớn cắt đứt tất cả rễ mọc trong khi cày. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do tu tập, làm cho sung mãn nhận thức về vô thường, tất cả dục tham được chấm dứt, tất cả sắc tham được chấm dứt, tất cả hữu tham được chấm dứt, tất cả vô minh được chấm dứt, tất cả ngã mạn được tận trừ."

Trong ví dụ trên, nhận thức về vô thường được dụ như lưỡi cày lớn và sắc bén, có thể cắt đứt tất cả rễ cây trong khi cày. Trong ví dụ này, rễ cây ví dụ cho khát ái, vô minh, và ngã mạn; hành động cày bừa chính là việc tu tập. Còn "nhận thức vô thường" là lưỡi cày. Như vậy nhận thức về vô thường là một dụng cụ không thể thiếu của người tu, cũng giống như chiếc cày là dụng cụ không thể thiếu của người nông dân.

Như vậy chúng ta cần phải tu tập nhận thức về vô thường như thế nào, để làm cho lưỡi cày ngày càng sắc bén? Làm thế nào để cho sung mãn "nhận thức vô thường" khiến cho tất cả dục tham được chấm dứt, tất cả vô minh được chấm dứt, tất cả ngã mạn được tận trừ?

Nhận thức về Vô thường về Pháp có hai loại:

1. Nhận thức về vô thường của hiện tượng thế gian bên ngoài

2. Nhận thức về vô thường của tự thân bên trong, tức là ngũ uẩn, năm khối cấu tạo nên con người.

Nhận thức về vô thường của hiện tượng thế gian bên ngoài là kết quả của sự quan sát tinh tế chủ quan kết hợp với tư duy hợp lý, để đưa đến kết luận về sự vô thường của thế giới hiện tượng. Nhận thức này được xếp vào Tứ Tuệ trong Tam Tuệ của Văn Tư Tu.

Nhận thức về vô thường của tự thân bên trong, tức là ngũ uẩn, chính là gốc rễ của sự tu hành vì một khi Ngũ Uẩn, và đặc biệt hơn hết chính ý thức, cũng được nhận ra một cách sâu sắc

là vô thường thì đối tượng của ý thức, tức là thể giới hiện tượng, không thể nào thường hằng được.

Như vậy đối tượng chính của nhận thức vô thường là tự thân bên trong chứ không phải là thể giới hiện tượng bên ngoài.

Vì sao? Vì thể giới hiện tượng là thể giới hiện ra cho tự thân kinh nghiệm. Thể giới hiện hữu do tự thân, cho tự thân, và vì tự thân. Khi tự thân còn thì thể giới còn. Khi tự thân diệt, thì thể giới diệt. Một khi tự thân là vô thường, là rỗng không, là không thực chất tính, thì thể giới cũng tương ứng.

Sự vô thường của tự thân ngũ uẩn có hai khía cạnh cần phải nhận diện rõ ràng rất rõ ngay trong sát na đang là của chính nó:

1. Nhận ra sự sanh khởi ngay trong sát na đang là của chính nó

2. Nhận ra sự đoạn diệt ngay trong sát na đang là của chính nó

Phàm cái gì được sanh ra, cái đó sẽ đoạn diệt! Sanh Sanh Diệt Diệt: Đó chính là vô thường!

Để thiết lập nhận thức sâu sắc về sự vô thường của tự thân thì: Đối với từng uẩn một trong năm uẩn, ví dụ đối với sắc uẩn, chúng ta cần bình thản, chân chánh nhận rõ:

1. Đây là Sắc

2. Đây là Sắc tập khởi

3. Đây là Sắc đoạn diệt

Tương tự như vậy đối với Thọ, Tưởng, Hành, và Thức:

1. Đây là Thức

2. Đây là Thức tập khởi

3. Đây là Thức đoạn diệt

Chúng ta cần để ý đến cấu trúc câu "Đây là...X" của Phật dạy. "Đây là...X" chỉ có ý nghĩa nếu nó được nhận diện trong sát na đang là của X. Bằng không cấu trúc câu sẽ mất đi ý nghĩa "như thật- như vậy" của nó và không còn có tính chất phơi bày như một sự thật mà chỉ trở thành một thói quan lầm bầm "Đây là... X", "Đây là... X" một cách máy móc.

Nếu "nhận thức về vô thường" được tu tập như vậy ngay trên tự thân, được làm cho sung mãn như vậy ngay trên tự thân ngũ uẩn, thì "tất cả dục tham được chấm dứt, tất cả sắc tham được chấm dứt; tất cả hữu tham được chấm dứt; tất cả vô minh được chấm dứt; tất cả ngã mạn được tận trừ." Tức là đúng như lời dạy của Đức Phật Thích Ca.

Phật Tử làm được như vậy và vị Thừa Tự Pháp, làm cho Chánh Pháp được trường tồn ở thế gian, là con Phật, là người thi hành đúng Di Giáo của đức Từ Phụ.

Nguyện cho chánh pháp của Thế Tôn luôn được gìn giữ trong đời sống hàng ngày của từng người Phật Tử vì hạnh phúc thực sự và an lạc thực sự cho muôn loài.



CON VỀ THĂM MÁ CHIỀU NAY

*Con về thăm má chiều nay
Bên ngoài cửa sổ mây bay trắng trời
Trái qua muôn dặm xir người
Hồn phiêu hốt
nhớ*

*lấy lời thiết tha
Gầy hao bóng xế tuổi già
Đứng đi xiêu vẹo biết là má đau
Thời gian nhuộm bạc mái đầu
Và đôi mắt đã phai màu tháng năm*

*Bóng hình má ở trong tâm
Thương má rất mực vẫn thăm thế thôi
Chưa hề quên lãng phai phôi
Dẫu rằng cách trở xa xôi đến là*

*Để đâu con được về nhà
Phút giây sum họp lệ nhòa hỷ hoan
Mấy khi đời được vương tròn
Nỗi niềm thương nhớ hãy còn má ơi.*

THANH NGUYỄN

Ất Lăng thành, 0525

MƯA RƠI THÁNG BẢY

Gần cả tuần nay mưa mãi rơi
Mưa ngày cho đến tận đêm khuya
Mưa rơi lộp độp trên mái ngói
Tiếng mưa xào xạc chạnh quê nhà

Năm nay mưa nhiều hơn năm trước
Nước mưa thấm ướt cả gian nhà
Tiếng mưa như tiếng mẹ thầm gọi
Bao giờ con về mẹ nhớ mong

Ngày con đi xa ba đưa tiễn
Cầm tay ba chẳng nói nên lời
Con đi nhớ giữ gìn sức khỏe
Phương xa một mình gắng nghe con

Mạ chỉ im lặng nước mắt rơi
Dặn dò con đi mãi bình an
Ở nhà đã có mấy anh chị
Con đừng lo nghĩ mạ ba chi

Mấy năm rồi con đi biệt
Quê nhà ba đợi mãi không thôi
Mỏi mắt trông con trời viễn xứ
Mưa về thêm lạnh nhớ thương con

Hôm nay con về nơi chốn cũ
Nhìn ba mắt con vương ngấn lệ
Tóc bạc da môi tay gầy chống
Tuổi già năm tháng mãi đi qua

Nhiều năm bơ vơ nơi xứ lạ
Chạnh lòng quê mẹ chốn xa xôi
Mộ ba con mong ngày trở lại
Thắp lên phần mộ một nén nhang

Tháng Bảy mưa rơi buồn đứt ruột
Mạ đã từ già để ra đi
Vu Lan năm nay cài lên ngực
Hoa hồng đâu nữa để chờ mong?

Rồi cả song thân về cõi Phật
Đau lòng con lắm mạ ba ơi
Phương xa kính nguyện cầu ba mạ
Theo Phật Di Đà cảnh lạc bang

Con đã về đây quỳ trước mộ
Tha thứ cho con những lỗi lầm
Xa cha bỏ mạ không phụng dưỡng
Chỉ quyết theo Thầy học hạnh tu

Chuông chùa ngân vang chiều tĩnh mịch
Hòa tan trong gió cả tiếng mưa
Tháng Bảy Vu lan mùa hiếu hạnh
Dâng trọn tâm thành tới mẹ cha

Nguyện cho cứu huyền và thất thế
Cha mẹ nhiều kiếp của chúng sinh
Đồng thoát luôn hồi xa nẻo khổ
Tịnh độ an lành chốn tịnh thanh.

thơ

THÍCH
NỮ
GIỚI
ĐỊNH



Truyện cực ngắn

STEVEN N.



TRÍ ĐẠI THỪA CHƠN CHÁNH PHÁP

Nhờ túc duyên sâu dày nhiều đời, ngài gặp được đức Đệ tam Tăng thống liền xin xuất gia thọ học. Đại lão hòa thượng ban cho pháp danh Trí Chơn.

Ngài tu học xuất sắc, hơn mười hai năm du học đã lấy được văn bằng cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ về cổ ngữ Pali, Phật học, luật, luận... Sau đây ngài sang Hoa Kỳ hoằng pháp dưới sự bảo trợ của Hòa thượng Thích Thiên Ân. Ở vùng đất mới này, ngài ra sức hoằng pháp, dạy chúng, độ sanh, viết sách, dịch kinh... mà chẳng quản gian khó. Suốt đời ngài luôn di chuyển bằng xe buýt, bởi vậy mà tứ chúng



triu mến gọi ngài là "Hòa thượng xe buýt." Ngài khai sơn hàng chục ngôi chùa, cụ thể như: chùa Vạn Hạnh, chùa Linh Mộc hải ngoại... và các chùa khác trải dài trên 15 tiểu bang. Với năng lực và đức hạnh như thế nên được công cử vào hàng trưởng lão giáo phẩm của GHPGVNTN. Mặc dù bận rộn với bao nhiêu việc nhưng vẫn dành thời gian để cố gắng hiến cho văn học, văn hóa... Ngài tham gia rất nhiều các trang mạng Phật giáo khắp các châu lục: Hóa đạo, Chánh giác, Phật học, Phật Việt, Đất lành, Hoa sen... Số lượng trước tác và phiên dịch cũng rất lớn. Cuối đời ngài mắc bệnh nặng, biết rằng nghiệp duyên đã chín muồi nên ngài từ chối hóa trị và xạ trị. Lúc bệnh nặng, ngài vẫn vui vẻ thăm hỏi và sách tấn mọi người. Ngài tinh tấn cho đến phút cuối cùng

TRÍ ĐẠI THỪA THÔNG CỔ NGỮ TRƯỞNG LÃO VIẾT SÁCH DỊCH KINH BỒ ĐOÀN AN TỌA CHƠN CHÁNH PHÁP THẠO ANH VĂN HÀNH GIẢ DU PHƯƠNG ĐỘ CHÚNG XE BUÝT ĐI VỀ.

GIẢI NGHỊ

Thầy giảng pháp về đề tài bổ thí, mấy mục pháp thí, vô úy thí đại chúng nghe chứ không nêu ý kiến. Riêng mục nội tài thí thì có người hỏi:

- Hiến tạng cứu người là phước đức nhưng Tịnh Độ dạy: Sau khi chết không được đụng chạm đến thân thể người quá cố vì làm vậy thần thức sẽ đau đớn nổi sân thì đọa. Hãy giữ yên xác trong 48 giờ...

Thầy nói:

- Anh hỏi hay và rất thực tế, xác chết vô tri, sau khi chết thì tùy thiện hay ác nghiệp mà đi vào cảnh giới tương ứng. Quý thầy dạy vậy cũng không sai, tuy nhiên việc hiến tạng là tâm nguyện cho nên khi bác sĩ lấy tạng họ chẳng sân hận, người đó không còn chấp ngã.

Mọi người lắng nghe có vẻ cũng thông nên không ai nói gì. Thầy lại hỏi:

- Đại chúng ở đây có ai đã đăng ký hiến tạng sau khi chết?

Giảng đường im phăng phắc, không một cánh tay giơ lên.

GIỮ GIỚI

Nhân ngày rằm, chùa Hồng Bang làm lễ quy y cho những ai muốn thọ tam quy ngũ giới. Phật tử tên Phú hỏi:

- Giữ năm giới tái sanh làm người, mười giới sanh thiên... vậy những em bé sơ sanh, những người bệnh kiệt quệ sức lực chẳng vi phạm gì, có phải là đang giữ giới một cách tuyệt vời chẳng?

Đại chúng cười vang cả điện, thầy cũng cười:

- Xưa nay chưa có ai hỏi cắc cớ như vậy, tuy nhiên đây là câu hỏi hay, có sự quan sát thực tế. Bé sơ sinh chưa có nhận thức nên không biết giới là gì nên không thể bảo là giữ giới. Người bệnh kiệt sức nên không thể làm cái việc sát - đạo - dâm - vọng - tửu... tuy nhiên tâm ý chưa chắc đã hết thèm khát, bằng chứng là khi hết bệnh thì phạm lại như thường... vì vậy đó không phải là giữ giới.

Đại chúng vỗ tay rào rào, kẻ khen hay, người bảo chí lý. Có kẻ còn oang oang giữa điện:

- Thực tế có rất nhiều trường hợp như vậy đó

thầy ơi!

Thầy đại chúng vui vẻ, thầy nhắc thêm:

- Giữ giới là khi thân và tâm khỏe, tỉnh táo biết đó là sát – đạo – dâm – vọng – tửu mà không làm.

TƯ LƯƠNG

Người làng Muội xưa nay nghe đồn đãi xứ Hoan rất đẹp đẽ, an lành, vi diệu... khó nghĩ bàn. Có rất nhiều người muốn ghé thăm xứ ấy, thậm chí nhiều kẻ còn quyết tâm tìm phương cách để ở lại luôn. Khổ một nỗi khi tiến hành thì đa số rơi rụng hết vì túi không có tiền, một số thì không có sức khỏe để lên đường, còn số khác lại không có hộ chiếu hoặc giả là thị thực lại hướng đến xứ khác. Cũng có một số người quyết tâm cao độ, bỏ công của, sức lực, hướng cả thân tâm vào việc làm thủ tục đến xứ Hoan, tiếc thay bọn họ đặt niềm tin vào những kẻ mù làm hướng dẫn viên cho nên cả bọn đi lạc hết ráo. Rốt cuộc làng Muội chẳng có mấy ai đến được xứ Hoan.

Trước sự thế như vậy, người làng Muội sanh tâm bài bác:

- Xứ Hoan là bánh vẽ chứ làm gì có thật!

Trong đám người ấy có kẻ lại lý luận:

- Thật hay không thật không phải là vấn đề! Nếu có tiền, có hộ chiếu, thị thực hợp lệ lại có người dẫn đường đúng thì ắt đến được thôi!

THƯỜNG

Thế gian này mọi sự vật, mọi việc cho chí thân tâm con người đều rất vô thường, nó thay đổi tăng trưởng và biến hoại trong từng phút giây cũng là lẽ thường. Con người sanh ra và lớn lên trong giàu sang hay bần hàn vốn rất bình thường, bởi vậy mà cuộc sống đầy những tình cảnh sướng-khổ, phước-họa... cũng chẳng có chi để nói là khác thường. Duy những người nhờ nhiều dư phước tiền kiếp mà thông minh, giỏi giang làm được những việc người khác không làm được đó mới thật là phi thường. Với những điều mình làm được mà mọi người cũng làm được thì rất thông thường, thậm chí rất tầm thường nữa là khác. Duy có việc mọi người làm được mà mình không làm được thì ấy mới là bất thường, dị thường. Cảnh giới nhân gian ở cõi Sa Bà là cảnh giới vô thường, con người ở cõi ấy thường thường mê đắm dục lạc, trói buộc trong ngũ dục lục trần là chuyện bình thường, dễ thường mà thoát được sao? Bởi vậy mà con người ta mãi thường trong sanh tử. Cảnh giới Phật – Bồ Tát tịch diệt vi lạc là chơn thường. Hàng ngu phu ngu phụ không hiểu được cảnh giới diệu thường ấy cũng đâu có chi lạ thường, hễ ai tỉnh ngộ mà tu tập để mong ra khỏi nhà lửa ấy mới thật sự khác thường.

(Xem tiếp trang sau) ➡



TA LÀ AI?

Trong cuộc sống, thường ngày tôi tự hỏi:

Ta là ai, định mệnh biết ra sao

Tại sao có mặt mình trên thế giới

Và cuộc đời có phải giấc chiêm bao?

Ta là ai luôn bồn chồn lo lắng

Sớm bạc đầu vì cơm áo, lợi danh

Sá kể chi thân dài dầu mưa nắng:

Chìm nổi, truân chuyên khắp nẻo đường đời!

Ta có phải con nai vàng ngơ ngác

Lạc lối về giữa rừng núi hoang vu

Buồn thân phận luôn đó đây phiêu dạt

Cõi Ta-bà đầy khổ nạn chông gai! ()*

Dẫu là ai cũng đầu xanh, máu đỏ

Phải sống sao xứng đáng một con người

Tốt bản thân và ích lợi cho đời

Khỏi hổ thẹn hỏi ta là ai đó!

Ơn điểm giáo ơn sâu dày vô tận

Kinh Phật là ngọn đuốc sáng soi đường

Là phương tiện tiến hóa của nhân sanh

Đưa nhân loại về cội nguồn quê cũ!

thơ **DIỆU VIÊN**

(*) Nói theo Nguyễn Du:

“Kể từ lạc bước, bước ra

Tâm thân liệu những từ nhà liệu đi.”

SINH VĂN VỚI TỬ VĂN

Lão Thần ngựa nghề, một hôm viết:

- Trắng treo cổng sài, lòng man mác thương hoài ngàn năm. Tháp cổ nhuộm màu tơ óng ả,
- Lẽ ra phải viết như thế này: Trắng phủ trên mũi Tesla, khiến cho chiếc xe lướt đẹp trên đường phố đêm. Trắng treo tay lái Vinfast, cổ truyền và văn hợp thời trang...

Cũng trong nhóm ấy, có kẻ còn cao giọng:

- Văn cũng cần đổi mới, phải theo trào lưu hiện đại, hậu hiện đại, trừu tượng, siêu tưởng, lập thể, phúng dụ... thì mới xứng là văn thời AI.

Nghe thế lão Thần đực mặt ra, miệng càm ràm:

- Ta vốn cũ kỹ, chỉ biết cuốc đất trồng hoa nào có biết gì thủ pháp nghệ thuật. May còn có trắng theo ta từ ngàn năm trước đến giờ chưa chịu cập nhật hay hiện đại hóa.

ĐỔI MỚI

Năm ấy, khi mới về thành, bọn họ hốt hết của thiên hạ để làm của riêng mà miệng thì kêu gào:

- Lập thể giới đại đồng, tất cả tài sản là của chung!

Bọn họ ra sức tru diệt tất cả những ai mua bán, sản xuất, làm ăn và chụp lên đầu họ mấy cái mũ: bóc lột, tư sản mại bản, lừa biếng, đĩa hút máu, sa đọa... Kể từ đó quốc độ chìm trong màn đêm, ngập tràn máu lệ bi thương.

Thời thế thay đổi, lúc bấy giờ bọn họ lại quay ngược, ra sức tán tỉnh thậm chí thậm xưng:

- Doanh nhân yêu nước, thi đua làm giàu, làm giàu là yêu nước, kinh tế tư nhân là động lực phát triển...

Nhiều đó chưa đủ, triều đình còn ra dự luật:

- Bãi miễn xử lý hình sự với người sản xuất – kinh doanh dù có lường gạt gian trá, nếu xử hình sự thì còn ai dám làm giàu!

Nghe thế, bọn lợi ích nhóm, nhóm thân hữu, lũ cơ hội... ra sức lũng đoạn thị trường, chiếm dụng

đêm nay chẳng biết người về đâu...

Bọn giỏi lý luận lập tức nhảy vào:

- Thời đại 5.0 mà còn dùng cái lối tử văn, ấy là lạc hậu, cũ kỹ, không còn phù hợp với thời đại.

Trong nhóm giỏi lý luận có kẻ còn gợi ý: hiện đại giao thoa... Đây mới là lối sinh văn, văn sống,

tài sản bất kể công-tư, cướp đoạt đất đai với chiêu bài quy hoạch... Người người làm giàu bằng mọi thủ đoạn chính đáng hay bất minh. Bọn truyền thông ăn cơm chúa múa tối ngày:

- Công cuộc cải cách vĩ đại, một bước tiến chưa từng có trong lịch sử, sự đổi mới đúng đắn đang mang lại thịnh vượng khiến cho quốc tế phải đến mà học hỏi kinh nghiệm... Trong đám ấy có kẻ cười ruồi trong cuộc nhậu:

- Đi một vòng rồi quay lại điểm xuất phát là đổi mới ư? Đã vậy đã bằng điểm xưa chưa?

CHÉM GIÓ

Mấy nay người ta cứ nói những cái từ ngữ rất lạ, nào là: chém gió, khủng, trình, toang, bùng, chữa lành, khối, hạ cánh an toàn, nhận quà trên mức tình cảm, nâng đỡ không trong sáng... Đâu thấy quan dân sĩ thứ ai ai cũng xài cứ như là vẹt lập lại vậy. Đâu không hiểu lắm, hỏi mấy thằng bạn thì đưa nào cũng cười mà chẳng trả lời. Mới hôm qua đọc báo thấy cái tin:

"Chính phủ phê bình và cắt hết mọi chức tước, quan trật, phẩm vị của các vị XYZ..."

Đâu thắc mắc:

- Mấy ông bà XYZ về hưu từ hồi nào có còn chức tước gì nữa đâu mà cắt?

Mấy khứa bạn của Đâu cười ngặt nghẽo:

- Đâu ơi là Đâu! Chém gió đấy! giờ hiểu chưa?

Steven N
Georgia, 0825



THÁNG BẢY MƯA VỀ NHỚ MẸ CHA

(Lộc Lư Ngũ Bộ - Ngũ Độ Thanh
– Bát Vĩ Đồng Âm)

*Lại cảm thu vàng khó nổi vơi
Niềm xao cảnh vắng mãi nom Người
Án tình chưa đáp sao mà gợi
Hiếu đạo trông chờ rõ chẳng rơi
Nẻo cũ nghiêm đường qua vạn lối
Nhà xưa kỷ niệm nhắc bao thời
Ru từng quăng nhỏ nghe lòng rói
Nhận cả... Tim này sống nghĩa thôi.
Mong cầu lạc cảnh sớm về nơi...*

*Lại cảm thu vàng khó nổi vơi
Chạm nẻo từ bi nào rẽ tới
Vun mầm đức hạnh rõ chứa ôi
Nhân trần rộn rã xây tình cõi
Tuổi hạc âm thầm giữ phước coi
Dạy dỗ ân này... luôn lắng bởi
Lòng con nguyện sống mãi theo thời
Khập khiễng trần duyên biết chẳng rời
Ươm tình quảng khoáng gỡ màu vôi
Song nhìn thế hăm đầu thù gợi*

*Lại cảm thu vàng khó nổi vơi
Sáng rạng ngày lên lòng nở cõi
Yên bình tháng lặn nghĩa nào ôi
Bao lần tiết đôi càng thương bội
Giã biệt Người đi tỏ đức người
Quay về vạn cảnh lắng niềm ôi!
Phận phúc Người gieo vẫn cái đời...
Mở trí cam lòng lo dạ cõi
Tìm nhânặng nghĩa chớ tâm hời
Đừng chê nghiệp héo rầu duyên rói*

*Lại cảm thu vàng khó nổi vơi
Biết vậy! Thời an... gì để dỗi
Nguyên gom nhận mãi sống yên rồi...
Khán nguyện Người về cõi thánh thôi
Con nguyện giữ nếp chẳng hề lời
Bình yên nẻo tâm lòng không rói
Sáng rạng ân đây nghĩa nở cõi
Trải mỗi điều ghi thâm chẳng nói
Rà bao dạy dỗ lắng tim rói
Thời gian vẫn chảy, hình như mới
Lại cảm thu vàng khó nổi vơi.*

VU LAN THẮNG HỘI NHỚ MẸ CHA

*Vu Lan Thắng Hội nhớ thương già
Vạn cõi... đâu tìm dạ xót xa
Cảm tấm thân gầy đau có hạn!
Trêu ngày nắng lửa khổ không tha!*

*Người đi đi mãi còn mô nữa
Cháu hỏi hỏi luôn chẳng biết là...
Thế hệ mai này gương phúc đức
Ân dày khó diễn... Mẹ và Cha...*

SẮC THU

*Mây ngàn lá lướt gió vi vu,
Hết hạ cây rừng nhuốm sắc thu.
Lãng đãng chim vờn xuôi cánh rã,
Mơ màng trúc chuyển lặng đàn ru.*

*Ngày an cây pháp nguyện tâm lớn,
Tuệ rạng kinh cầu xóa trí lu.
Nguyện khắp nhân gian bình đạo cả,
Bên Thầy rõ đạo bước đường tu.*

VÀO THU

*Nắng hạ qua rồi hết gió vu
Khung trời dịu mát đẹp rừng thu.
Chênh vênh góc núi cây thay lá,
Loáng thoáng mây ngàn tiếng sáo ru.*

*Trước ngõ giàn hoa vui tiết mới,
Trong nhà kệ sách bạn đèn lu.
Tâm danh lợi, dục trần buông bỏ,
Động tĩnh tùy duyên, rõ bước tu.*



Mùa Vu Lan 2025

Thơ MINH ĐẠO

NGÔN NGỮ VÀ GIẢI THOÁT:

Mỹ Học và Sử Mệnh Văn Học Phật Giáo

HUỆ ĐAN

Từ khi con người biết cất tiếng gọi tên nỗi khổ của mình, văn học đã trở thành một chiếc gương soi cả hai mặt – một bên là bóng dáng phù du của thế giới, bên kia là những mảng tối sâu thẳm của tâm thức. Trong lịch sử Việt Nam hiện đại, những trang văn đã chứng kiến bao lần biến thiên của đất nước, từ máu lửa chiến tranh đến những biến động trầm lặng trong đời sống tinh thần. Nhưng giữa tất cả những tiếng nói đó, văn học Phật giáo không hiện diện như một mảnh màu riêng biệt; mà là mạch nước ngầm thấm qua mọi vùng đất của ngôn ngữ, nuôi dưỡng những cội cây ý thức và làm mát dịu cả những sa mạc khô khát của tâm hồn.

Phật giáo, khi đi vào văn học, không tìm cách dựng lên một giáo đường chữ nghĩa để người đọc đến quỳ lạy, mà lặng lẽ mở ra những nẻo đường nhìn thấy sự thật. Sự thật ấy không tô điểm bằng hào quang huyền bí, mà hiển lộ trong từng nhịp thở, từng ý nghĩ, từng biến thiên của đời sống—ở đó, vô thường không còn là khái niệm mà là một kinh nghiệm; từ bi không còn là đức tính mà là một phương cách hiện hữu. Văn học Phật giáo vì thế vừa là tấm bản đồ, vừa là con đường, vừa là bước chân—không chỉ kể chuyện về giải thoát, mà còn mời gọi người đọc cùng khởi hành.

Chúng ta đang sống trong một thời đại mà mọi ý niệm đều có thể bị tiêu thụ nhanh chóng, mọi thông tin đều có nguy cơ tan vào quên lãng chỉ sau vài lần lướt màn hình. Trong dòng chảy ấy, văn học Phật giáo cần thiết hơn bao giờ hết, không phải để níu giữ quá khứ như một bảo tàng tĩnh tại, mà để làm một ngọn đèn đứng vững giữa gió, soi rõ khuôn mặt thật của hiện tại. Người đọc đến với văn học Phật giáo không để tìm một liều thuốc tinh thần tức thì, mà để học cách tự bước qua đêm tối của mình, bằng ánh sáng tự tâm.

Và cũng chính ở điểm này, văn học Phật giáo gặp gỡ mọi khuynh hướng lớn của văn học Việt



Nam hiện đại: khát vọng hiểu con người đến tận cùng, nói thật, sống thật, viết thật. Nhưng đi xa hơn một bước—nhắc chúng ta rằng “tận cùng” ấy không phải là vách tường tuyệt vọng, mà là một cửa mở sang tự do. Ai đủ kiên nhẫn đọc đến tận cùng, sẽ nhận ra điều mà mọi văn bản Phật học và mọi trang văn vĩ đại đều ngầm nói: rằng hành trình cứu rỗi không bắt đầu từ một giáo điều hay một triết thuyết, mà bắt đầu từ khoảnh khắc ta dừng lại, lắng nghe và thấy rõ mình trong từng con chữ.

I. Những khúc quanh định mệnh của văn học Việt Nam hiện đại

Từ cuối thế kỷ XIX đến 1932:

Như một bình minh mới, chữ quốc ngữ ra đời và nhanh chóng chiếm lĩnh bầu trời chữ nghĩa, thay thế cho Hán – Nôm vốn đã trị vì nhiều thế kỷ. Báo chí, nhà in, trường học – những thiết chế mới – mở ra một không gian công cộng nơi ý tưởng có thể đi xa và nhanh hơn bao giờ hết. Phê bình, tiểu thuyết, ký sự bắt đầu định hình không những như hình thức, mà như lời tự giới thiệu của một dân tộc bước vào hiện đại.

1932–1945:

Mùa gió Thơ Mới nổi lên, khẳng định cái tôi cảm xúc vừa say đắm vừa hoang mang. Tự Lực Văn Đoàn thắp lên ngọn lửa cá nhân tính, cổ xúy cải cách xã hội. Từ các trang dịch thuật triết – văn phương Tây, một chân trời tư tưởng mới hé lộ. Ý thức hiện sinh và tinh thần duy lý cùng vang lên, tạo nên một “nội địa thẩm mỹ” rộng mở, nơi đời sống được nhìn như một văn bản, và văn bản như một đời sống.

1945–1954:

Văn học khoác chiến bào, bước vào cuộc cách mạng. Hiện thực chiến tranh rèn nên một thi pháp tập thể, lấy hy sinh và kháng chiến làm trục. Nhưng bên cạnh tiếng kèn xung trận, vẫn có những âm thầm dò tìm nội tâm, tìm cách nói riêng

cho những trải nghiệm không thể quy đồng vào khẩu hiệu.

1954–1975 (hai miền):

Miền Bắc: Hiện thực xã hội chủ nghĩa và trữ tình công dân gánh vác trách nhiệm lịch sử. Kỷ luật tư tưởng và hình thức trở thành chuẩn mực, tạo ra một bầu khí văn học mang tính “nhiệm vụ”.

Miền Nam: Trái lại, không gian mở cho đa thanh vang vọng. Hiện sinh, phân tâm, huyền thoại, siêu thực chen vai cùng phê bình triết học, dịch thuật sôi động. Thơ và tiểu thuyết thử nghiệm phá bỏ chuẩn mực, tìm đến những kết cấu lạ, ngôn ngữ táo bạo, nhân vật như bóng ma của ý thức thời đại.

Sau 1975:

Hậu chiến mang theo ký ức và nhu cầu hòa giải. Những vết thương của lịch sử trở thành đề tài lớn, đôi khi âm thầm như một nỗi nghẹn, đôi khi vỡ òa trong hồi ký, truyện ngắn, thơ. Từ Đổi mới 1986, văn học dần thoáng gió, đời tư – thân phận – sự thật lịch sử được cất lời mạnh bạo hơn, mở ra một giai đoạn vừa hồi cổ vừa đổi diện thẳng.

Hải ngoại (từ 1975):

Một “lãnh thổ thứ hai” của tiếng Việt hình thành ngoài biên giới. Văn học lưu vong vừa giữ gìn ký ức, vừa tạo một địa hạt đối thoại Đông – Tây, nơi hoài niệm, căn cước, và truy vấn ý nghĩa tồn tại đan xen. Ở đây, các mạch tâm linh, đặc biệt là Phật giáo, trở thành nguồn dưỡng chất, như một nhịp thở sâu trong ký ức ly hương.

Thời kỹ thuật số (từ 2000s):

Văn học mạng, phi hư cấu, tự thuật chấn thương, phê bình công dân tràn vào. Các dòng viết nữ quyền, giới tính, môi sinh, liên văn hóa nổi lên. Tốc độ, ngắn gọn, phân mảnh vừa mở rộng khả năng tiếp cận, vừa thử thách sự trầm tĩnh của đọc và viết.

Phác họa ấy cho thấy văn học Việt Nam hiện đại không những là lịch sử của những thể loại hay phong trào, mà là chuỗi những “tái sinh” của cái nhìn con người về chính mình – từ cá nhân lãng mạn đến công dân cách mạng, từ chủ thể hiện sinh đến nhân vị hậu chiến, rồi người di dân, cư dân số. Trên nền đó, văn học Phật giáo không nhằm dựng thêm một “chủ nghĩa”, mà như một dòng thiền trong trẻo, truy nguyên tự tính của chủ thể, soi tỏ vô ngã và duyên sinh như hai trụ cột cho cả sáng tạo và tiếp nhận.

II. Văn học Phật giáo: vị trí, mạch nguồn, sứ mệnh

Nếu văn học quốc dân là lời tự sự của một cộng đồng đang tìm cách ghi nhớ và khẳng định mình trong lịch sử, thì văn học Phật giáo chính là phép tự tri của cộng đồng ấy – một hành động quay về soi vào “tự tâm” để thấy rõ căn nguyên của mọi thịnh suy. Nó không riêng kể lại những

biến cố bên ngoài mà còn đọc được những chuyển động thầm lặng trong chiều sâu ý thức tập thể, nơi mọi kinh nghiệm được lọc qua trí tuệ vô ngã và ánh sáng từ bi.

Từ thời Lý – Trần, khi những bài kệ thiền, văn bia và truyện tích tỏa ra như những đốm lửa nhỏ trong đêm dài lịch sử, đến cận – hiện đại, tinh thần Phật học nhiều lần trở về như một khí hậu tư tưởng nuôi dưỡng cả ngôn từ lẫn tâm thức. Trong khí hậu ấy, ngôn ngữ thường giản lược đến mức tinh khiết, không để khoái cảm tu từ lẫn át khả năng chỉ bày thực tại; còn nghệ thuật, thay vì là đích đến, trở thành phương tiện thiện xảo (upāya) để chuyển hóa khổ đau, mở ra lối đi cho cả tác giả và độc giả cùng bước.

Sang thế kỷ XX–XXI, mạch nguồn này bước vào những cuộc đối thoại thẳng thắn với triết học hiện đại: hiện tượng học soi chiếu trải nghiệm trực tiếp của tâm; phân tâm học đào sâu những bóng tối vô thức; hiện sinh học chạm vào cảm thức phi lý và tự do; hậu cấu trúc học tháo dỡ những “siêu truyện” cứng nhắc. Từ đây, những nguyên lý Phật học như tính liên hệ (pratītya-samutpāda) soi sáng các khủng hoảng căn cước, vô thường giúp giải cấu các hệ thống quyền lực ngầm, và từ bi được nâng lên thành một đạo đức học của liên-hữu – nơi mọi sinh thể chỉ thực sự tồn tại khi biết sống vì nhau.

Chính vì vậy, sứ mệnh của văn học Phật giáo thời nào cũng không đóng khung mình vào một “thể loại tôn giáo” dành riêng cho người đã quy y, mà là dẫn thân hiến tặng cho xã hội một mỹ học giải khổ và khai minh. Mỹ học ấy đưa bốn sự thật thánh – khổ, tập, diệt, đạo – vào trong những hình thức nghệ thuật có khả năng tồn tại trong nhịp sống gấp gáp của thời đại số, nhưng vẫn giữ được phẩm chất lắng sâu của định – tuệ. Đó là nghệ thuật vừa mở cửa cho người hiện đại bước vào, vừa dẫn họ về nơi mà mọi tiếng ồn tắt lặng, và tâm được nhìn thấy chính nó.

III. Mỹ học Phật học cho người viết và người đọc hôm nay

Viết và đọc trong tinh thần Phật học không những là một thao tác văn chương, mà là một thực hành tâm linh, mỗi con chữ là một hơi thở, mỗi câu văn là một bước chân trên con đường Bát Chánh Đạo. Mỹ học này không nhằm dựng nên một “trường phái” mới mà để người cầm bút và người cầm sách cùng chia sẻ một không gian tĩnh thức, nơi ngôn ngữ trở thành chiếc cầu bắc qua hai bờ mê – ngộ.

Ngôn ngữ như phương tiện thiện xảo

Ngôn từ, trong lăng kính Phật học, không bao giờ là đích đến; nó chỉ là chiếc bè đưa người qua sông. Khi đã sang bờ bên kia, chiếc bè được đặt xuống, không luyến tiếc. Vì thế, lối viết Phật học

đặt trọng tâm vào chánh kiến của ngôn ngữ – minh xác trong khái niệm, trong sáng trong biểu đạt, tiết chế trong tu từ. Cái đẹp không nằm ở chỗ phô diễn trí thức hay dệt gấm câu chữ, mà ở sự giản dị mà vẫn thâm trầm trí tuệ, mộc mạc mà không hời hợt, ít lời mà nhiều ý. Mỗi từ được chọn như một hạt giống, gieo đúng chỗ, nó sẽ nảy mầm trong tâm người đọc.

Hình thức như thể nghiệm vô thường

Nếu đời sống luôn biến đổi, thì hình thức văn học cũng không thể bị trói buộc trong những khung cứng. Cấu trúc có thể phân mảnh như những mảnh gương vỡ phản chiếu muôn hình, có thể vòng tròn như bánh xe pháp luân, hoặc “mở” như một con đường không tận. Người viết không ngại lai ghép thể loại – để ký, tiểu luận, thì kệ cùng hòa âm; không sợ phá bỏ chuẩn mực – vì mỗi hình thức chính là một pháp môn phản ánh tính sinh diệt, vô thường của mọi hiện tượng.

Nhân vật như tiến trình, không là vật thể

Trong văn học Phật giáo, nhân vật không phải là tượng đài bất động, không phải “người tốt” mẫu mực để ngưỡng vọng từ xa. Họ là một quỹ đạo chuyển hóa, từ mê lầm đến tỉnh thức, từ chấp thủ đến buông xả. Tâm lý nhân vật nên được trình hiện như một dòng chảy niệm – cảm – tưởng, trong đó sự ý thức về thân – thọ – tưởng – hành – thức là sợi chỉ xuyên suốt. Nhân vật sống trong tiến trình, và chính tiến trình ấy là câu chuyện.

Từ bi như mỹ cảm chủ đạo

Từ bi trong mỹ học Phật học không phải là một cảm xúc mềm yếu, mà là một năng lực sáng suốt, thấy rõ bản chất của khổ đau để hành động đúng. Trong văn chương, từ bi tạo ra một thẩm mỹ của dịu lực, ngôn ngữ không bị biến thành vũ khí, mà thành làn gió mở cửa; định kiến được tháo chốt để con người có thể gặp nhau trong sự khác biệt; mỗi câu văn không đóng lại bằng kết án, mà mở ra một không gian cho kẻ khác được là chính họ.

Trí tuệ như kỷ luật của viết

Nếu từ bi là trái tim, thì trí tuệ là đôi mắt của người viết. Viết trong tinh thần Phật học đòi hỏi một kỷ luật nghiêm cẩn, tư liệu phải xác thực, dẫn dụng phải chuẩn xác, phiên âm và dịch thuật thuật ngữ phải thống nhất. Bi – Trí – Dũng là tam vị nhất thể, lòng thương dẫn đạo, hiểu biết soi đường, can đảm mở lối. Người viết Phật học không

né tránh sự thật, nhưng biết cách đặt sự thật trong ánh sáng của giải thoát.

Và trên tất cả, mỹ học Phật học là một lời nhắc, viết không riêng cầu để in thành sách, đọc không riêng mong để tích lũy kiến thức, mà để cả người viết lẫn người đọc cùng bước thêm một đoạn trên con đường giải khổ – đoạn đường bắt đầu ngay khi con chữ được đặt xuống trang giấy, và tiếp tục mãi khi trang giấy đã gấp lại trong tâm.

IV. Những thách thức mà văn học Phật giáo phải nhìn thẳng

Văn học Phật giáo của hôm nay không bước đi trên một con đường trải hoa, mà trên một con đường vừa gập ghềnh, vừa bị vây bủa bởi những luồng gió mới lạ, nhanh, và đôi khi lẫn lộn phương hướng. Nó cần đủ bản lĩnh để nhìn thẳng vào từng thử thách, không né tránh, không phàn xét vội, mà tiếp nhận như tiếp nhận những vị khách lạ – mời họ ngồi xuống, rót một chén trà, rồi lắng nghe

để hiểu.

Tốc độ số và sự phân tán chú ý

Chưa bao giờ nhân loại đọc và viết nhanh như hiện nay, nhưng cũng chưa bao giờ việc đọc và viết lại dễ bị tan vào quên lãng đến thế. Lối đọc ngắn, lướt, phản xạ “quét” thông tin khiến văn học – vốn cần thời gian ủ men – bị thay thế bằng những mảnh nội dung dễ tiêu hóa nhưng chóng tiêu tan. Văn học Phật giáo không thể chống lại thời đại bằng cách thu mình vào tháp ngà, mà phải tìm cách thiết kế văn bản có độ “tương tác nội tại”, từng đoạn ngắn chứa ý sâu, từng ý sâu liên kết chặt, tạo khoảng dừng để người đọc thở, suy niệm, và tiếp nhận như uống từng ngụm nước mát. Viết cho thời số không phải để chiều tốc độ, mà để gieo hạt chậm rãi trong tâm giữa cơn lốc vội vã.

Khủng hoảng sự thật và ngôn ngữ bị chính trị hóa

Khi ngôn từ bị bẻ cong bởi lợi ích và quyền lực, khi “sự thật” trở thành hàng hóa tùy giá bán, văn học Phật giáo phải trở thành một trú ẩn cho tính trung thực. Không tô hồng để ru ngủ, không kích động để giành sự chú ý, mà dùng kỷ luật kiểm chứng và can đảm gọi tên khổ đau đúng như nó là. Sự thật trong văn học Phật giáo không phải lưỡi gươm để chém, mà là tấm gương để soi – soi rõ, nhưng không làm tổn thương.

Thị trường hóa tâm linh

Khi thiền, chánh niệm và Phật học bị biến thành “sản phẩm” trong ngành công nghiệp tinh thần, nguy cơ mất đi bản chất giải thoát là điều không thể xem nhẹ. Văn học Phật giáo cần giữ giới – định – tuệ như một tiêu chuẩn nội tại, không để ngòi bút bị dẫn dắt bởi một thị trường. Thay vì bán những “cảm giác an lạc” đóng gói, nó cần mở cửa cho những trải nghiệm thật – có thể không dễ chịu, nhưng đủ chân thực để dẫn đến hiểu và buông.

Đứt gãy liên thể hệ và liên vùng

Một tác phẩm Phật học hôm nay có thể được đọc bởi người trẻ ở Sài Gòn, người Việt hải ngoại ở Paris, và một cụ già ở một làng quê Bắc Bộ. Làm thế nào để cả ba đều nhận ra mình trong cùng một văn bản? Đó là thách thức của ngôn ngữ vừa thuần Việt vừa đối thoại quốc tế – giữ được hồn tiếng Việt như một dòng sông cội nguồn, nhưng cũng mở cửa cho những khái niệm, cách diễn đạt mà người trẻ toàn cầu có thể bước vào. Văn học Phật giáo, nếu thành công, sẽ trở thành một chiếc cầu nối qua những vách ngăn của tuổi tác, địa lý và trải nghiệm sống, để mỗi người đọc, dù ở đâu, cũng có thể nghe cùng một tiếng chuông.

Những thách thức này, nếu nhìn bằng mắt sợ hãi, sẽ thành rào cản. Nhưng nếu nhìn bằng tâm Bồ-đề – tâm nguyện đi vào đời để hóa giải – thì chính chúng sẽ trở thành pháp môn: để người viết học kiên nhẫn, người đọc học mở lòng, và văn học Phật giáo học cách đứng vững trong gió, như ngọn đèn không tắt giữa đêm.

V. Con đường xây dựng một nền văn học Phật giáo tâm vóc

Một nền văn học Phật giáo muốn có tầm vóc không thể chỉ dựa vào cảm hứng nhất thời hay sự tận tâm của một vài cá nhân, mà cần một **tâm nhìn dài hạn** cùng một **kết cấu hạ tầng trí tuệ** đủ bền vững để nuôi dưỡng nhiều thế hệ. Đó là hành trình vừa giữ gìn ngọn lửa truyền thống, vừa mở rộng những nẻo đường mới để ngọn lửa ấy chiếu sáng trong thời đại hôm nay.

Thiết lập “kỷ luật thuật ngữ” và chuẩn dịch học

Ngôn từ là chiếc cầu nối giữa tư tưởng và người đọc. Nhưng với văn học Phật giáo, mỗi từ còn là một pháp ấn, một dấu ấn tâm linh. Bởi vậy, cần thiết lập một **kỷ luật thuật ngữ** nghiêm cẩn: thống nhất cách dịch các khái niệm Phật học sang tiếng Việt hiện đại sao cho vừa chuẩn xác vừa dễ tiếp nhận. Những thuật ngữ như “vô ngã”, “duyên khởi”, “tánh không” không thể được dịch tùy hứng hay theo một thời, mà phải giữ được sự nhất quán và độ sâu nghĩa gốc. Mỗi tác phẩm nên kèm theo phần chú giải ngắn gọn ngay trong chính văn, để độc giả dù không có nền Phật học vẫn đọc được và



BÔNG HỒNG TRẮNG MÙA VU LAN

*Vu Lan về, rung rung từng kỷ niệm...
Nghe chuông chùa, con lắng thấp tâm nhang
Bông hồng trắng cài lên áo nhẹ nhàng
Lòng xót xa thương Mẹ giờ xa vắng*

*Mẹ đi rồi, vầng trăng buồn không sáng
Mỗi thu về, con nhớ dáng Mẹ xưa
Từng giọt sầu nhỏ xuống giữa ban trưa
Tựa mưa ngâu thấm hồn con tê tái*

*Ngày xưa ấy, câu ru hời Mẹ hát
Ơi... à ơi... dịu dặt giữa canh thâu
Con lớn khôn, giờ Mẹ ở nơi đâu?
Từng đêm buồn lòng con sầu thốn thức*

*Vu Lan về, nén nhang trầm con thấp
Kính dâng Mẹ lòng báo hiếu tri ân
Nguyện lòng con sống giữa thế trần
Mãi mãi khắc ghi tình Người cao cả.*

NHẬT QUANG

cảm thấu. Xa hơn, cần tạo một **cẩm nang thuật ngữ mở** – kho tư liệu sống động, liên tục được cập nhật và đối thoại, để làm chuẩn mực chung cho giới sáng tác, nghiên cứu và dịch thuật.



Dựng “tủ sách hai tầng”: đại chúng và học thuật

Một nền văn học muốn lan tỏa rộng và bền cần biết **nói chuyện với nhiều đối tượng**.

Tầng đại chúng: bao gồm truyện ngắn, tản văn, ký sự, tiểu luận ngắn... khai thác những đề tài khổ đau đương đại như sức khỏe tinh thần, đổ vỡ gia đình, nghiện công nghệ, bạo lực mạng... Đi kèm mỗi tác phẩm là những hướng dẫn thực tập đơn giản, để người đọc không những hiểu mà còn bắt đầu trải nghiệm sự chuyển hóa.

Tầng học thuật: chuyên sâu vào văn bản học, phê bình mỹ học Phật học, lịch sử văn học Phật giáo Việt Nam từ trung đại đến hiện đại, và các công trình đối thoại triết học liên ngành. Đây là nơi để đào sâu căn cốt, nuôi dưỡng thể hệ tác giả và độc giả có nền tảng trí tuệ vững chắc, từ đó tiếp tục làm mới di sản.

Khơi thông “trường phái phê bình Phật học”

Cần hình thành một phương pháp đọc mang tinh thần Phật học: **đọc dựa trên duyên khởi, vô ngã, tánh không**. Đọc một tác phẩm không như tìm kiếm “bản ngã tác giả” hay một chân lý đóng kín, mà như lần theo một **mạng lưới tương quan**: văn bản – tác giả – độc giả – bối cảnh – thời đại. Ở đó, mỗi yếu tố là một mắt xích trong vòng duyên sinh, không có gì tồn tại độc lập. Phê bình theo tinh thần này không phải để kết án hay áp đặt, mà để mở ra con đường giải khổ, giúp tác phẩm và độc giả cùng trưởng thành.

Liên kết trong – ngoài nước, liên tôn và liên ngành

Văn học Phật giáo không nên khép kín trong cổng chùa hay biên giới quốc gia. Cần mở ra những nhịp cầu: tổ chức các workshop viết thiền, trại sáng tác tại chùa, tu viện, hoặc trung tâm văn hóa; hợp tác đồng xuất bản với các nhà xuất bản hải ngoại để tạo sự giao thoa giữa các cộng đồng Việt ở khắp nơi. Không những vậy, còn cần **đối thoại liên tôn** – cùng các truyền thống tôn giáo khác – và **liên ngành** – với khoa học thần kinh, tâm lý học lâm sàng, truyền thông học... để làm phong phú hiểu biết về tâm, khổ, và con đường chuyển hóa.

Cơ chế khích lệ: giải thưởng – học bổng – lưu trữ số

Một nền văn học lớn cần biết tri ân và khuyến khích. Cần trao giải thưởng thường niên cho những tác phẩm văn học Phật giáo xuất sắc; cấp học bổng cho người trẻ dẫn thân nghiên cứu, sáng tác; và đặc biệt, xây dựng **thư viện số mở** – một kho tư liệu chung lưu trữ văn bản, bản thảo, thư tịch, bài phê bình... để ai cũng có thể tiếp cận, học hỏi và tiếp nối. Thư viện ấy sẽ là ký ức tập thể, một nơi mà mỗi thế hệ đều có thể tìm về như tìm lại nguồn nước đầu nguồn.

Một con đường như thế, nếu được kiên trì xây dựng, sẽ giúp văn học Phật giáo vừa là một nhánh nhỏ trong văn đàn Việt Nam, mà trở thành **một cột trụ tinh thần** – nơi ngôn ngữ, trí tuệ và tử bi gặp nhau, nơi chữ nghĩa không để đọc mà còn để sống, để thở, và để cùng nhau bước tới một xã hội an lành hơn.

VI. Vài nguyên tắc thực hành viết (gợi ý)

Viết trong tinh thần Phật học là tạo ra một tác phẩm, đồng thời là một hành trình tu tập bằng chữ nghĩa. Mỗi trang viết, nếu được thực hiện với chánh niệm, sẽ trở thành một pháp thoại thầm lặng, nơi người viết vừa là người kể chuyện vừa là người hành giả đang bước trên con đường Bát Chánh Đạo. Những nguyên tắc dưới đây không phải giới luật khắt khe, mà là những chiếc móc thiêng để nhắc người viết nhớ phương hướng và phẩm chất của con đường.

Viết như thiền hành

Mỗi câu, mỗi đoạn là một bước chân chánh niệm. Không vội vàng, không kéo lê, mà biết rõ mình đang đặt chữ xuống đâu và vì sao đặt ở đó. Cũng như khi thiền hành, không phải mục tiêu là đi thật xa, mà là thấy từng bước đang đi. Khi viết như vậy, câu chữ không đơn thuần chỉ chuyển tải ý, mà còn mang hơi ấm của sự có mặt trọn vẹn.

Lấy trải nghiệm thật làm gốc, nhưng “chuyển y” thành hình tượng

Cội nguồn của văn học Phật giáo là đời sống thật, không tô hồng, không giả tạo. Nhưng trải nghiệm thật không nên được bê nguyên xi vào trang giấy; nó cần được “chuyển y” – lọc qua hơi thở của ngôn ngữ, qua ánh sáng của quán chiếu, để từ một bi kịch cụ thể nở ra cộng hưởng phổ quát. Như hoa sen từ bùn mà mọc, hình tượng văn học từ khổ đau mà nở rộ, tỏa hương cho nhiều người.

Tôn trọng tiếng Việt

Ngôn ngữ là quê hương thứ hai của người viết. Tiếng Việt, với sự trong sáng và nhạc tính tự nhiên, là kho báu để chuyển tải Phật học mà không cần nặng nề vay mượn. Hãy tiết kiệm thuật ngữ ngoại lai, chỉ dùng khi thật cần thiết và ưu tiên cấu trúc trong sáng, giản dị nhưng giàu nhịp điệu. Chăm chút thanh điệu, khoảng trắng, nhịp nghỉ – vì đôi khi, im lặng giữa hai câu có sức mạnh hơn cả ngàn chữ.

Luôn có một kết cấu “đạo lộ”

Một tác phẩm thấm tinh thần Phật học không những kể chuyện hay bàn luận, mà dẫn người đọc qua một hành trình. Hành trình ấy có thể ẩn hoặc lộ, nhưng vẫn mang một đạo lộ bốn nhịp: mở ra – nhận diện khổ; thân chứng duyên khởi; chuyển hóa; và mở cửa con đường. Khi đọc xong, người đọc không chỉ “hiểu” mà còn thấy mình đang ở một chỗ khác – nhẹ hơn, sáng hơn, tự do hơn.

Tự kiểm

Trước khi phổ biến, hãy đọc lại tác phẩm như một người xa lạ – không dính mắc vào công sức đã bỏ ra. Hãy bỏ đi những câu “tự đắc” vốn chỉ để khoe mình, và giữ lại những khoảng lặng cần thiết – nơi người đọc được quyền hít thở, suy tư, và nghe tiếng của chính mình. Tác phẩm, khi đã ra đời, không còn là sở hữu của tác giả; nó là một pháp duyên, và người viết cần học cách buông để nó tự tìm đường đến với những ai hữu duyên.

Viết như thế, mỗi trang giấy sẽ là sản phẩm văn chương, đồng thời là một pháp môn sống, có thể đồng hành cùng người đọc như một người bạn hiền, một tấm gương soi, hoặc một tiếng chuông tỉnh thức giữa chợ đời ồn ã.

VII. Kết lời: văn học như một hạnh

Văn học Việt Nam hiện đại, sau bao lần đứt – nối – tái định nghĩa, đang cần một nguồn minh triết không lên gân, một đạo đức thẩm mỹ không giáo điều. Văn học Phật giáo có thể là câu trả lời: không phải bằng những khẩu hiệu tâm linh, mà bằng những văn bản giúp con người thấy rõ khổ – nguyên nhân của khổ – khả thể chấm dứt khổ – con đường đi tới.

Người viết, nếu đủ nhẫn nại học lại tiếng Việt như học hơi thở; đủ kỷ luật để xem ngôn ngữ là pháp môn; đủ lòng để nhìn tha nhân như chính mình trong vô số tương duyên—thì mỗi truyện ngắn, mỗi bài thơ, mỗi trang tiểu luận sẽ là một cội đèn nhỏ giữa thời đại nhiều đêm tối. Và đọc giả, nếu đủ can đảm đọc chậm, dừng lại trước một dấu chấm, nghe trong khoảng trắng tiếng chân của hư vô, thì văn học sẽ không còn chỉ là “tác phẩm” mà trở thành “hạnh”—một cách sống.

Đến đây, chúng ta không cần hỏi “văn học Phật giáo là gì” nữa. Hãy viết – đọc – sống theo tinh thần ấy. Rồi một ngày, nhìn lại những trang đã lật qua, ta sẽ nhận ra: không phải văn chương đã cứu rỗi ta, mà là trong khi cố gắng viết cho đúng và đọc cho thấu, ta đã tập bước những bước đầu tiên trên con đường giải khổ cho mình và cho người. Và đó là lý do văn học vẫn còn đáng tin, đáng làm, đáng dẫn thân—giữa cơn lốc của thời gian hiện đại.

Mặc Cốc - Yuma, ngày 12 tháng 8 năm 2025

HUỆ ĐAN





Có Trăng, Ta Vẫn Không Quên Đèn

TUỆ UYÊN NHI

Có những đêm trăng sáng, đất trời như khoác lên tấm áo lụa mỏng, tinh khôi và yên bình. Giữa sự tĩnh lặng ấy, người ta dễ lầm tưởng rằng chỉ cần ánh trăng là đủ. Nhưng không, có trăng, ta vẫn giữ cho mình một ngọn đèn.

Không phải vì trăng không đủ sáng, mà ta biết rằng, ánh sáng bên ngoài dù huy hoàng đến mấy cũng không thể soi rõ hết được những bộn bề trong tâm, có những lối đi chỉ đèn tâm mới soi tỏ. Trăng là món quà từ trời, đèn là sự gìn giữ từ ta. Giữa sáng và tối, giữa tĩnh và động, người biết thắp đèn giữa trăng mới thật sự bước đi vững chãi mà không lạc lối.

Trăng là sự tĩnh thức của đất trời. Đèn là sự tĩnh thức của con người. Trăng chiếu sáng khắp không gian. Đèn soi rọi từ trong nội tâm. Có trăng, ta không si mê giữa đời. Có đèn, ta không lạc lối giữa chính mình.

Có người ngắm trăng chỉ mãi mê ngợi ca vẻ đẹp. Nhưng có người nhìn trăng mà lặng lẽ soi lại tâm mình. Và giữa sự tĩnh lặng ấy, ngọn đèn lại được thắp lên, không phải để xua tan bóng tối, mà để nhắc mình đừng ngủ quên trong ánh sáng.

Cuộc đời có lúc như trăng rằm, đầy đủ, viên mãn. Nhưng cũng có lúc lại như trăng khuyết, hao mòn, lặng lẽ. Nếu ta chỉ dựa vào ánh trăng mà không giữ được ngọn đèn trong tay, thì khi mây kéo đến, bóng tối sẽ làm ta sợ hãi.

Đèn là chánh niệm. Trăng là cơ duyên. Có duyên mà không chánh niệm, duyên sẽ trôi đi như trăng tàn. Có chánh niệm mà không duyên, thì vẫn giữ được ngọn đèn sáng để chờ đợi trăng lên.

Tu hành là vậy. Không phải chỉ khi đời tối tăm mới cầu ánh sáng. Mà ngay cả khi đời sáng trong, cũng vẫn giữ một ngọn đèn nơi lòng, khiêm cung, tĩnh thức, và vững chãi.

Có trăng, ta không quên đèn. Vì đèn là lời thệ nguyện, là ý chí, là trí tuệ giữa những thử thách có thể khiến ta quên đường về.

Và khi trăng tàn, ta vẫn không sợ. Vì ngọn đèn... vẫn còn đó, vẫn đang chiếu sáng tâm hồn ta.

KHÚC NGUYỆN CẦU

Nguyện làm một đóa hồng tươi
Cài lên áo mẹ rạng ngời niềm vui
Gieo neo năm tháng ngọt bùi
Thân cò khuya sớm ngậm ngùi lòng tôi.

Bốn mùa sông nước đầy vơi
Nắng mưa vẫn ngọt những lời ca dao
Ấn tình mấy chữ cù lao
Đi không hết đất còn bao nẻo đường.

Nguyện làm giọt nước yêu thương
Thắm xanh cây cỏ ven đường mẹ qua
Lung linh sáng ánh trăng ngà
Thấp lèn hy vọng chan hòa nắng mai.

Ước mơ là cánh chim bay
Về bên gối mẹ những ngày còn thơ
Phù sa bồi đắp đôi bờ
Mẹ như hương bưởi thơm tho lòng người.

TÂM SEN CỦA PHẬT

Cuối đường bóng ngã chiều rơi
Xác thân trần thế nhỏ nhoi vô thường
Hình hài hoàn lại cố hương
Con thuyền bất định sóng dồn đục trong.
 Đời như chiếc lá phiêu bồng
 Lạc bờ bến lạ buồn không cửa nhà
 Xin làm một hạt mưa sa
 Nương nhờ kinh kệ đường xa cũng kẻ.
Chìm trong bể đục sông mê
Trượt dài xuống dốc bánh xe luân hồi
Tử sinh kiếp nạn không rời
Cửa thiền rộng mở chứng lời Như Lai.
 Giữ lòng thanh tịnh người ơi
 Tâm sen của Phật rạng ngời sáng trong
 Đi qua giữa chốn bụi hồng
 Thế gian bèo ảnh huyễn không giữa trời.
Cánh chim bé nhỏ ngàn khơi
Bay trong giông bão phận người treo chuông
Chông gai thử thách dần buông
Con đường chánh pháp cội nguồn chân như.



TIẾNG CHUÔNG CHÙA

Chuông chùa mỗi sớm ngân nga
Thanh âm trầm lắng chén trà thoảng hương
Bốn mùa dầu dãi gió sương
Nghe lòng thanh thoát tình thương dạt dào.

Sân thiền sen nở nhiệm màu
Không gian tĩnh lặng ngọt ngào thương yêu
Vắng trong nắng sớm mưa chiều
Voi bao phiền muộn gói nhiều nghĩa nhân.

Tiếng chuông bình dị trong ngần
Gột bao bụi bậm hồng trần trôi đi
Gieo trồng hạt giống từ bi
Giọt sương tịnh độ khắc ghi vào lòng.

Phồn hoa phố thị hư không
Diệu huyền nhẹ bước bồng bồng chân mây
Thiện lành tâm nguyện Phật đài
Tinh cao hơn núi nghĩa dài hơn sông.

Chuông chùa vọng giữa mệnh mông
Câu kinh lời kệ thoát vòng trầm luân
An nhiên giữa chốn bụi trần
Hồi chuông đánh lễ phước lành hạnh nguyên.

Thơ TÔN NỮ MỸ HẠNH



TƯƠNG QUAN THẦY THUỐC, BỆNH NHÂN

Bs. Nguyễn Ý Đức

Tuổi dù cao, mà không bệnh hoạn, thì sức khỏe tương đối vẫn còn khả quan.

Tuy nhiên cơ thể về già, cũng như cái máy xe hơi chạy trên trăm ngàn dặm, có những bất thường, chẳng giống ai. Ta mất đi một số khả năng thích ứng với ngoại cảnh và bệnh tật, nên đã đau thì thường trầm trọng hơn và kéo dài lâu hơn. Dấu hiệu bệnh không giống như ở người trẻ. Chẳng hạn khi sưng phổi thì ta hay than phiền mệt mỏi, yếu sức toàn thân, rối loạn tâm thần, còn người trẻ thì có triệu chứng rõ ràng như ho, nóng sốt.

Phản ứng của ta với bệnh tật cũng khác. Nhiều người có bệnh mà không nói ra vì tính tình chịu đựng, đôi khi nghĩ là dù có khai với bác sĩ, ông ta lại bảo tại già nó vậy, hoặc e ngại bác sĩ sẽ thực hiện nhiều thử nghiệm, lấy máu, phiền phức, đau đớn.

Một số người cao tuổi có nhiều bệnh, uống nhiều thuốc khác nhau do nhiều bác sĩ cho toa. Họ cũng thường đi khám bác sĩ nhiều hơn người ở các tuổi khác. Những phức tạp, khác với bình thường đó đặt ra vấn đề tương quan giữa thầy thuốc và bệnh nhân, sao cho đôi bên đều thỏa mãn trong tình nghĩa phúc chủ, lộc thầy.

Sự đào tạo bác sĩ

Với bệnh nhân, thầy thuốc là người sẽ định bệnh, làm giảm sự đau đớn, cho biết diễn tiến bệnh, phục hồi khả năng đã mất, và phương cách ngừa bệnh tái phát. Người bệnh, khi đã lựa được thầy thuốc thích hợp, thì đặt mọi tin tưởng vào thầy thuốc, và mối tương quan sẽ tốt đẹp. Để lựa một lương y, ta cần biết về thành tích chuyên môn cũng như đức độ của họ.

Ngày nay, bác sĩ đều được đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế với 4 năm dự bị, 4 năm y khoa rồi từ 3 tới 5 năm chuyên khoa để được coi như tinh thông y nghiệp.

Người bác sĩ đầu tiên mà ta tiếp xúc mỗi khi đau ốm là thầy thuốc riêng của mỗi gia đình. Vị này có thể là chuyên ngành y khoa gia đình, nội khoa, nhi khoa, phụ khoa hay giải phẫu tổng quát. Họ được huấn luyện để khám và trị căn bản, rồi sau đó nếu cần sẽ gửi đi chuyên khoa riêng biệt. Họ còn giúp ta phòng ngừa bệnh tật, như chích

ngừa, làm thử nghiệm tìm ung thư tử cung, nhiếp hộ tuyến, thử máu kiểm soát lượng cholesterol, đường trong máu. Những tiểu giải phẫu như khâu vết thương, mổ một mụn nhọt cũng được họ thực hiện ngay tại phòng mạch. Họ cũng chữa các bệnh thông thường về ngũ quan.

Với kiến thức tổng quát rộng, họ sẽ là người phối hợp việc trị bệnh của ta với các bác sĩ chuyên khoa từng bộ phận, giải quyết những ý kiến khác nhau về cách điều trị. Thường thường, họ rất dè dặt, cẩn thận trong việc trị bệnh.

Các bác sĩ chuyên môn riêng biệt đều được huấn

luyện thêm vài năm về bệnh của một bộ phận cơ thể. Có bác sĩ chuyên về ngoài da, dị ứng, đường ruột, tim mạch, tiết niệu, xương khớp... Họ thường phải qua một kỳ thi để được chính thức công nhận và giới thiệu tước vị chuyên môn.

Ngoài kiến thức rộng, cập nhật hóa về bệnh, họ còn sử dụng các kỹ thuật khám phá, truy tìm nguyên nhân bệnh tận kỳ hơn, cần khéo tay, kinh nghiệm hơn, như kỹ thuật thông tim, cắt một nhúm tế bào ở thận, ở phổi, ở gan, nhìn vào ống phổi, ruột non, ruột già, hay khâu vết thương nhỏ



MoFarrelly (Pixabay.com)

trên võng mạc. Ta cần các bác sĩ này khi có một bệnh hiểm hay biến chứng mà bác sĩ gia đình ngần ngại giải quyết, hoặc sau thời gian điều trị, bệnh không thuyên giảm, hoặc ta cần những thử nghiệm ngoài phạm vi của bác sĩ gia đình.

Chúng ta đừng e dè khi gợi ý xin tham khảo chuyên môn vì bác sĩ gia đình thường rất vui vẻ giới thiệu, hơn nữa họ cũng không muốn bị liên lụy pháp lý nếu có chuyện gì xảy ra cho người bệnh.

Từ vài thập niên vừa qua, đã có một số bác sĩ chuyên về lão khoa, hoặc qua vài năm huấn luyện chính thức, hoặc do kinh nghiệm điều trị người già. Số bác sĩ này vẫn còn rất ít, nên thường được sử dụng trong việc săn sóc người cao niên yếu đuối với một nhóm chuyên viên về lão bệnh như người làm công tác xã hội, y tá, dinh dưỡng viên, chuyên viên phục hồi, dược sĩ... để đánh giá khả năng sinh hoạt, tình trạng sức khỏe của người già yếu đuối, đề nghị một chương trình săn sóc, điều trị hầu mang lại một số chức năng cho quý vị này.

Lựa chọn bác sĩ

Nói đến đức độ, thì người ta lại nghĩ đến câu "lương y như từ mẫu". Người mẹ hiền đức ngọt ngào, nhẹ nhàng với con, nhưng không quá nuông chiều, hiểu con, sẵn sàng cho con, chỉ dạy cho con từ đường đi nước bước, sao cho con trở nên người. Một lương y cũng cần có một vài đức tính của người mẹ hiền, vì khi đau ốm, ta trở nên bất lực và phụ thuộc, như đứa trẻ thơ.

1- Kinh nghiệm.

Kinh nghiệm thâm耑耑 qua sự việc đã gặp, đã làm. Một bác sĩ tốt gặp trường hợp bệnh mới, phải tham khảo sách báo, đồng nghiệp, suy nghĩ kỹ càng trước khi định bệnh, rồi ra đơn thuốc. Gặp bệnh đó vài lần, trở thành có kinh nghiệm, lần sau thấy là chẩn đoán, điều trị tức thì. Cũng như một bác sĩ giải phẫu giàu kinh nghiệm, một mình trên bàn mổ, có thể thay đổi chiêu thức đường dao để hoàn thành trường hợp mổ khó khăn.

Tuổi tác không phải là bảo chứng của kinh nghiệm, vì người thầy thuốc già vẫn có thể phạm cùng một lỗi lầm nhiều lần. Vì thế, khi có bệnh khó, ta nên đến bác sĩ được biết có kinh nghiệm về bệnh đó, ta sẽ được săn sóc đúng thầy đúng thuốc.

2- Danh tiếng.

Nổi tiếng có thể hoặc xấu hoặc tốt. Nổi danh



về y nghiệp, về y đạo, về giao tế nhân sự. Nổi danh do nhận xét của bệnh nhân, của đồng nghiệp, của nhân viên hợp tác.

Có những nhận xét công bằng, thì lại cũng có nhận xét thiên lệch, vì những lý do khác nhau. Nhưng nhận xét nào được nhiều người nhắc đi nhắc lại thì chắc là đáng tin cậy hơn.

3- Sẵn sàng phục vụ.

Bệnh đến bất thường, kêu bác sĩ gia đình, chỉ thấy tiếng máy trả lời bác sĩ đi nghỉ hè, xin liên lạc với bác sĩ trực phòng cấp cứu nhà thương, thì thực là quá thất vọng.

Bác sĩ đồng khách, muốn xin hẹn phải đợi cả tháng, thì cũng rất bất tiện. Đâu còn cứu bệnh như cứu hỏa.

Thành ra, khi lựa các bác sĩ, nên hỏi rõ vài chi tiết như:

chẳng may đau ban đêm, tôi sẽ phải liên lạc với ai; bác sĩ nào trong nhóm sẽ trực khi có khẩn cấp; khi nhập viện, bác sĩ có vào khám bệnh tôi mỗi ngày; khi cần khám giữa kỳ hẹn, tôi có được gặp bác sĩ hay người khác.

Thường thường một nhóm nhỏ bác sĩ hợp tác với nhau, họ thay phiên trực thì ta dễ có cơ hội gặp bác sĩ gia đình hay bác sĩ quen khi có khẩn cấp, nhờ đó nhu cầu trị bệnh được thỏa mãn dễ dàng.

4- Tác phong.

Như một từ mẫu, bác sĩ thường được bệnh nhân hy vọng là sẽ đối xử với mình chu đáo, hiểu biết, chịu đựng. Thầy thuốc tốt sẵn sàng dành thêm chút thì giờ giải thích rõ bệnh trạng, diễn tiến, biến chứng, phương cách trị liệu, đề phòng tái phát bằng ngôn ngữ dễ hiểu. Bệnh nhân sẽ thỏa mãn hơn nếu được bác sĩ yêu cầu góp ý kiến vào việc trị bệnh.

Bác sĩ cũng đối xử không quá nghiêm khắc, lạnh nhạt, kiêu kỳ, coi nhẹ nhân vị bệnh nhân. Khi bệnh nhân không vui lòng với thầy thuốc thì họ đi kiếm bác sĩ khác, đổi bảo hiểm, lơ là với chỉ dẫn của bác sĩ. Nhiều lúc bệnh nhân già ta cũng dễ dàng chấp nhận sự bần tính của người thầy thuốc cao tuổi nhưng tận tâm và có khả năng.

Bổn phận bệnh nhân

Đã có những đòi hỏi của bệnh nhân với thầy thuốc, thì ngược lại thầy thuốc cũng có vài yêu cầu mà ta cần đáp ứng, vì sau khi đã lựa chọn được vị bác sĩ vừa ý, ta đã trở nên thân chủ của họ. Là người bệnh, người hưởng thụ chăm sóc y tế, ta có những trách nhiệm phải thực hiện để việc đi khám

bác sĩ mang lại kết quả tốt đẹp.

1. Đã có hẹn, thì giữ hẹn, tới sớm một chút để có thì giờ ngồi nghỉ, coi lại những điều cần khai với bác sĩ. Nếu không giữ được hẹn, nên thông báo trước 24 giờ để bệnh nhân khác có thể được thay thế vào hẹn của mình.

2. Viết sẵn chi tiết bệnh với triệu chứng, tập trung vào điểm chính yếu, những thắc mắc muốn hỏi. Nếu có thể, ghi những bệnh quan trọng mà người thân trong gia đình đã, đang có.

3. Mang tất cả các dược phẩm đang uống để bác sĩ coi, tránh trường hợp cho thuốc giống nhau. Có thân nhân đi cùng cũng tốt vì người này nhắc ta câu hỏi bị quên, hay nhắc lại cho ta lời chỉ dẫn của bác sĩ.

4. Trình bày chính xác, rõ ràng về bệnh trạng của mình. Thí dụ đau, thì đau ở đâu, từ bao giờ, đau như thế nào, làm gì để bớt đau.

Đặt câu hỏi cho tới khi hiểu rõ bệnh trạng, cũng như trả lời câu hỏi đầy đủ.

Yêu cầu bác sĩ giải thích theo ngôn từ bình dân, dễ hiểu, dễ nhớ.

Sự hài lòng với sẵn sóc y tế tùy thuộc phần lớn vào hiệu quả sự thông cảm, đối thoại giữa thầy thuốc và bệnh nhân.

5. Về nhà, dùng thuốc, ăn uống, nghỉ ngơi đúng theo chỉ dẫn. Liên lạc với bác sĩ ngay khi có triệu chứng bất thường hoặc có tác dụng không muốn của dược phẩm.

6. Giữ đúng hẹn để được theo dõi kết quả việc trị liệu.

Trên đây là tương quan điều trị khoa học, giữa người có bệnh với người làm bớt bệnh.

Gần đây, khía cạnh tôn giáo trong tương quan này đã được nêu lên. Một cuộc nghiên cứu phối hợp của nhiều trung tâm y học có uy tín ở Mỹ đã đi đến kết luận là: tôn giáo có nhiều tác dụng tích cực vào sức khỏe của người cao tuổi, nhất là về sức khỏe tâm thần; và thầy thuốc nên thảo luận về tôn giáo với bệnh nhân, đôi khi cùng cầu nguyện, khi được yêu cầu.

Người cao tuổi thường tin tưởng vào tôn giáo hay đi lễ. Có người cho thân xác của mình là của Thượng đế, mọi lạm dụng (như ghiền rượu, thuốc), hoặc lơ là chăm sóc là ngược lại với giáo lý, đức tin, cho nên đi trị bệnh là làm bốn phận đối với Thượng Đế. Cũng có người quá tin lại nghĩ bệnh là do sự trừng phạt của Thượng Đế vì những tội lỗi đã phạm, nên chịu đựng sự trừng phạt mà không đi chữa trị, hoặc chờ khi được tha thứ thì hết bệnh.

Vì tính cách quan trọng của tôn giáo với người cao tuổi, nên đã có đề nghị trong chương trình đào tạo bác sĩ bao gồm phần nói đến ảnh hưởng đó trong việc trị liệu, và nhấn mạnh tới tương quan giữa tôn giáo và sức khỏe.

KÍNH GỬI MẸ CHA

*Cực khổ chua cay ném đủ rồi
Lưng còng tóc bạc nghỉ ngơi thôi
Ngày bên thôn xóm vui bầu bạn
Đêm hương trăng trong sáng giữa trời*

*Ngắm vườn hoa nở quanh tre trúc
Nhìn cháu con vui miệng mỉm cười
Con ở phương này con vẫn khỏe
Chín nhớ mười thương dáng đứng ngồi.*

Thơ TRẦN TOÀN



Mối tương quan thầy thuốc và bệnh nhân ở các quốc gia kỹ nghệ cao ngày nay chịu nhiều chi phối bởi các nhóm tài phiệt, thương mại. Thầy thuốc bị giới hạn trong việc trị bệnh, người bệnh bị hạn chế quyền được chăm sóc y tế. Lương y trở thành người cung cấp dịch vụ, thân chủ là giới thụ hưởng. Mỗi giao hảo trở nên lỏng lẻo, sòng phẳng, đôi khi căng thẳng vì nếu có sơ hở là đôi bên đổ vỡ, làm giàu cho nhóm người nhiều mưu mẹo pháp lý.

Nhưng, để sinh tồn, đôi bên vẫn phải giữ giao hảo tốt đẹp với nhau, để một bên hưởng lợi nhuận kinh tế, một bên có sức khỏe bình an. Ngõ hầu cùng mong được an hưởng tuổi vàng.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

SINH NHẬT

NÊN NHỚ NGHĨ TỚI CÔNG ƠN MẸ, CHA

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

*Trả Hiếu Mẹ Cha hưởng Phước nhiều.
Vận may sẽ đến, biết bao nhiêu.
Làm con luôn nhớ điều này đúng.
Thực tập thường xuyên, chớ bỏ liều!*

*Trước ngày Sinh Nhật nên đọc chú vãng sanh.
Một ngàn tám chục biến khi xong nguyện cầu:
Tứ Thân Phụ Mẫu về Tây Phương thật mau.
Đó mới xứng Đền Đáp Ân Sinh Thành.*

*Tứ thân phụ mẫu còn sống ta làm gì?
Tu tạo nhiều công đức rồi thì nguyện xin:
Bốn vị thích Niệm Phật và thường Phóng Sinh.*

Giúp đỡ kẻ khó tạo Phước lành để khi...

*Sinh nhật đã đến, quả thật sang!
Đờn ca, nhảy nhót quá rành rang.
Mãi vui, quên hết công ơn Mẹ.
Cái lệ từ xưa, quá rõ ràng.*

*Ngày Sinh nhật phải nhớ cho rành.
Nghĩ những cảnh gì, lúc Mẹ sanh:
Lo lắng, bồi hồi, đau quặn thắt.
Mừng vui, con khóc, biết điều lành.*

*Nuôi trẻ thơ, người mẹ rất lo.
Lớn lên, mấy đứa nhớ ơn cho.
Biết rồi, thăm hỏi, đền ơn Mẹ.
Chúc Mẹ an vui: thật bất ngờ.*

*Mẹ vào phòng đẻ, Bô bên ngoài.
Hồi hộp, lắng lắng, cổ lẳng tai.
Chờ đợi thấy lâu, tim đập mạnh.
Oe oe tiếng khóc, mặt vui ngay.*

*Gánh nặng gia đình, việc của cha.
Làm ăn vất vả, chẳng nề hà.
Mong sao con lớn, lo chăm học.
Trả nghĩa dưỡng nuôi, rạng tiếng nhà.*

*Cha mẹ bên ta mấy chục năm.
Bỏ tiền, công sức để nuôi chăm.
Sao ta quên hẳn công ơn ấy?!
Nỡ để song thân chịu khổ thăm.*



*Cha Mẹ nuôi năm, bảy đứa con.
Chịu bao khổ cực, chẳng hề sờn!
Về già, nuôi dưỡng riêng mình Mẹ.
Chẳng đứa chịu lo, thật bất nhơn.*

*Về già hết của sống nương con.
Mỗi đứa chịu nuôi một tháng tròn.
Tới hạn phải đi qua đứa khác.
Có còn cảnh khác, bạc hơn không?*

*Sinh con trai thật quá vui mừng
Phụ mẫu tuổi già, chúng dừng dừng.
Con gái chào đời, không mấy thích
Mẹ cha tuổi xế, chúng chăm thương.*

*Mừng thọ Mẹ Cha cúng vịt gà
Thọ đâu không thấy, rước Oan Gia
Tuổi đời sẽ Giảm nhiều năm tuổi
Nay đã biết rồi, cổ Trách Xa.*

*Mẹ Cha quá vắng, cố làm ngay
Tu tạo nghiệp lành, tính số ngày
Sinh Nhật, nguyện cầu cho phụ mẫu
Được về Cực Lạc, thật mừng thay!*

*Mong sao thành lệ, cứ hàng năm,
Sinh nhật tới ngày, đáp nghĩa thâm
Cha Mẹ mừng vui: nhà có Phước
Tiếng con Hiếu Thảo: đẹp trắng rằm.*

Lệ này, cứ vậy, tạo thành quen
Con cháu lâu ngày, sẽ khó quên
Được vậy, tỏ ra lòng hiếu thảo
Phước lành càng tạo, Nghiệp càng bền.

Nghe qua tật xấu các con rồi
Ai phạm lỗi nào, cố sửa thôi.
Được vậy tiếng thơm con có Hiếu
Làm gương con cháu mãi nhiều đời.

Ngày giỗ Mẹ Cha cúng mặn để đãi đằng,
Phụ mẫu "bị chìm xuống" có cần gì đâu.
Miễn mời nhiều khách: bia, rượu ngất cần câu.
Rằng ta Hiếu Thảo để ai đâu sánh bằng.
Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể.
Con nuôi cha mẹ, kể tháng kể ngày (Ca dao)
Cảnh này khá phổ biến ở thời nay.
Người con hiếu thảo tránh ngay không làm.

Thân tâm con người lỡ có vết nhóp dơ
Phải cố tâm, tức tốc từng giờ sửa sai.
Mối đảm bảo phẩm chất hữu dụng tương lai
Tạo động lực vì diệu đổi thay cuộc đời.

Nếu bài Chia Sẻ Phật Pháp lợi cho ta.
Hãy chuyển đến những bạn gần xa thực hành.
Họ được lợi, mình thêm Phước rõ ràng
Hạnh Tùy Hỷ Công Đức chớ đành bỏ qua.
(Làm ơn SHARE qua trang FB cá nhân của mình)

Chúng tôi thành tâm kính mong quý bạn đạo hữu duyên từ nay thử thực hành điều chúng tôi vừa đề nghị. Được vậy, chúng ta đang tỏ lòng hiếu thảo với mẹ cha đó. Lòng Hiếu Thảo đứng đầu trong các hạnh lành, nên cứ cố dịp tỏ bày, chúng ta cố nhớ đừng bỏ qua. Với cha mẹ đã quá vắng, xin hãy đọc chú vãng sanh, một phút đọc được 4 biển. Còn cha mẹ hiện sống, làm nhiều việc lành rồi hồi hướng cho họ. Đồng thời nên nhắc nhở Cha Mẹ cố Tu Tập Phật pháp như Bồ Thái, Cúng Dường, Phóng Sanh, Niệm Phật, Ăn Chay và dự những khóa lễ Sám Hối và Bát Quan Trai.

Nếu có nhiều người cùng hưởng ứng, chúng tôi xin đem công đức này hồi hướng tất cả pháp giới chúng sanh tương lai đều sanh về Tịnh độ.

Xin chân thành cảm ơn quý vị đã đọc bài viết và thực hành.



Câu chuyện Phật nhận con

Soạn giả: HT. Thích Minh Chiếu

(Truyện Cổ Phật Giáo)

Khi Phật trở về nước Xá Vệ, vào trong Vương cung thì bà Cung phi Da Du Đà La đến nép xuống mà lạy chào. Vua cha Tịnh Phạn bèn thuật lại cho Ngài rõ rằng:

"Từ khi Thái tử bỏ cha, lìa vợ, dứt con mà đi tìm đạo, thì nàng ở trong cung rất niềm hiếu thuận, nét hạnh và giữ nghĩa cùng chồng, việc nhà trọn vẹn. Khi nghe tin Thái tử tu khổ hạnh thì nàng ở trong cung cũng làm như vậy, bỏ những việc hầu hạ và sự cung phụng, lìa bỏ giường ngà, chiếu ngọc, lại cũng không trang điểm như trước nữa".

Khi đó bà Da Du Đà La bèn dắt con là La Hầu La ra cho cha thấy mặt. Lúc ấy trong hàng quyến thuộc của Phật thấy vậy, thì ai cũng nghĩ rằng: "Ngài đã bỏ cha mẹ vợ con, bỏ nước đi tu lâu rồi, mà bà cung phi của Ngài làm sao lại có thai sinh ra người con như vậy?" (Bà có thai 6 năm mới sinh La Hầu La).

Phật hiểu ý những người quen thuộc nghĩ như vậy bèn nói rằng:

- Nàng Da Du Đà La vốn thiệt là người chân chính, thanh tịnh chẳng có nhiễm một chút chi mà phải ngại, làm cho tội nghiệp thân nàng, nếu chẳng tin, thì ta làm phép mới rõ chân giả.

Phật nói rồi, liền dùng phép thần thông làm cho mấy vị Tỷ Kheo theo hầu, ai nấy cũng đều biến thân hình ra như Phật, không khác chút nào cả. Bà Da Du Đà La bèn lấy chiếc nhẫn ấn tín đương đeo nơi thân mình mà trao cho con là La Hầu La và bảo rằng:

- Con nhìn người nào là cha của con, thì con đem chiếc nhẫn này trao cho người ấy.

La Hầu La liền lấy chiếc nhẫn trao đúng cho Phật. Rồi Phật dùng thần thông làm cho các vị Tỷ Kheo kia hiện lại nguyên hình. Vua cha và những người trong hàng quyến thuộc thấy vậy rất vui mừng và khen rằng:

- La Hầu La thiệt là con của Phật.

Phật ở lại Vương cung ít lâu thì Vua và bá quan nghe pháp đều phát tâm tu hành, còn tất cả trong hàng cung phi mỹ nữ cũng đều thọ Pháp Tam qui, Ngũ giới, chăm tu phạm hạnh, càng ngày càng tấn tới, cho nên cảm được khí hậu điều hòa, mưa hòa gió thuận, lúa đậu được mùa, nhân dân no ấm, và các nước lân bang đều kính phục.

TÂM MINH



*"- Trời tối, nhân gian mờ mịt quá!
Giờ này Thái tử định đi đâu?
- Chính đời mờ mịt nên ta phải,
Đi để tìm ra ánh nhiệm màu!
- Ngày mai, bao kẻ trong tang khóc,
Ly biệt, thưa Ngài, nỗi khổ đau!
- Ta sẽ trở về khi thấy đạo,
Giải thoát nhân gian vạn thảm sầu!"*



CHƯƠNG MƯỜI TÁM

Nàng cười khúc khích mãi ở chi tiết đoàn tù bị lừa xuống ao để tắm. Nhìn nàng cười vui, tôi cũng cười theo. Nàng nói:

"Như vậy, từ hai năm nay, lần tắm hôm qua ở nhà em là lần thoải mái nhất, sáng khoái nhất cho anh, phải không?"

"Hẳn nhiên rồi. Hai năm rồi mới được tắm một cách dàng hoàng như một con người. Mà chuyện ấy chưa thấm gì đâu. Còn nhiều trò man rợ, hãi hùng và buồn cười hơn nữa kia. Trong đó, có chuyện không tiện kể cho em nghe đâu..."

"Cứ kể tự nhiên đi mà, không tiện thì nói hé hé một chút, em cũng đoán ra..."

Tôi cười nhìn cái vẻ nhí nhảnh trẻ con mà đáng ra không có ở tuýp người nghiêm trang nề

nếp như tôi nhận xét về nàng lúc đầu. Tôi nhấp cà phê, cười tùm tùm với nàng, rồi tiếp...

Năm phút sau giờ cơm tối, chúng tôi được anh nuôi phát cho mỗi người một nửa ca nước nóng để uống. Cũng như bữa ăn lúc trưa, nước này vừa dùng để rửa cái ca hay cái gà-mên nhận cơm của mình lại vừa lấy chính nước rửa đó làm nước uống. Suốt ngày chúng tôi bị cùm trên sạp gỗ, không được ra ngoài, nên phải tiểu tiện đại tiện tại chỗ (vào cái lon sơn mà anh trực vệ sinh mang đến); tắm rửa thì chỉ kịp hụp đầu xuống nước hồ sen hai lần sao cho kịp hai phút mà cai tù đếm số, không có thì giờ đánh răng súc miệng, không có thì giờ giặt đồ (muốn giặt thì phải nhịn

tắm vì phải lấy chính hai phút tắm mà giặt thật nhanh áo quần của mình)... Lo vệ sinh cho chính thân thể còn không được xem là trọng thì chuyện rửa sạch cái ca lẫn cơm, vật ngoại thân, hẳn nhiên là không cần thiết gì cả.

Vừa nhấp được vài tợp nước đã nghe loa phóng thanh từ góc rào nào đó the thé cất lên tiếng hô xung phong của một nữ du kích quân chống Mỹ cứu nước. Nghe qua đã thấy rung mình ớn lạnh trong người. Thực ra đó chẳng phải là tiếng thúc quân đánh trận, mà là tiếng hát đấy! Hát thế nào mà tôi là người Việt vẫn không hiểu gì cả, cứ y như là nghe một bài ca tiếng Tàu vậy. Bài ca Tàu thì còn đỡ. Giống như cô gái Tàu nào đang cãi lộn với hàng xóm hoặc bị người ta rượt đuổi, la lên cầu cứu. Tội nghiệp. Khi đã nghèo, đã mệt thì nghèo



mặt đến tận cùng lời ca tiếng hát. Cảm hứng của một nghệ sĩ chân chính có thể sáng tác được một nhạc phẩm bất hủ cho triệu người thưởng thức nhưng lòng hăng hái nhiệt thành của hai triệu người đối với lý tưởng thì chỉ nẻ ra được một thứ tiếng thét vô hồn chẳng ai nghe lọt được lỗ tai. Dốt đẻ ra dốt. Nghèo đẻ ra nghèo. Không phải cái gì do tập thể cùng làm thì cái đó phải tốt đẹp. Chất liệu tồi tàn thì có cố gắng cách mấy cũng chỉ tạo ra những thành quả èo uột, thô kệch. Người ta tưởng rằng con người trong cuộc đời giống như con chuột trong ống cống: hễ chặn đầu này thì ắt nó phải chạy đầu kia. Muốn mọi người ulla về một phía thì cứ việc cấm đoán ngăn chặn kỹ lưỡng ở phía này. Cho nên mới tập trung tất cả phương tiện để cổ xúy cho một đầu mối của lương cực. Thế giới và tâm thức con người trở nên *"điên đảo mộng tưởng"* thêm là từ chỗ đó. Đầu phải cứ bắt buộc mọi người phải hồ hởi và phải tin vào sự vinh quang vĩ đại của chủ nghĩa thì mọi người sẽ hạnh phúc ầm no! Cũng không phải cứ cười lên thì sẽ có hạnh phúc. Có hạnh phúc đi, thì tự khắc nụ cười sẽ nở trên môi. Không có phương pháp cười, không có hình thức cười, không có nỗ lực cười, không có sự tập luyện cười. Không có cái cười nào thực sự là nguyên nhân của hạnh

phúc. Chỉ có hạnh phúc thật sự của tự tâm mới làm nở ra những nụ cười chân thật. Cả cái xã hội múa rối cải lương này thực ra chỉ sống với những nụ cười lừa dối, gương gạo. Người ta biết vậy nhưng cứ giả đồ tin tưởng là có một thứ hạnh phúc nào đó qua những nụ cười vô hồn, rỗng tuếch—vì nếu đánh mất lòng tin tưởng này thì họ có thể bị người cùng hội cùng thuyền cho rằng mình không đủ cao siêu, không đủ trình độ để lãnh hội và thưởng thức cái phương pháp do thần tượng cóc nhếch hoặc phóng tướng ra. Cuối cùng, có những người máy biết nói, biết viết, biết làm thơ, và biết ca hát... Ai cũng có thể trở thành nghệ sĩ trong cái ống cống: nói mãi về một chuyện, cười mãi bằng một cách, hạnh phúc sẽ từ đâu đó có mặt.

Nhạc vừa dứt, bài học chính trị bắt đầu. Bài học về chính sách cải tạo thương nghiệp và hợp tác hóa nông nghiệp. Những bài học này hình như đã được viết và thi hành từ cuối thập niên trước. Từ nhân chỉ cần nghe thôi, khỏi cần giấy bút để ghi chép, cũng không cần thảo luận góp ý gì, cứ nghe mãi vào đầu rồi để nó tự thấm. Cải tạo là cải tạo ở chỗ đó. Nếu không có loa phóng thanh các bài học chính trị thì hóa ra trại tập trung cải tạo chỉ là trại tù khổ sai thôi sao! Cho nên, phải có chút "văn hoá" gì đó để cho trại giam có chút ý nghĩa "cải tạo." Thực ra giả đồ lắng nghe thì cũng chẳng khó khăn gì, có điều hơi phiền cho chúng tôi là mấy anh cai tù cứ đi tới đi lui, kiểm soát xem có người nào thiếu tích cực trong việc "cải tạo" không. Nằm ngủ hay nằm nghỉ trong lúc bài học chính trị đang phát thanh dĩ nhiên là thiếu tích cực, cần phải trừng phạt rồi. Nhưng ngồi co một góc, đưa đầu gối lên ngang mặt cũng là một hành vi tiêu cực. Ngồi bó gối thì có vẻ tiểu tư sản ăn không ngồi rồi, cũng không được. Vậy là, cai tù bắt chúng tôi ngồi duỗi hai chân ra trước mà lưng phải

thẳng—giống như một tư thế du già thể dục vậy đó. Mà thẳng sao được khi một chân chúng tôi "đeo kiềng" thì đặt trên sạp gỗ, cục cựa rất khó khăn, chân còn lại thì bị cùm vào thanh "trường kiềng" và treo hồng lên! Trong tư thế đó, chỉ có mấy nhà xiếc đại tài dẻo xương dẻo gân mới làm cho lưng muốn thẳng thì thẳng, muốn cong thì cong, chứ lũ người lao động nghiệp dư như chúng tôi thì làm sao biểu diễn chuyện đó được! Cho nên, nói là ngồi dậy để học chính trị mà kỳ thực chỉ là tập làm xiếc sao cho khỏi đau lưng mà thôi.

Gần một giờ đồng hồ loay hoay với cái tư thế kỳ cục thốn cả xương sống đó, bài chính trị mới chấm dứt. Chúng tôi thở phào nhẹ nhõm, tính ngả lưng nằm xuống cho đỡ mỏi thì một cai tù khá già bước vào, bảo chúng tôi cứ tiếp tục ngồi tự nhiên! Ông tự giới thiệu tên ông là Đại, cũng là tù như chúng tôi, có điều ông là tù cũ, được giao trách nhiệm kiểm soát và hướng dẫn các phòng giam chúng tôi sinh hoạt vào buổi tối sau giờ lao động. Ông Đại ngủ ở đâu chúng tôi không biết. Suốt ngày chúng tôi cũng chẳng thấy ông đâu cả. Có lẽ ông cũng là một cai tù, có chỗ ngủ trên văn phòng hay một phòng đặc biệt nào đó. Phòng chúng tôi là phòng 2, theo ông Đại cho biết là cần quan tâm lưu ý. Ông Đại cho biết sơ về nội qui, kỷ luật và các sinh hoạt hàng ngày theo kèng báo của trại. Như vậy, thời khoá biểu hàng ngày của chúng tôi được sắp xếp như sau:

- 4 giờ sáng thức dậy lãnh phần cơm điểm tâm (chúng một chén rưỡi); lãnh cơm xong, muốn ăn thì ăn luôn lúc đó hoặc cất để dành ăn chung một lần với cơm trưa thì tùy ý (vì không ăn lúc này thì chỉ có thể ăn được vào lúc cơm trưa chứ không có thời gian trống nào để ăn sáng cả); thức dậy khi các anh nuôi mở cửa đem cơm mằm vào phát chứ không có kèng báo gì cả.

- 5 giờ có kèng báo thức chính thức.

- 5 giờ 30 sáng, hăng hái đứng dậy tập thể dục tại chỗ để thực hiện nếp sống văn minh của xã hội chủ nghĩa (tức là chân vẫn cứ bị cùm nhưng ba mươi người trong một xâu “trường kiểm” phải ráng vịn nhau mà đứng dậy—muốn đứng dậy, phải hô “một, hai, ba” rồi đồng loạt nường nhau mà đứng, người nào không đứng dậy thì số người đã đứng sẽ bị mất thăng bằng khiến cả một xâu người loạng choạng hoặc té nhào hết cả. Đứng dậy trong khi hai chân còn bị cùm cũng là một động tác kỳ công của con nhà xiếc: một chân bị khập khiễng vì treo dính vào “trường kiểm”, chân còn lại tuy có thể đặt được vững vàng trên sàn nhưng cũng đeo một “đoàn kiểm” khá nặng và kênh càng nên phải hết sức chú ý kéo kiểm của mình gác chéo vào kiểm người kế bên, rất dễ té. Chưa hết: đứng được rồi, phải một tay vịn vào vai người kế bên, một tay cử động tập thể dục theo tiếng hô “một, hai, ba, bốn; bốn, ba, hai, một” của anh huấn luyện viên nào đó trong loa phát thanh. Cử động cái tay còn dư đó

thôi, khi nào có cai tù bước ngang hoành hoệ la lối thì ráng đưa luôn cái tay còn lại ra, đưa nhẹ, vừa phải, vì càng động mạnh chân càng đau và có thể khiến cả xâu người đổ nhào. Như vậy, nguyên mười phút tập thể dục chỉ làm được một động tác duy nhất là đưa tay lên trời rồi bỏ xuống).

- 5 giờ 40 sáng, vừa dứt tập thể dục thì mọi người đã đủ tỉnh táo và lòng nhiệt thành hăng hái để cùng cất tiếng ca lên thật to bài “*Như có Bác Hồ...*” gì gì đó. Từ trẻ đến già, trong cùm hay ngoài cùm cũng đều phải hát, và theo như một anh cai tù đi ra đi vào nhắc nhở với nụ cười châm biếm và hai bàn tay nâng lên, hát lên như nhạc trưởng điều khiển dàn đại hòa tấu, ai cũng ngậm hiếu là phải hát cho thật say sưa, thành khẩn, tha thiết theo giọng ca cổ ý hùng tráng và dậm vào quyết tâm của chàng ca sĩ nào đó từ loa phóng thanh. Không thuộc bài ca thì cũng phải giả đồ nhép nhép miệng để khỏi bị cai tù phạt roi. Tiếng ca của cả ngàn tù nhân ở khắp các dãy phòng giam nghe đập dồn hùng mạnh như bước chân chập chùng của một đoàn quân sắp ra trận

tuyến, cơ hồ làm lu mờ cả một bình minh đang rạng sáng ở trời đông, làm tăng thêm lễ sống và ý chí lao động cho người tù... Sau bài ca hớn hờ chào Bác thì tiếp liền nội qui trại. Tất cả đều phải đọc to lên. Dĩ nhiên chúng tôi mới vào đầu có thuộc và có lẽ sẽ chẳng bao giờ thuộc vì không có cán bộ hay cai tù nào đưa bản nội qui bắt học cả: tất cả thì giờ đều dành cho chuyện lao động. Có thể ở một thời gian nào đó trước đây, số tù nhân cũ ở đây đã có một thời gian được nghỉ lao động để học nội qui nên mới thuộc mà đọc vang rân khắp trại.

- 6 giờ sáng được rút sắt cho ra sân, xếp hàng đi lao động. (Tù nhân mới chúng tôi sắp xếp ngồi thành hai hàng, mỗi hàng có xâu chung một “trường kiểm,” ngồi tại chỗ dùng búa và đục để đá, chẻ đá. Đá tảng do toán tù khác vác trên vai về, chẻ ra thành từng miếng nhỏ, rồi đập nát ra cỡ một đồng xu để trải đường đi, xây cất nhà cửa... Đại tiện, tiểu tiện thì có người trực vệ sinh mang lon đến tận nơi lao động)

- Đến 12 giờ trưa thì có người đem cơm đến phát ngay tại chỗ lao động, ngồi trong cùm mà ăn trong vòng 10 phút thì làm việc tiếp.

- 6 giờ chiều được nghỉ lao động, xếp hàng xuống ao để nhúng nước cho trôi bụi bặm bám trên người suốt một ngày dài nắng dầm mưa. Nhúng nước trong vòng 2 đến 3 phút. Ngoài 2-3 phút này, không còn cơ hội nào trong ngày để tắm rửa, giặt đồ, đánh răng...

- 6 giờ 30 chiều nhận phần cơm tối, ăn trong cùm, trên cái sạp gỗ làm giường ngủ.

- 7 giờ tối ngồi dậy trong cùm nghe phát thanh bài học chính trị.

- 8 giờ tối nghe “thủ trưởng”—người chịu trách nhiệm phổ biến các tin tức và thông báo chung của trại cho phòng giam—nói chuyện sinh hoạt phòng giam chừng 15 đến 30 phút. Sau giờ này có anh nuôi hậu cần vào ghi



tên ai muốn mua thực phẩm hay thuốc lá sẽ được anh nuôi đem đến vào những ngày kế tiếp (tiền và quà thăm nuôi của thân nhân gửi vào đều phải đưa hết nơi kho hậu cần cất giữ giùm—chỉ được nhận một số thức ăn tươi và vài thứ cần thiết để dùng trước, khi nào hết thì báo hậu cần, xin lấy thêm). Rồi sẽ có ban y tế (cũng là tù nhân cải tạo) của bệnh xá vào từng phòng để phát thuốc cho người nào khai bệnh. Bệnh nhẹ thì phát thuốc, bệnh nặng thì y tá ghi tên vào sổ bệnh, 6 giờ sáng hôm sau trong lúc điểm danh đi lao động sẽ được cai tù gọi tên cho vào bệnh xá nghỉ bệnh cho đến khi nào ban y tế xét thấy đương sự hết bệnh thì trả về phòng giam để đi lao động trở lại bình thường.

- 10 giờ tối là giờ báo nghiêm, tất cả phải nằm xuống ngủ. Tuy nhiên, ai được cất phiên trực thì phải thay nhau thức mỗi người nửa giờ đồng hồ để gác. Mỗi phòng tùy theo nhân số mà chia cắt việc gác đêm. Đây cũng là chuyện rất khôi hài và khá phiền của trại cải tạo K4. Chẳng rõ đây là do ban quản trại nghiên cứu đề ra hay là do đám cai tù muốn lập công với cán bộ trại nên đã dâng lên cái sáng kiến chứng minh khả năng kiểm soát chặt chẽ của mình. Là như vậy: tù nhân cải tạo suốt ngày lao động dưới sự kiểm soát của cai tù và cán bộ, đêm về đã mệt mỏi lại không được ngủ yên giấc mà phải thay nhau canh gác ngay tại chỗ nằm của mình. Người canh gác vẫn bị cùm chân như bao nhiêu bạn tù đồng sàng khác, chỉ khác là phải ngồi dậy trong khi những người còn lại đang ngủ. Trách nhiệm của anh ta là phải thức trong vòng nửa giờ đồng hồ của phiên gác, ngồi dậy giữa bóng đêm (vì đèn phòng đã tắt vào giờ báo nghiêm cho đỡ tốn điện), cứ ngồi im như vậy để lỡ như có ai trong cùng xâu "trường kiếm" của mình làm việc gì nghe rột rột như là tháo cùm, cưa sắt thì la lên. Người gác đêm này



phải hết sức tỉnh táo mới được, vì chính anh cũng bị cán bộ và cai tù kiểm soát bằng cách nửa giờ đồng hồ đi ngang phòng giam, lớn tiếng hô "Phòng 2 báo cáo đi!" thì phải lập tức "Báo cáo Phòng 2 nhân số 30 người đầy đủ, bây giờ là phiên trực từ 2 giờ đến 2 giờ rưỡi khuya." Phải khai đúng nhân số của phòng giam và phải nói đúng được khoảng thời gian mình đang gác để chứng tỏ mình đang tỉnh chứ không ngủ. Anh nào trả lời sai, có cai tù tông cửa xông vào phòng lấy roi hay gậy quất túi bụi: "Ngủ hả, đánh cho mày tỉnh! Ngủ quên lỡ thằng nào trốn trại thì sao biết được hả!" Mỗi người gác nửa giờ đồng hồ, từ 10 giờ đêm đến 5 giờ sáng gồm có 14 phiên gác. Buổi tối vào giờ sinh hoạt phòng giam, thủ trưởng sắp xếp chia phiên gác đêm cho 14 người trong đêm đó, đêm sau đến lượt 14 người kế tiếp. Phòng 30 người thì trung bình cứ ngủ yên được một đêm thì một đêm khác có phiên gác của mình. Người không gác đêm thực ra cũng chẳng ngủ yên được vì cứ nửa giờ lại có tiếng đối đáp ồn ào qua lại giữa cai tù và người

gác. Ngoài ra, nửa giờ đồng hồ có ba tiếng keng nghe rất chói tai ở góc nào đó gióng lên báo cho những người gác đêm biết mà đổi phiên gác (bằng cách gọi anh bạn tù nằm kế bên dậy gác thay mình).

Đại khái một ngày của tù nhân tại K4 là như vậy. Khác chẳng là ở "hiện trường lao động," thay đổi tùy theo nhu cầu công việc và nhân sự. Có khi chúng tôi được điều ra khuân vác đá tảng từ bờ hồ vào sân của Khu C; có khi dọn vệ sinh chung quanh nhà cầu... Tù nhân đông mà không bao giờ thiếu việc. Ban quản trại và những cai tù tích cực luôn tìm cách sáng tạo ra nhiều công việc cho tù nhân làm, liên tục từ ngày này sang tháng nọ, năm này tới năm kia, mỗi tuần chỉ được nghỉ ngày chủ nhật—mà cái ngày nghỉ duy nhất trong tuần này cũng thường bị lạm dụng xâm lấn, gọi là ngày để "dâng Bác," "dâng Đảng" như thể Bác và Đảng là thứ cô hồn hoạnh tử nào lẫn quần lang thang ở đâu trong mây bụi rậm của trại giam chờ người được cúng quai vậy. Làm việc không lương, ăn uống

không đủ chất lượng, sáu ngày một tuần, mười hai giờ một ngày, đám tù mệt mỏi chỉ mong đợi có ngày chủ nhật, vậy mà cứ bị huy động làm việc thêm để dâng Bác, dâng Đảng! Cho nên họ ức lắm. Có người học được ở đâu câu chuyện tiểu lâm, đem kể cho nhau nghe trong giờ giải lao làm cho cả toán tù chính trị cười tùm tùm với nhau, đỡ mệt nhọc.

Chuyện kể rằng có một chiếc ghe vượt biên bị đắm, trên ghe chết hết chỉ còn một người đàn ông và sáu người đàn bà bơi được vào một đảo hoang. Trong hoàn cảnh buồn tẻ của đảo hoang ấy, bất đắc dĩ họ trở thành vợ chồng. Ông chồng duy nhất này được sáu bà vợ chăm sóc mọi thứ chỉ để làm mỗi một việc là "làm chồng." Có chuyện đó thôi mà ông cũng mệt mỏi, chán ngấy. Cho nên, một hôm trông thấy ngoài khơi một dáng người ôm khúc gỗ đang từ từ trôi tấp vào bờ, cả bảy người trên đảo hoang đều vui mừng. Sáu bà vợ thầm nghĩ rằng: "Ước chi đây là một người đàn ông." Ông chồng cùng mơ ước như sáu bà vợ: "Ước chi đây là một thằng đồng nghiệp, chia sẻ bớt công việc của mình." Người bị nạn và khúc gỗ càng lúc càng gần hơn làm tăng niềm hy vọng và nỗi hồi hộp của bảy người. Nhưng đến khi có thể nhìn thấy rõ được người kia, cả bảy người bật ngửa ra, thất vọng: một người đàn bà! Sáu bà vợ chán nản, bỏ đi, không thèm tiếp rước đồng nghiệp mới. Ông chồng thì không kềm được bức tức, la lên: "Mẹ kiếp! Có mỗi một ngày chủ nhật để nghỉ ngơi vậy mà từ nay cũng mất luôn rồi!"

Đó là chưa kể những giờ lao động phụ trội, thay vì mỗi ngày làm việc từ 6 giờ sáng đến 6 giờ chiều thì bắt làm thêm 2 giờ đồng hồ sau khi ăn tối, đến 8 giờ hoặc 8 giờ rưỡi mới được về phòng giam. Tận dụng tất cả công sức và khả năng của tù nhân cải tạo từ nhiều năm qua,

trưởng trại K4 và tập đoàn thuộc hạ dưới tay đã tạo nên một khu du lịch chiếm mấy trăm mẫu đất, mấy trăm mẫu ruộng, trong đó có một sở thú với nhiều chuồng thú nhập cảng từ nước ngoài, một công viên, nhiều hồ cá cảnh (trong đó có hồ sen mà chúng tôi xuống tắm mỗi chiều), vài khách sạn và vài nhà hàng sang trọng chuyên tiếp đón người nước ngoài... Tất cả khu du lịch ăn chơi nổi tiếng của K4 đều do khối óc và bàn tay của tù nhân tạo dựng nên. Lúa gạo, ngũ cốc, gia súc, thịt, cá, bàn ghế và vật dụng bằng gỗ, đồ gia dụng bằng nhôm, đồ gia dụng bằng thép, đá vụn xây nền móng cho nhà cửa v.v... tất cả những thứ này đều do tù nhân sản xuất ra để tập đoàn quản trại K4 hưởng.

Trưởng trại tên là Nhân, tục gọi là Út Nhân, sống đời sống vương giả, quyền uy như một ông hoàng, ông chúa. Cơ nghiệp kếch sù và thế lực vững mạnh của ông này thừa khả năng phá lấp hết mọi nghi vấn và nỗi ganh tị của các cơ quan thanh tra kiểm soát nào đó của Đảng và Nhà nước. Tập đoàn quản trại K4 cũng đủ khôn ngoan đến ngăn chặn các phái đoàn nước ngoài đến tham quan trại. Phái đoàn nào đến tìm hiểu sinh hoạt trại giam thì cũng chỉ được trưởng trại khoe khoang các thắng cảnh do bàn tay tù tạo nên chứ chẳng bao giờ được thấy bộ mặt thật của tù nhân. Có gặp chẳng là gặp các anh cai tù mập mạp, được phát quần áo hần hoi. Những anh cai tù này vốn là những người được cán bộ tin dùng và ưu đãi, đang sống ở giai cấp chỉ huy của tù nhân, luôn sung túc vì được cán bộ trại ban thưởng mỗi khi tù nhân làm việc đạt chỉ tiêu, được cán bộ cho phép nhận quà thăm nuôi đầy đủ mỗi nửa tháng, đồng thời được nuôi béo bởi có nhiều cơ hội để bóc lột quà cáp thăm nuôi của tù nhân nào muốn được nới tay roi vọt và được sắp xếp công việc

lao động nhẹ. Nghe nói mấy anh cai tù cao cấp của trại có người được trả tự do rồi mà còn quay trở lại xin được làm công nhân ăn lương, làm việc cho trại. Từ xưởng trại đến tù nhân thực thụ phải trải qua nhiều giai cấp xã hội: cán bộ cấp chỉ huy, cán bộ cấp thừa hành, công nhân (đã được miễn án hoặc sắp miễn án, cấp này làm trung gian giữa cán bộ và cai tù), cai tù (chức năng) cấp chỉ huy, cai tù cấp thừa hành—tức là đàn em thuộc hạ của cai tù cắt cử ra để thay phiên mình kiểm soát từng đội lao động nhỏ—rồi mới đến tù nhân. Với nhiều tầng lớp bao che nhau trong lừa dối như vậy, phái đoàn nào đến điều tra mức sống của tù nhân ở trại K4 cũng đều dừng lại ở khu vực khách sạn và nhà hàng sang trọng phía bên kia bờ hồ, gần quốc lộ để được trưởng trại tiếp đãi. Thằng hoặc có được đưa vào sâu hơn, sát hơn với khu trại thì cũng chỉ ngồi trong căn "nhà tròn" (chữ dùng của tù nhân), căn nhà gỗ rất đẹp xây trên hồ sen như một thứ thưởng nguyệt lầu hay thưởng hoa lầu nơi ngự uyển của cung vua, để nhâm nha yến tiệc, nhìn đám cai tù hay tù nhân mập mạp được tuyển lựa bày trò đóng kịch thành thơ, dạo bờ hồ ngắm cảnh... Những màn kịch đó chỉ làm vui lòng người xem, còn diễn viên thì dờ khóc dờ cười, không còn lời nào để bàn nói về sự dối trá mỉa mai làm nặng nề thêm cho thân phận tù đầy đói rách. Sự dối trá dù ở mức độ thấp nhất, có tính cách cá nhân và chỉ tác động lên một thiểu số đối tượng nào đó thì đã là chuyện không thể tha thứ được; vậy mà, ở xã hội này, điển hình là ở trại giam này, nó được thực hiện công khai, không chút giấu giếm, không chút xấu hổ. Có khá nhiều lần trại tiếp đón các phái đoàn nào đó đến thăm trong đó có hai lần khá buồn cười làm tôi nhớ mãi.

(còn tiếp)